

VÕ HỒNG

TRĂM MẠC
CÂY RỪNG

LÀ BỒI

Trăm mặt cây rừng

Võ Hồng

trầm mặc cây rừng

Võ Hồng

Bìa: *Đinh Cường*
Nguồn: *Thư viện Tiểu Lùn*

trầm mặc cây rừng

VÕ HỒNG

LÁ BỐI
in lần thứ nhất 1971
SAIGON – VIETNAM

MỤC LỤC

1. Bọt trắng	11
2. Đôi ngả	61
3. Hãy đến chậm hơn nữa	105
4. Những bước chân êm đềm	133
5. Chuyển về Tuy Hòa	163
6. Lương mai	231
7. Trầm mặc cây rừng	269



NHÀ VĂN VÕ HỒNG
(1921 - 2013)

qua đời lúc 14 giờ chiều
ngày 31 tháng 3 năm 2013
tại thành phố Nha Trang, Việt Nam.
Thọ 92 tuổi.

BỌT TRẮNG

Mũi tàu rẽ sóng, bọt trắng dạt ra hai bên sườn tàu, tiếng rì rào, tiếng xào xạc, bọt xáo trộn quay cuồng. Sừng sững bất động ở trước mặt là đường chân trời, là những doi núi nằm yên lặng tạo ranh giới cho cái vịnh thiên nhiên này. Ngày mai tôi sẽ rời xa nó. Tôi tham dự cuộc du ngoạn cuối cùng. Lúc này ông Huỳnh, trưởng đoàn bảo tôi:

– Anh được xếp hạng riêng, khỏi ghép ở trong hàng đội, khỏi nghe tiếng

còi hiệu lệnh, khởi điểm số, khởi báo cáo, khởi...

Xung quanh tôi, sáu mươi nữ sinh và gần năm mươi nam sinh, có người vừa đỗ Tú tài 2, có người vừa thi Tú tài 1 xong, có người sắp lên đệ Nhị. Họ ngồi rải rác ở mọi nơi nào có thể ngồi được. Họ đứng ở trên sàn tàu, ở mũi, ở lái, tay nắm thanh sắt vòng theo bao lơn. Minh và Trọ đứng tựa vào khẩu đại bác bốn mươi ly chia hòng ra hàng trước mũi tàu. Áo quần đủ kiểu đủ màu. Châm, Ký, Hạnh, Nhân mặc mini-jupe. Dân, Sử, Lan, Chế Phụng mặc sơ mi ngắn bằng chỉ đan với những đường ngang màu xanh màu hồng nhạt. Cô Tổng Tử Hoàng người Trung hoa mặc áo lụa ngắn với cổ áo thêu kiểu Mãn Thanh. Tôi không ngờ gặp lại Vân.

– Em năm nay học ở Nữ Trung học?

Vân không trả lời ngay. Thấy tôi đang đợi chờ, Vân nói:

–

Tiếng trả lời nhỏ bị gió thổi đi mất. Vân phải nói lại, to hơn:

– Em thôi học rồi.

– Để lên xe hoa?

Vân cười:

– Không. Em bán ở pharmacie.

– Sao không học tiếp? Đi làm sớm chi vậy?

Tiếng trả lời lại bị gió thổi bay đi. Sóng và gió làm phiền những người đàn bà, bắt họ phải gào to trước mặt người đối thoại. Há miệng và nói to không phải là nét duyên dáng của họ, mà trái lại, họ

cần những nét nhỏ nhoi và nhu mì, đi những bước ngắn và chậm, mỉm cười nửa miệng và tiếng nói chỉ khẽ động nửa vành môi.

Mũi tàu lượn trên những đợt sóng, rẽ nước phẳng phẳng. Tôi ngồi im thưởng thức cái tài nghệ của anh em Hải quân. Chỉ huy những con tàu theo ý muốn của mình và đặt biển cả, đặt luôn cả địa cầu dưới sự thao túng ngang dọc của mình. Tôi nói thầm với một thủy thủ tưởng tượng:

– Khoa học tặng cho anh một khí cụ tuyệt hảo là con tàu. Người bạn phi công của anh cũng được khoa học tặng cho những chiếc phi cơ. Các anh có dịp biểu lộ tài nghệ khi sử dụng chúng. Những người yêu của các anh được mời lên con tàu, được mời lên phi cơ và họ sung sướng hãnh diện thưởng thức khả năng

của khối óc và của bàn tay của các anh. Lòng kính phục làm tăng thêm tình yêu. Các bạn bộ binh chịu thiệt thòi hơn. Họ chỉ có súng nhỏ súng lớn được tạo ra với mục đích là hằm hằm bắn giết. Tàu thủy và phi cơ thì không. Đó là những dụng cụ từng được loài người mơ ước từ những ngày hồng hoang sơ khai. Làm sao mà đi được dưới nước như cá, bay được trên trời như chim. Anh bạn quân xa được sử dụng những chiếc xe, nhưng đó không nhằm vào mơ ước của người yêu của anh. Nàng chỉ chịu ngồi Renault 8, Peugeot 404 nếu không ngồi nổi Cadillac, Chrysler. Tệ lắm thì cũng phải Toyota. Anh bạn Tâm lý chiến thì còn nghèo hơn. Tặng cho người yêu những tập “Thông tin chiến sĩ” nhưng người yêu không thích đọc nhật lệnh va bản kê chiến lợi phẩm. Người yêu của anh khi cần giải trí thì chọn những mục trả lời

thư tín, tâm sự bốn phương phụ trách bởi các ca sĩ Kim Cương, Kim Loan... minh tinh màn bạc Thẩm Thúy Hằng, Mộng Tuyền... Thế mà gian lao cực khổ là anh bộ binh. Phải giữ những cái đồn heo hút xa xôi. Phải lọt vào ổ phục kích, trợn vện như một bầy cá rơi gọn vào ổ lưới rừng.

Những chiếc ca-nô sơn xanh trắng hai màu xé nước chạy vùn vụt về một phía. Ngồi trên ca-nô là những người Mỹ ở trần. Cạnh tôi, hai thiếu nữ nói chuyện với một thủy thủ. Giọng miền Nam ngọt ngào:

– Những hải đảo này mà nghĩa lý gì hử hai cô? Tụi tôi còn đi xa, còn gặp nhiều những hải đảo ở mọi chân trời. Thế nhưng... nhưng người thủy thủ chúng tôi có một hải đảo trung thành với mình, lưu luyến không rời, đó là...

Người thủy thủ ngừng nói, chăm chăm nhìn hai nàng:

– ...đó là hải đảo cô đơn. Chúng tôi cô đơn như những hòn hải đảo.

Một cô, mặc áo mộng-ta-gu màu lúa chín mỉm cười:

– Mấy anh mà cô đơn! Hể lên bờ là quấy phá ra gì.

Người thủy thủ:

– Tùy từng người đó cô. Như tôi thì tiêm nhiễm sự yên lặng của biển cả nên tôi trầm ngâm hơn là vui nhộn.

Mây trắng nhờ nhờ dán chặt lên nền trời khiến cái nắng cũng nhàn nhạt. Gió thổi ngược với mũi tàu. Lịch vừa nhai mía vừa nói chuyện thi cử với Tâm:

– Vừa thi xong chiều thứ Sáu. Ở Trung tâm Nữ Tiểu học nghe có giám thị đóng cửa lại để nhắc cho thí sinh.

– Đã chắc nhắc đúng chưa? Nhiều giám thị nhắc sai. Tỉnh tử của “matin” mà dám bày là “matinée”.

– Con An đồ bình thứ là cái chắc. Nó đang học lớp đệ Tứ mà chẳng biết tạo giấy tờ ở đâu để đi thi. Anh nó làm hết mọi bài rồi nhờ giám thị phòng đem trao giùm.

– Ở phòng con Kim Chi có một thí sinh mặc quân phục đi thi. Túi quần chứa tài liệu. Súng cối, đại bác còn không sợ, sợ gì mấy cô giám thị. Những con nhện, những con chuột cũng đủ làm cho các cô ù té chạy và xanh máu mặt rồi. Vả lại, không ai ganh tị với các chiến sĩ.

Từ nãy đến giờ tôi để ý đến Dung Nghi mặc mini-jupe màu light turkey. Màu áo làm cho da tay da chân thêm trắng. Dung Nghi ít nói chuyện với các bạn mà hay đứng một mình tựa tay lên thành tàu nhìn xuống sông nước. Lúc nãy đứng đợi tàu ở Cầu Đá, tôi thấy nàng đi lang thang cạnh những chiếc cần trục. Tiếng máy nổ rì rì, cần trục cúi xuống gắp tàu rồi ngửng lên, mang những bao gạo có buộc dây sẵn vào lưỡi móc, xoay nửa vòng, lại cúi xuống từ từ bỏ gạo vào lòng chiếc xe vận tải. Những cử động chậm rãi và bền bỉ nhịp nhàng đó có cái vẻ gì giống những cử động tay chân của người lao động. Người lao động không bao giờ làm việc hối hả. Sức lực được tiết kiệm cho sự lao động kéo dài ngày này qua ngày khác. Một dãy bảy, tám cái cần trục như vậy cứ nhẩn nại hoạt động theo nhịp bình thường của chúng, nơi kia

trục những bao bột, nơi khác trục những thùng gỗ to. Có một lần bao gạo bị sút ra khỏi dây, dính lỏng lẻo chỉ ở một đầu mút. Khi cần trục xoay, bao gạo đi ngang đỉnh đầu của Dung Nghi nhưng tôi thấy nàng vẫn bình tĩnh ngược lên nhìn. Và bây giờ đây nàng mê mải nhìn những bột trắng bị vệt ra hai bên sườn tàu.

Đại úy Bá, thuyền trưởng, đứng ở đài chỉ huy lớn tiếng:

– Xin các cô đừng nhìn xuống nước. Một lát sẽ say sóng.

Nhiều cô rời thành tàu lại ngồi ở giữa sàn nhưng Dung Nghi vẫn đứng đó. Gió biển mát làm cho hơi thở nhẹ nhàng. Đại úy thuyền trưởng lại bàn hải trình với trưởng đoàn:

– Gió này thì không dám cho tàu ra khơi. Các cô các cậu sẽ say sóng mưa hết.

– Đại úy cho ra đó để họ được xem hải đăng.

– Tôi biết họ không chịu nổi sóng đầu. Những người quen với sóng gió như chúng tôi mà cũng có kỳ say sóng bỏ ăn hàng đôi ba ngày. Khắc ra máu nữa.

– Vậy đại úy định cho tàu ghé vào đâu?

– Có cái bãi này khá hay. Chúng ta ghé vào đây.

Tàu quay mũi vào bãi. Các thủy thủ chạy lăng xăng, đeo ống nghe, nhận lệnh, báo cáo, lo neo, chuẩn bị dây neo. Những tiêu lệnh: cho chiều sâu... thả 30 thước... neo hướng 2 giờ... 45 độ...

Trung úy Trang, thuyền phó bảo tôi:

– Chúng tôi đang ở một mặt biển khá lý tưởng, biển dầu có sóng gió hơn, chúng ta sẽ được biển 1, biển 2, biển 3, biển 4...

– Trung úy đã gặp nhiều cơn bão lớn?

– Nhiều.

Giọng Phương Thảo chen hỏi:

– Phải lật đặt cho tàu chạy vào vịnh trốn phải không Trung úy?

Trung úy Trang lắc đầu:

– Trái lại. Những khi đài thiên văn báo tin có bão thì bao nhiêu tàu bè đang đậu đều kéo neo cho chạy ra khơi hết.

Phương Thảo la lên:

– Trời ơi! Thế thì chết.

Đại úy Bá:

– Cô an tâm. Kinh nghiệm hàng hải dạy vậy mà. Chúng tôi phải đối phó với những trận bão ghê gớm, những cơn sóng 15 thước cao. Sóng mạnh quá có thể làm gãy hai con tàu.

– Nguy hiểm vậy?

– Có những trường hợp con tàu của mình lọt đúng vào giữa tâm bão, nghĩa là một vùng yên tĩnh hoàn toàn trong khi xung quanh sóng gió kinh khủng.

– Thế thì tuyệt rồi. An toàn bảo đảm, Hoa nói.

– Không phải vậy. Phải tìm cách đưa con tàu ra khỏi ngay tâm bão. Nếu không thì nó sẽ bị cuốn hút theo cái tâm bão

đó, — cô nhớ rằng cái tâm bão đó nó di chuyển — và con tàu sẽ chạy lên đất liền luôn.

Lài, Xíu và Thái thích thú cười, tay quàng vào cổ nhau mà cười bởi đang tưởng tượng thấy con tàu thủy lên bờ hóa thành chiếc tàu hỏa.

Tàu bỏ neo. Nghiệm hỏi to:

– Đâu xa thế này thì làm sao mà vào bãi?

Tôi nói:

– Việc đó có ông thuyền trưởng lo.

Còi tàu thổi “toe” lên một tiếng. Rồi một tiếng. Chẳng ai biết là hiệu lệnh gì, chỉ thấy những người đứng ngồi trước đài chỉ huy lật đật bịt tai nhắm mắt. Trước mặt chúng tôi, một ca-nô rẽ sóng phẳng

phẳng chạy. Còi tàu lại toe lên một tiếng nữa. Rồi một tiếng súng nổ đánh “chác” trên đầu. Chiếc ca-nô trở mũi chạy về hướng con tàu. Một hạ sĩ giải thích cho Châu đứng gần đó:

– Tàu của tụi tôi là tuần duyên đình PGM, gọi nôm na là tàu tuần. Hể nghe còi tụi tôi là ghe cộ nào cũng phải dừng lại, quay mũi lại gần để tụi tôi kiểm soát.

– Tiếng súng bắn chỉ thiên vừa rồi chắc là lời cảnh cáo giận dữ? — Châu nói.

Người hạ sĩ cười:

– Đúng như lời cô. Ở trên đất liền, các cảnh sát viên dung tu huyết và súng bắn chỉ thiên.

Chiếc ca-nô xăm xăm chạy lại gần. Một người Mỹ ở trần đội mũ lác ngồi

bên người nhân tình địa phương của anh mặc áo tắm màu xanh lá cây. Bốn người thanh niên Việt ngồi sau lái. Có tiếng ở tàu tuần hải xuống:

– Nhờ chở giùm ít chuyển vào bãi được không?

Tiếng người đàn bà:

– Thưa quý ông, ca-nô chúng tôi thuê giờ.

Người đàn bà quay lại nói gì đó với người Mỹ nhưng hắt ta mặt lầm lì không đáp. Tiếng ở trên tàu.

– Thôi cho chạy.

Tài công nổ máy. Người đàn bà cảm ơn và nói gì đó với người Mỹ nhưng hắt vẫn mặt lầm lì yên lặng. Tôi đoán biết hắt nghĩ gì. Những chiếc tàu do chính

phủ nước hắt viện trợ, những sĩ quan nhờ phương tiện của nước hắt mà được huấn luyện và công tác... thế mà giờ đây hắt bị ăn hiếp. Ở trên đất liền, hắt không chịu ngồi thu hình nhu mì như vậy đâu.

Tàu nằm đợi một lát rồi lại toe toe mấy tiếng. Hai chiếc ghe câu ghé sát lại. Thương thuyết. Móc thang sắt xuống. Lần lượt di chuyển hành lý và người xuống. Ghe nổ máy. Bể đi bao nhiêu năm tôi không được thấy một thân người nằm ngả trên tay chèo, đôi chân nhịp nhàng rún tới kéo lui. Người dân chài hôm nay có thể đứng uy nghi với đôi mắt nhìn đăm đăm của một vị Thủy sư đô đốc. Chỉ thiếu cái ống nhòm đeo nơi cổ và cái mũ lưỡi trai có nhiều vòng vàng. Ghe tôi đến gần bãi thì ghe trước đã đổ bộ xuống rồi. Các cô mặc áo nhiều màu và che dù cũng nhiều màu, đi thành hàng dọc

trông xa như một đám cưới. Đẹp nữa là bóng của họ in ngã xuống mặt nước. Lúc họ đứng quây quần quanh tôi, tôi không để ý bao nhiêu đến màu sắc. Có lẽ tại vì mình quen thấy điều đó. Con mắt chúng ta không bao giờ thấy hết những điều có thể thấy. Tôi nói:

– Những màu áo lòe loẹt đi trên thuyền và bước xuống thuyền giống như một đám cưới nhà quê.

Cô Duệ cãi lại:

– Bây giờ ở nhà quê đám cưới người ta cũng dùng ô-tô rồi. Nói chuyện đời xưa thì có.

Tôi đồng ý là cái quang cảnh đám cưới mà tôi liên tưởng là một đám cưới cách đây mười, mười hai năm. Nhưng tôi cũng không muốn cải chính bởi vì giọng

nói của Duệ không được dịu dàng. Chắc cô ta ở nhà quê và cô có nuôi những thành kiến, những mặc cảm.

Cùng đi một chiến thuyền với chúng tôi có hai tu sĩ Nguyên Đạt và Nhật Quang. Nhật Quang đang cầm một cây sào chống cho ghe vào bờ. Tôi nghĩ đến một hình ảnh: “Mượn chiếc thuyền Từ qua bể Ái”. Nhưng khi nhìn Thoa ngồi ở mũi thuyền quay nhìn lại tôi thì tôi thấy bể Ái đã ở ngay trong lòng thuyền rồi. Còn chạy trốn qua mặt biển nào nữa? Thoa đội một cái mũ cát kết bằng nhung dày màu tím nhạt. Cái cát-kết và khuôn mặt tròn trĩnh làm tôi nghĩ đến một nữ cán bộ Hồng quân Trung hoa. Do một tấm hình nào đã xem trên báo ghi sâu một ấn tượng.

Thuyền cập bến chòng chênh. Nhiều bàn chân trắng nõn trượt trên những

tảng đá rêu trơn. Có người thấy nước còn sâu rụt rè không dám bước xuống. Ông lái nói:

– Coi chừng giậm trúng hàu.

Mấy cái đùi thò xuống nước vội co lại. Tôi đứng chuyên những cái giỏ xách nặng. Linh vừa trao xác cho tôi vừa nói:

– Đi với mấy thầy mà sợ gì. Có chìm ghe cũng chả lo. Thầy đưa mình qua luôn Tây phương cực lạc.

Lên bờ. Những tảng đá nằm kề những tảng đá, nằm chồng lên những tảng đá. Cây đước, cây mắm, cây bần... Dưới bóng một cây bần có tàn rộng đứng trơ trọi giữa bãi, Nguyên Đạt ngồi xếp bằng như Phật ngồi dưới gốc bồ đề.

Chuyến ghe chót vừa đến thì đã nghe tiếng còi tu tu của trưởng đoàn, tập hợp

theo tiểu đội, đi hàng một vào xóm. Xóm đây chỉ gồm một ngôi nhà, một gia đình. Trưởng đoàn cho lệnh: ăn, nghỉ, tắm rồi sẽ nghe thuyết trình của ông chúa đảo, nghĩa là ông gia trưởng độc nhất của đảo.

Bữa ăn đặt trên những tấm giấy nhật trình lớn. Bánh mì, cá hộp, pa-tê, pho-mát nhà binh, pho-mát “con bò cười”. Không còn ai dỡ cơm đem theo và đem theo những chai nước trà. Bàn ăn nào cũng đựng đầy những lon coca-cola, pepsi-cola. Kiều Nhiệm và Kiều Ly mang cả tráng miệng bằng bánh đông sương. Những gia đình Việt Nam hãy cố gắng một chút để giữ cho con gái làm được những món bánh mứt như vậy, thuê cho được một cái khăn và may cho được một cái áo ngắn. Không phải cốt để tiết kiệm tiền so với việc mua bánh ngoài tiệm, mua khăn ngoài hiệu. Mà cốt để tập đức

nhấn nại. Ngồi hấp cho được từng ấy cái bánh phải tốn hàng bốn, năm giờ và để tiêu diệt chúng chỉ cần mười lăm phút. Con người thời đại không mấy nhấn nại. Hung bạo do đó mà sinh ra. Người ta yêu cuồng, sống vội và chết cũng dễ dàng. Có súng lục, súng trường đó. Cám ơn cô Kiều Nhiệm và Kiều Ly. Tôi học được bài học nhấn nại trong đĩa bánh đông sương này.

Nguyệt mời tôi những cái bánh in.

– Bánh của thầy trụ trì cho em.

Tôi chợt nhớ: lễ Vu lan vừa qua được mấy ngày.

Nhưng đứng dựa vào thân dừa cắn một quả táo. Vỏ táo màu hồng giống như da mặt nàng bị rám nắng. Thịt táo trắng lẫn với hàm răng trắng của nàng.

Bữa ăn không kéo dài bởi vì vườn dừa nắng dọi. Những người ăn xong tản ra bãi nơi đó có hai con điều giấy do anh Đường và anh Phú vừa thả. Có lẽ đó là những con điều đầu tiên lượn nhấp nhô dưới bầu trời hoang vu này. Mấy người con của ông chúa đảo bị cắt đứt liên lạc với đồng bào trong đất liền chắc chỉ biết làm được những cử chỉ sinh hoạt gần gũi tối thiểu: ăn, ngủ, khóc, cãi nhau...

Ba tiếng còi cho phép tắm. Cả bọn mừng rỡ ôm quần áo ù té chạy. Thật là một lũ điên. Làm như ở Nha Trang không có biển. Nước cạn quá nên tôi tìm một bóng cây ngồi nghỉ vãn vơ. Thuận, Chấn, Lưu hăm hở mang theo kiếng lặn, ống thở, chân vịt, súng bắn cá đều tiu nghỉu đứng nhìn một vùng nước cạn menh mông. Bùn làm đục nước ở mỗi bước chân. Khánh và Thư đã thay áo hồi

nào làm tôi bỏ ngỡ nhận không ra. Buổi sáng áo một màu, bây giờ thì rằn ri xanh đỏ loạn xạ. Vàng, phải dẫn dụ bằng màu sắc và bằng hương thơm như những con bướm.

Dung Nghi đi một mình trên những gộp đá. Màu áo light turkey thu hút đôi con mắt tôi. Ngọt ngào và mơn trớn. Lúc này đi trên bãi, tôi để ý thấy nàng đi hơi cong lưng một chút. Đó là dáng đi của người khiêm tốn nhu mì. Sao lại có sự mâu thuẫn nơi Dung Nghi? Khuôn mặt, mái tóc, màu áo đều rực rỡ và kiêu kỳ. Một nốt ruồi dưới khóe mắt. Tôi nghe những nhà tướng số đều chê tất cả mọi nốt ruồi trên khuôn mặt, nốt ruồi càng lớn càng xấu. Thế nhưng tôi vẫn yêu cả cái nốt ruồi của Dung Nghi. Hãy để cho tôi nhận lãnh hết, nhận lãnh tất cả những

ảnh hưởng xấu của cái nốt ruồi của em, hỡi Nghi ơi!

Ngày mai tôi sẽ rời bỏ thành phố để làm dân miền Cao nguyên, về ở thị trấn Buôn Muôn Thuở. Quân vụ lệnh nằm ở trong túi bên ngực trái. Theo đơn vị trấn đóng ở đây đã hai năm nhưng Nha Trang với tôi vẫn xa cách cô liệu.

Cử sà ngồi lại gần tôi.

– Sao em không tắm?

Cử trả lời:

– Hôm nay em không thích tắm. Ngày kia em về Sài Gòn rồi. Phải gắng thi cho đỗ vào Y vào Dược, nếu không thì em phải đi lính. Hết hạn tuổi rồi, không có con đường thứ ba. Nhưng em sợ là không đỗ nổi. Học hai tháng luyện thi phải trả bốn nghìn. Ba em không giàu..

Tôi nghe ngày xưa các cụ đồ dạy học trò chỉ nhận đủ gạo ăn. Trong một xã hội ai cũng nghèo nên ai cũng giữ được đạo đức một cách thông thả. Ngày nay thì dĩ điểm là kẻ ăn tiêu sang trọng nhất trong xã hội nên người trí thức cũng phải chạy đua theo. Nhưng còn lâu mới kịp. Không thể trách người có học ăn to bởi vì có những kẻ dốt và ngồi không mà ăn to gấp mười gấp trăm. Ba của Cử làm công chức ở tòa Tỉnh sắp về hưu mà lương chỉ có mười lăm ngàn đồng. Nghe những người nhà giàu nói chuyện về cách tiêu tiền mà say mê như nghe kể chuyện thần tiên, chuyện cổ tích. Ông Lợi Hưng mời người dạy kèm cho một đứa con học Toán đệ Tam, cứ mỗi giờ trả bốn trăm đồng. Thường dân nghèo trả học phí cho con lớp đệ Ngũ mỗi tháng bốn trăm đồng mà có tháng chạy tiền không ra. Nghe nói thằng Cương được một cái học

bổng đi Tây Đức nhưng đành phải bỏ vì nhà không có đủ tiền mua vé máy bay. Một người quen của tôi đang làm thủ tục cho đứa con đi du học Bỉ. Mỗi tháng chạy gửi cho con mười tám ngàn đồng. Mỗi năm chính phủ cho phép gửi thêm sáu mươi ngàn đồng để chi phí bất ngờ, như vậy là trung bình mỗi tháng hăm ba ngàn đồng. Nhưng đợt đầu thì đòi hỏi phải có đủ năm trăm ngàn đồng. Tiền vé máy bay hết một trăm ngàn. Tiền gửi đợt đầu ba tháng: một trăm ngàn. Tiền may sắm một trăm năm chục ngàn. Tôi hỏi:

– Thế còn tiền gì nữa? Mới có ba trăm rưỡi ngàn.

Ông bạn quen trả lời là những chi phí linh tinh. Ở nghĩa cho người làm thủ tục giấy tờ, tiền vô ra ba, bốn lần lo làm thủ tục, tiền phòng khách sạn. “Ít nhất cũng một nghìn hai trăm đồng, tiền

thuê một phòng khách sạn một ngày.”

Tôi nghĩ: Lương của tôi chỉ đủ để thuê một phòng khách sạn trong tám ngày. Không có tiền ăn. Cả gia đình của Cử chỉ tiêu trong số mười lăm ngàn đồng lương. Chẳng lẽ phải mua vé số kiến thiết để cầu mong trúng số độc đắc cho Cử đi du học.

Hai cánh chim hải âu lượn nhẹ nhàng gần sát mặt nước. Màu lông trắng và đôi cánh dài. Thanh Bình mặc bikini đi khắp khểnh về phía tôi.

– Sao vậy?

– Em bị hàu cắt.

– Xem nào.

Nàng lật gan bàn chân và tôi đưa hai ngón tay vạch thấy một đường cắt dài

ba phân. Không có máu chảy. Bàn chân thật quý giá khi nó là bàn chân của người khác. Những giọt nước biển còn đọng trên da cánh tay của Thanh Bình. Nàng khập khểnh đi tiếp về trạm thuốc cấp cứu để nhờ anh Tâm băng bó. Ba giờ chiều. Lại thối còi tập hợp. Nhiều anh ôm quần áo chạy, chưa kịp mặc.

– Đoàn trưởng có nói rồi. Hễ nghe còi là chạy, dù đang mặc quần cũng bỏ quần mà chạy.

Lý văn Xuân nhắc lò cò, bàn chân trái băng bó dày cộm. Lại một nạn nhân của hàu. Tòng và Cát mặc quần tây ngắn ca-rô bó chặt đùi và dài tới đầu gối. Lập cột gút vạt áo sơ mi ở trước bụng.

Lệnh thu dọn hết tất cả đồ đạc. Quét chôn những rác rưởi. Rồi lên nhà chúa đảo. Đó là một người trạc năm mươi

tuổi, béo phịch bụng to. Sau khi trại sinh ngồi dàn hai bên, trưởng đoàn giới thiệu bằng những lời bay bướm:

– . . . Nhờ sóng gió trùng dương bất ngờ đưa đẩy mà chúng ta cập bến vào hải đảo cô liêu này... chúng ta sẽ rời xa nó để trở về đô thị như áng mây phiêu lãng kia không hẹn dừng chân ở lâu một bến bờ nào... các bạn sẽ nghe con người vĩ đại này kể lại cuộc phiêu lưu của mình... một cuộc đời vĩ đại... một cuộc dẫn thân vĩ đại...

Những cô nữ sinh đẹp và vẻ mặt thông minh đã bắt đầu mỉm cười khi nghe đến tiếng “vĩ đại” thứ năm. Phụ nữ tinh tế hơn đàn ông và có tinh thần hài hước hơn đàn ông chẳng? Hay họ ít che giấu được những ý nghĩ của họ? Tôi lo lắng cho vị chúa đảo bởi mỗi lần trưởng đoàn nói đến chữ “vĩ đại” là mọi con mắt

chăm nhìn vào cái bụng của ông. Ông sẽ cất lời như thế nào đây? Lời giới thiệu của trưởng đoàn như một thứ vương miện đúc bằng vàng đặc có gắn quá nhiều hạt kim cương. Tôi sợ nó sẽ quá nặng.

Khi được trao lời, chúa đảo cười lên một hồi, phủ nhận chữ “vĩ đại” và bằng một giọng bình thường, tự nhiên và khiêm tốn, ông nói:

– Tôi tên là Lê Sơn. Tôi học ít lắm, trình độ ngang bậc tiểu học hồi xưa. Thua xa các anh chị em ở đây, các anh chị em có người đỗ Tú tài I, có người đỗ Tú tài 2. Vậy những lời lẽ thô lậu chơn thiết của tôi chỉ dám mong nhắc lại những kinh nghiệm sống của tôi để cầu ước các anh chị em cùng lập chí sau này, đừng thềm cuộc đời an nhàn nơi bàn giấy mà nên góp tay khai thác tài nguyên xứ sở.

Đại khái, ông kể rằng ông xuất thân là chủ xe đồ và chủ ghe lưới cá. Năm 1957 ông nảy ra ý định khai thác đảo này. Dự định xuất vốn nửa triệu nhưng bị bạn hàng lường gạt vỡ nợ. Khi lên đảo, chỉ mang theo thức ăn và tiền mặt tám ngàn đồng. Che một cái chòi bằng lá dừa. Xung quanh toàn là rừng, chín đứa con sợ quá chỉ khóc không dám ngủ. Vợ chồng chặt cây phá rừng cuốc đất.

– Anh chị em chắc biết rằng bàn tay không quen cầm cuốc thì cầm ba bữa là phỏng. Mọt nào mọt nấy trong bóng phát sợ. Phải vắt cơm nóng cho da chai đi. Rồi tiếp tục chặt cây, cuốc đất. Thú thiệt với anh chị em là nhiều lúc tôi muốn bỏ cuộc. Thì lúc đó người thúc đẩy tôi can đảm chính là vợ tôi, người đàn bà mặc áo xanh mà lúc nãy anh chị em gặp đó. Căn nhà đầu tiên mà chúng

tôi dựng lên, vợ tôi phải chở đất chở cát suốt bốn tháng tròn. Phải về trong đất liền mời hai người thợ mộc và trả công đặc biệt cho họ. Một tiếng hỏi:

– Xin bác cho biết kết quả thu lượm được cho đến hôm nay.

Ông Lê Sơn quay mặt ra bãi biển, đưa tay chỉ một vòng:

– Kết quả chưa được bao nhiêu. Anh chị em đã hỏi thì tôi phải thưa thiệt. Hiện bày bò của tôi ngót một trăm con. Một bầy cừu cũng chừng một trăm con. Một bầy heo, một vườn dừa, một vườn măng cầu chừng vài trăm cây, một vườn lựu...

– Thời giá một con bò bao nhiêu vậy bác?

– Bò nuôi đến ba tuổi thì giá chừng ba mươi ngàn. Bò cày thì tới sáu mươi ngàn.

Có tiếng nói:

– Như vậy là chỉ riêng bảy bò trị giá đã hơn bốn, năm triệu bạc rồi.

Ông Lê Sơn cười nhũn nhận:

– Thiệt ra, khi làm công việc khai khẩn này, tôi nghĩ đến vấn đề khai thác tài nguyên nhiều hơn là nghĩ cách kiếm lợi. Nếu mục đích là kiếm lợi thì đi làm tôi làm tở, nịnh bợ kẻ lớn để kiếm được lợi nhiều mà khoẻ hơn.

Trong câu chuyện kể, nhiều lần ông phải dùng một chữ Pháp sau khi đã lúng túng tìm một tiếng Việt mà không ra. Chẳng hạn như chữ parasite, chữ conscience. Tôi nhìn một lượt trang trại

của ông. Tất cả đều mọc lên từ đám rừng hoang. Bàn tay xây dựng đó đã khảo đất ra trái ra cây, làm phát triển những bầy bò bầy cừu. Xuất phát từ con số không, từ một cái mầm nhỏ yếu ớt, các phẩm vật đó sinh sôi nảy nở góp phần làm thực phẩm nuôi dưỡng con người. Ai đã va chạm nhiều với đô thị, tiếp xúc nhiều với cuộc sống đô thị cũng đều cảm thấy chán nản bởi có rất nhiều người không làm lung sản xuất gì hết mà lại hưởng thụ mọi thứ tiện nghi. Trên bàn ăn chất đầy thịt cá rau quả. Nếu ai cũng tự đặt nhiệm vụ sản xuất, cố gắng sản xuất trong phạm vi khả năng của mình!

Thủy thủ chạy lên báo tin phải xuống tàu gấp kéo sọt tới. Chào già từ. Ông Lê Sơn đưa tiễn ra đến bãi. Dọc đường tôi hỏi:

– Sao ông không nuôi dê lấy sữa lại nuôi cừu?

– À, nguyên do nó thế này. Con dê nó hay đẻ bậy, đẻ trên núi trên non rồi bỏ đó. Cừu thì chỉ đẻ ở nhà.

– Mỗi con cừu ăn thịt bác bán được bao nhiêu?

– Bốn ngàn đồng. Trước đây tôi chuyên bán cho viện Pasteur để họ chế thuốc trị chó dại. Sau này vật giá cao mà họ trả rẻ quá nên tôi thường bán cho tư nhân ăn thịt. Người Việt mình ít thích thịt cừu vì nó hôi mùi bơ. Còn Ấn Độ ăn thịt cừu mà không nghe mùi bơ thì họ chê.

– Còn lông của nó, bác cắt đi rồi có xe thành sợi len không?

– Đành phải bỏ. Đó là một điều phí

phạm mà tôi không làm sao giải quyết được.

– Có lẽ tại lông cừu của mình ngắn quá nên khó xe sợi. Nhưng mình lại không thể để dài. Lông dài quá sinh dòi.

Ra đến bãi. Những chuyến ghe lần lượt chở khách du ngoạn về tàu. Nhiều khuôn mặt rám nắng hồng. Buổi chiều không khí dịu lại làm cho khuôn mặt người và màu áo nổi bật lên trên nền núi rừng thâm u xanh thẫm. Người ngồi rải rác trên bãi. Có người nằm ngửa mặt nhìn trời. Thu và Thục đi sục sạo vào bụi cây tìm bẻ những cành cam sành.

Tôi lặng lẽ nhìn ông Lê Sơn. Lúc này ông nói:

– Tôi mập mập, bụng to như vậy (cả cử tọa cười rộ lên) không phải bởi tôi ăn

nhiều chất bổ. Không đâu. Tôi ăn cơm rau, trái cây trong vườn. Mập mập là nhờ tinh thần không phiền lo. Chớ như ông trưởng đoàn của quý anh chị (ông chỉ về trưởng đoàn) không chừng ăn gấp đôi tôi, ăn bơ ăn thịt, uống whiskey coca thế mà gầy chỉ bằng nửa tôi thôi (lại cười rộ). Là bởi ông ta đâu có thông thả tâm hồn bằng tôi...

Cả tôi cũng vậy, tôi muốn nói. Chúng tôi, con người thị thành không hề biết đến sự an lạc là gì.

Dung Nghi đi đi lại lại trên bãi cát. Dưới chân nàng, san hô và vỏ ốc rải rác nằm. Tôi nhìn những dấu chân nàng trên cát. Tôi muốn bước đúng vào những dấu chân ấy. Thật vậy, tâm hồn tôi không an lạc. Tôi muốn được sống trên một hải đảo như nơi đây. Cuộc sống thường nhật tầm thường không đòi hỏi sự hiện diện tiếp

cận của những người khác. Chỉ cần loài người trong những khi đau bệnh. Tôi có đọc một quyển sách tác giả kể lại trường hợp vợ chồng ông ta mua một hải đảo rồi ra ở ngoài đó, xa cách nhân gian đến sáu giờ ca-nô. Một ngày nào đó người vợ bị sủng cuồng ruột thừa. Đem đến bác sĩ bệnh viện gần nhất thì vừa đúng vào thời hạn chót nhất có thể cứu sống. Tôi đem nổi băn khoăn đó để nói với ông Lê Sơn. Ông trả lời:

– Chúng tôi đã từng ngã bệnh cả nhà một lượt. Mười một người. Tôi nghi là bởi mình đi rừng hít nhằm thuốc khai quang. Sốt, nhức đầu, ù tai trong một buổi sáng là chiều đó rũ gối đi hết nổi. Cả nhà bị hết, bị y một chứng. Phải mời một ông thầy thuốc Bắc.

Ông chỉ vào tròng mắt:

– Hãy nhìn đây, dấu vết của chúng bệnh. Tôi bị vảy cá ở tròng mắt, thấy rõ chưa? Bị sưng khớp xương nữa. Khớp xương cổ chân, đầu gối, khớp xương hông.

Những chuyến ghe kế tiếp làm gây dân số người còn sót lại trên bãi. Tôi đi theo chuyến chót hết. Ông Lê Sơn bắt tay từng người, lặp lại lời chúc: ai sắp thi thì thi đỗ, ai sắp vào quân đội thì mau lên chức lên lon. Rồi sau đó về khai khẩn như ông. Người lái ghe dặn:

– Coi chừng, đừng lội xa quá, nhum nó đậm. Những con nhum bò từng đám, gai nhọn đen tuyến chĩa tứ tung, có gai dài đến ba tấc. Ông Lê Sơn nói với theo:

– Nhum đen chích đâu có mùi mẩn gì. Nhum bàng mới ghê. Gai nó màu sắc

đẹp dịu dàng mà hể chích đâu là nằm liệt đó, đi không nổi.

Anh em thanh niên liên tưởng ngay đến tình yêu. Thức vỗ vai Phỉ:

– Những người đàn bà đẹp cũng vậy.

Quyền hỏi:

– Mà đã có kinh nghiệm chưa mà dám nói?

– Tôi bởi hoa lá như thế này, mà mà còn dám nghi ngờ.

Khi ghe nổ máy xình xịch, chúng tôi giơ tay vẫy và ông Lê Sơn cũng vẫy tay theo. Chúng tôi đồng thanh hát bài tiễn biệt:

Vì đâu anh em chúng ta giờ đây sắp cùng bụi ngùi xa cách

Cớ sao ta không cầu mong rồi đây có ngày còn hòng gặp nhau.

Xong hết một điệp khúc, chúng tôi hùng hổ hát lại. Đứng lẻ loi một mình trên bãi, ông vẫn giơ một cánh tay lên vẫy, như một con hải quỳ, như một con bạch-đầu-ông ở dưới đáy bể ngo ngoe những giác tu dài, không cần ai xem không cần ai biết, ngo ngoe theo triều sóng nhấp nhô.

Chúng tôi bỏ ghe leo lên tàu. Những tiếng hoan hô đón chuyến ghe chót. Người thanh niên vô tư gặp gì cũng có thể vui được, mừng được. Ở nơi bãi vắng, dáng ông Lê Sơn vẫn đứng đó, màu áo quần trắng nổi rõ trong một buổi chiều màu xám. Tàu nhổ neo. Tiếng hát tạm biệt lại được cất lên:

Cách xa nhưng ta hằng vui vì nay ta

biết còn ngày sung sướng

Cách xa nhưng ta hằng mong rồi đây có ngày mình còn gặp nhau.

Tôi lẩm nhẩm nhớ một con số, một cái tên. 607. Nam Du. Chắc không có nghĩa là đi chơi về phương Nam như trường hợp chúng tôi mà nghe nói là tên một hòn đảo nào ở gần Phú Quốc. Tôi nhớ hai câu thơ kể tích thầy Tử Lộ:

Đỉnh hoa biểu từ khơi bóng hạc

Lối Nam du nhẹ bước tang bồng.

Tuyết giạt cái ống dòm từ tay Hòa:

– Đưa tao dòm ông ta một chút.

Tuyết đặt ống dòm lên mắt.

– Sao trông không rõ?

Cúc nói:

– Vặn cái bánh xe điều tiết này.

– À! À! Rõ rồi.

Ngọc Dung hỏi:

– Mà thấy ông ấy cười hay khóc?

Nghĩa đứng tựa vào bao lơn tàu:

– Chắc là khóc. Chắc đang nhớ đến tụi mình kinh khủng.

Diệu gật gù:

– Bữa cơm chiều nay tao cam đoan là ông ấy bỏ ăn. Ngày mai ngày kia và những ngày sau nữa ông chỉ thấy có rừng dừa, hàng cây lựu và bầy heo của ông.

– Lúc nãy có đứa mô để địa chỉ lại cho ông ấy không? — lời Mỹ. Nếu mua ở vào trường hợp ông ấy moa dám bỏ đảo bỏ dừa đi tìm...

– Tìm ai?

– Tìm mi, tìm tau, tìm hấn, tìm chúng ta...

Chinh đang dõi nhìn theo bãi biển hoang vu chợt quay lại:

– Đứa nào nói đùa ông ấy chi tội nghiệp bay. Rõ ràng là một nghệ sĩ, con người có bề ngoài thô kệch đó. Một người tầm thường không hơi đâu đứng trên bãi đó để nhìn mãi chúng mình. Họ đã quay lưng khi chúng ta xuống núi. Nếu thêm xã giao nữa thì khi ra tới con rạch lội. Lịch sự nhất nữa là lúc chuyển ghe chót rời bến. Từ lúc đó đến bây giờ ông hành động không vì chúng ta nữa mà vì tâm hồn của ông, cho tâm hồn của ông.

Buổi chiều xám đậm hơn. Thân tàu lướt tới, tạo một con đường phẳng chạy

dài trên mặt nước. Bọt nước trắng ngầu quay cuồng xáo trộn. Ánh nói:

– Trông bọt nước trắng xộp đẹp hơn hàng Bangkok. May một cái áo dài như vậy mà mặc thì tuyệt.

Trưởng đoàn chạy ra sau lái thôi thúc mọi người:

- Hãy dồn ra trước mũi.
- Để làm gì vậy?
- Chụp ảnh. Chụp chiếc ảnh chót.
- Chụp hoài. Chiều rồi, ánh sáng đâu mà chụp?

Trưởng đoàn to tiếng:

- Phải nghe theo lệnh tôi. Không nói một hai. Tất cả dồn ra mũi tàu tức khắc.

Những thân hình di chuyển uể oải. Gió tạt nước lên mạn tàu. Máy ảnh bấm lách tách. Tôi ngồi luôn ở trước mũi tàu. Buổi chiều đã chuyển sang màu tím nhạt. Những doi núi gần xa mang màu sắc khác nhau. Ban nhạc gồm Hùng, Linh, Chín, Kinh. Đường đàn ghi ta âm ỉ. Châu, Hảo, Thanh Tú và Trinh cùng hát những bài tâm ca. Trinh vui vẻ như một con chim.

Dung Nghi đứng tựa bao lớn tàu nhìn xuống sóng nước, Mái tóc cắt ngắn vừa mới uốn để lộ một đoạn cổ trắng như mỡ đặc. Nét mặt nghiêm trang và kiêu kỳ. Cái nốt ruồi dưới khóe mắt. Ngày mai tôi sẽ xa Dung Nghi nhưng nàng đâu có biết. Tình yêu của tôi vụng dại và âm thầm. Tôi không đẹp trai, không có tài đặc biệt và không giàu. Một hoa mai vàng gắn trên quần phục kaki không đủ sức mời mọc những cái nhìn và

làm nở những nụ cười. Những người tôi có thể yêu dường như đều hướng nhìn về một nẻo khác. Xã hội đếm rất nhiều triệu phú trong ba năm trở lại đây và đàn bà đẹp càng ngày càng hiếm.

Giã từ Dung Nghi! Vài ba tháng sau nàng sẽ đi dự những cuộc du ngoạn khác như hôm nay, ra thăm bãi Miếu, Bích đầm, hòn Yến. Nàng đẹp và dáng nàng đứng tựa bao lơn tàu đẹp rục rở như trong một huyền thoại. Như một hành khách quý phái đi chuyến viễn du trên những hàng hải thương thuyền hạng sang chạy đường Nữu Ước sang Luân Đôn.

Chiều nay tôi biết có hai người buồn: Ông Lê Sơn đang chậm rãi bước những bước nặng nề ưu tư trên bãi biển hoang vu và tôi ngồi lắc lư trên con tàu vượt sóng đi về thành phố vắng lặng mênh

mông. Bởi khi tàu cập bến, chân bước lên bờ là Dung Nghi sẽ vĩnh viễn xa tôi.

ĐÔI NGẢ

Sau vụ tổng công kích đầu năm Mậu Thân, một hôm tôi vào lớp thấy có một nữ sinh mới ngồi ở ngay bàn đầu. Tôi hỏi:

– Em ở từ đâu lại?

Giọng nói nhỏ:

– Dạ em ở Huế mới vô.

Huế trong những ngày gần đây là tượng trưng cho những tàn phá ghê

gớm, những chết chóc rùng rợn, những rên xiết quần quai. Bao nhiêu nét thơ mộng êm đềm và vàng son lộng lẫy tạo dựng qua hàng hai, ba thế kỷ cần cù đã, trong thoáng chốc, bị xóa nhòa để thay thế bằng những hình ảnh tang thương. Đói. Lạnh. Đạn rốc-kết cày các khu phố. Bom đạn làm sập nhà. Hầm chôn người được khai quật lên, người sống sót đi rảo tử hầm này sang hầm khác tìm nhận tử thi của họ hàng. Máu. Thịt vữa. Mùi hôi thúi. Thật khác xa với những hình ảnh mà tôi vẫn giữ về Huế. Những thiếu nữ thân hình mảnh dẻ tóc xõa trên vai, e thẹn giấu mặt dưới vành nón bài thơ. Những thiếu phụ bán đậu bán chè môi thoa son, má đánh phấn nụ, mặc áo dài vá quàng, hai vạt áo màu tím mà đôi vai đôi tay thay bằng vải phin trắng mỏng. Nhánh sông An Cựu một màu xanh rợn người: bờ giậu xanh, nền lá cỏ xanh, tàng

cây xanh trên đầu và mặt nước xanh im lặng. Thôn Vĩ dạ nằm mơ những ngày loan xa phượng liễn ngày xưa, những mái nhà rêu phong, những mảnh sân rêu phong nơi đó thấp thoáng một bóng cựu thần tóc bạc.

Tôi hỏi người học sinh:

– Em ở tại khu phố nào? Thành nội?

Tôi hy vọng được nghe một lời cải chính. Bởi chỉ đọc trên báo cũng đủ biết rằng Thành nội là nơi bị tàn phá mạnh nhất, dân chúng bị tai nạn rùng rợn nhất. Khó có đủ may mắn để thoát an toàn từ cảnh địa ngục đó. Thành ra tôi rất đổi bất ngờ khi nghe đôi môi nhỏ đó trả lời:

– Dạ, Em ở Thành nội.

– Thành nội?

– Dạ.

– Đường nào?

– Dạ, đường Hàn Thuyên.

– Có nghe nhiều tiếng đại bác, AK 47, AK 50 không?

– Dạ có.

– Có nằm dưới hầm nhin đoi đến mười lăm ngày không?

– Dạ có.

Tôi mở sổ điểm danh tìm cái tên mới nhất ghi ở hàng gạch cuối cùng: Nguyễn thị Tuyết Trân. Trân có khuôn mặt xinh xắn. Đôi mắt đen mở rộng. Mái tóc bỏ xõa, áo dài bằng vải trắng dày dặn ủi thẳng nếp để lộ đôi bàn tay nhỏ ngón thon. Tôi nhìn xuống đôi bàn chân nằm nhu mì giữa quai guốc trắng. Tất cả nơi

em đều ngăn nắp nề nếp, điểm một chút lịch sự quý phái. Thỉnh thoảng giữa lúc suy nghĩ làm bài, em chậm rãi nghiêng đầu, đôi môi mím lại trong một thế cách làm dáng tự nhiên. Mỗi cái ngược mắt ngó lên, mỗi cái nụ cười nửa miệng, mỗi cái khế quay mặt qua hay đưa tay nhẹ vuốt mái tóc đều xinh xắn dễ thương y như khi ta nhìn một đứa nhỏ nằm ngủ trong nôi, nét mặt nét môi làm những cử chỉ nũng nịu. Những nét làm dáng nho nhỏ của Trân có một vẻ gì tự nhiên và kín đáo quá khiến tôi sẵn sàng nghĩ rằng đó là cốt cách cố hữu của em hơn là do một sự luyện tập công phu và có tính toán. Sự làm dáng thường dễ bị lộ liễu bởi vì những phương thức làm dáng hay lặp lại do người này bắt chước người kia. Những người đàn bà đẹp Âu Mỹ ở trong các phim chiếu bóng thường hay chậm chậm ngược mắt lên vừa lim dim

đôi mắt uể oải và cử chỉ đó tôi thường gặp lại nơi nhiều cô bạn gái của tôi.

Sự biểu diễn trang trọng ngang tầm một nghi thức đó khiến lắm lúc tôi thấy khó chịu và thương hại. Tôi chú ý tìm một vài khuyết điểm trong việc học hành của Trân, chẳng hạn vở chép thiếu bài, chưa giấy trắng, chẳng hạn chữ viết nguệch ngoạc, chẳng hạn quên đem theo thước kẻ, tẩy, compas. Một sự lệch lạc như thế sẽ phá vỡ cái thẳng bằng tự nhiên, — tự nhiên đến độ biến thành công thức, — và tôi có cảm tưởng tôi thích được thấy một sự nghịch thường như vậy.

Công thức làm cuộc đời nhàm đi, làm trí tuệ nhụt đi và tôi muốn nhìn một ông Thanh tra Tiểu học bị mắc lừa. Ông ta sẽ cả quyết với các giáo sinh sư phạm rằng ăn mặc chỉnh tề, tay chân sạch sẽ, mặt mày vui tươi thì tinh thần sáng suốt,

trí óc thông minh, bài học bài làm đầy đủ, cư xử với thầy với bạn lễ độ thân ái. Tôi không muốn ông thắng trận dễ dàng như vậy. Tôi ghét sự khôn ngoan già cỗi. Tôi khoái sự hung hăng của con nước vỡ bờ không hẹn sẽ chảy về hướng nào. Tôi muốn tạo hóa cũng phản loạn, tôi muốn nhìn những mâu thuẫn chia nhau giằng xé con người. Tôi muốn...

Tôi cầm quyển vở của Trân lên. Những trang giấy được lấp kín bởi những nét chữ viết đều đặn. Đường gạch bằng bút chì hai màu. Hình vẽ nhiều hơn sự đòi hỏi của tôi. Trang chót trắng tinh, không có vết xé rách, làm nháp hay chơi cờ ca rô. Tôi trả vở lại cho em. “Càng hay — tôi thầm nghĩ, — không ai bị mếch lòng vì một đóa hoa vừa đẹp vừa thơm”.

Sau chừng một tuần, tôi thấy những bạn gái trong lớp hay quây quần nói

chuyện với Trân. Nam sinh dường như cũng tỏ nhiều cảm tình với người bạn gái mới này. Nhiều lúc học sinh đang chép bài hay làm bài, tôi ngồi ở bàn nhìn xuống và Trân hiện ra như một đóa hoa màu trắng kín đáo dịu dàng. Khuôn mặt đó, bàn tay đó kèm với giọng nói nhỏ nhẹ thanh tao đó sẽ làm cho không khí trong một gia đình im mát lại, như giữa mùa hè nắng cháy nhức nhối vũng mả mà ta bước vào một phòng khách rộng đóng kín cửa âm u trong đó có đặt một lọ cắm đầy hoa huệ. Nhiều lần tôi kiểm soát lại xem cái cảm giác đó có phải là một huyền tượng nhất thời không và lần nào tôi cũng thấy là tôi không lầm. Lắm khi đang bức tức vì một học sinh hỗn láo ở một lớp dạy trước, tôi bước vào phòng này và khi tôi nhìn xuống khuôn mặt dịu dàng của Trân thì y như những nỗi bức tức được xóa tan dần hết. Như bầu trời

vẫn vũ mây đông chợt sáng rực lại và có gió nồm phe phẩy thổi. Một hôm lớp đệ Ngũ 2 tôi có một giờ dạy được bất ngờ đổi sang học ở phòng 1 là phòng vốn dành cho các lớp nhỏ. Đệ Ngũ 2 là lớp chót cùng của trường học sinh ngữ Pháp văn nên sĩ số chỉ có 26 người, do đó mỗi sáng thứ Ba trường bị kẹt phòng thì Ngũ 2 học ở phòng Giáo sư. Hai mươi sáu người ngồi ghế dựa bao quanh một dãy bàn dài trong một căn phòng có lavabo, có gương soi, có bình trà..., không khí y như trong một cuộc hội nghị. Kể từ niên khóa này, đệ Lục đệ Thất không còn có lớp chọn sinh ngữ Pháp văn nữa. Ai cũng chọn Anh văn, ai cũng nghĩ đến việc lợi dụng gấp rút kết quả của sự học, đến ích lợi thiết thực và mau chóng của Anh ngữ khi cần tìm một chỗ làm ăn sinh sống.

Khi học sinh ngồi yên vị vào những

bộ bàn quá thấp so với tầm vóc của họ, tôi để ý đến năm, bảy đoá hoa me tây màu hồng bỏ rải rác trên mặt bàn. Nhị đực của hoa mảnh mai dài như cọng chỉ, xoè tròn ra như cái húp phấn. Tôi đưa mắt tìm xuất xứ. Nơi góc nhà ông Tổng giám thị, một cây hoa đang nở những húp phấn màu hồng đỏ. Và xa hơn một chút, một hàng cây chạy dài dọc theo các lớp học của trường Nữ Trung học, cũng đang nở hoa màu hồng. Trên nền lá xanh thắm chập chồng, những đoá hoa nổi bập bênh như nổi trên mặt nước. Trời tháng Năm nắng tựa hắt lửa vào mắt. Nền trời xanh, cao vút. Cây keo khoác một lượt lá mới xanh nõn dày kín trông như người khoác áo len dày. Thảo mộc đang ở vào thời kỳ hồi xuân vĩ đại trong khi tâm hồn tôi đang man mác buồn. Bởi vì những đoá hoa me tây kia nhắc tôi nhớ rằng đã ngót hai mươi năm nay tôi mới

gặp lại chúng. Hai mươi năm! Ký ức tôi nhảy những bước nhảy vô hình rồi ngẫu nhiên dừng lại ở một khuôn mặt người, ở một khung cảnh bất ngờ, không hẹn. Tại sao tôi chợt nhớ đến thằng Vĩnh, bạn tôi, chết cách đây đã ba mươi năm? Tôi thấy rõ tấm ảnh lớn chụp lúc ngôi trường Tiểu học Thiện Đức làm lễ khánh thành, có quan Công Sứ, quan Tuần vũ ở tỉnh về dự lễ. Học trò đứng ở sân, các quan khách đứng ở bậc thềm, ở mái hiên. Ông Xã Kỳ, ông Phó Mân, ông Phó Tùng, ông Cửu Noãn và tất cả Ngũ Hương đương cự tạo ra lớp trí thức phú hào của thôn Thiện đức đều áo dài khăn đóng chen nhau đứng vòng tay trước ngực hay chấp tay trước bụng. Ông Đục phu trường cúi gằm mặt xuống đất, nghiêm trang buồn bã như nghe đọc văn tế. Trong khi tất cả học sinh đều nheo mắt tránh ánh nắng vừa chăm chăm nhìn vào cái máy chụp

hình và ông thợ đang loay hoay trong tấm vải đen lớn phủ đầu thì thằng Vịnh ngờ nghếch quay mặt lại ngó quan Công sứ và ông thợ chụp ảnh bấm máy vào lúc đó. Cái ảnh được rửa ra, phóng đại lên, các lý hương mỗi người mua một bức lồng kính treo ở vách nhà gian giữa thành ra đi đến đâu tôi cũng thấy thằng Vịnh ngờ nghếch quay đầu. Mỗi lần có dịp châu đầu nhìn vào bức ảnh là mỗi lần chúng tôi lòi thằng Vịnh ra để hành ha.

– Nhà quê chúa! Nó làm như nó là dân ở Đồng Tre, Eo Gió. Làm như hồi giờ nó chưa thấy mặt ông Tây.

– Trời hành nó mà! Có bữa vừa mới ngủ dậy, tao bắt đồ nhìn lên tấm hình đã thấy nó quay lui ngó ông Công sứ từ hồi nào. Chắc cả đêm nó không ngủ.

Thằng Vịnh học chưa hết lớp Tư thì bệnh chết. À, mà không nghe ai nói nó bệnh gì. Tính nó hiền lành, có lẽ nó chưa biết yêu. Hình ảnh chót nhất mà tôi có về nó là một buổi xế chiều nó đứng giữa sân kéo một cành khế xuống hái. Những trái khế rung rinh như cũng biết sợ hãi. Nắng dọi nghiêng tử một bức rào, in hình những trụ cây rào xuống mặt sân. Nắng sáng loé hắt lên từ một cối đựng nước ai bỏ lẫn lóc đầu đó...

...Ở nhà ông Hương bản Kham cũng có những cành khế rung rinh từng chùm trái. Nữ sinh trường Trung học Trương Vĩnh Ký đến rủ con gái ông Hương bản đi học và chúng hay hái đem theo những trái khế mọng nước. Da trái khế mỏng, láng mượt nhu da nơi ngón tay của Thanh Phương. Thanh Phương! Tôi chợt nhìn xuống Trần. Tôi xót xa nhìn Trần.

Bởi khuôn mặt của Trân giống y khuôn mặt Thanh Phương. Bởi Trân là hình ảnh của Thanh Phương cách đây gần hai mươi năm.

Hồi đó Thanh Phương là con của một thương gia lớn bỏ cơ nghiệp ở thành phố chạy tản cư về miền tự do để theo kháng chiến. Thanh Phương có những nét đẹp của Trân hôm nay. Cũng khuôn mặt tròn, cũng đôi mắt đen, cũng đôi mày thanh tú, cũng đôi môi xinh xắn. Cũng tay chân thon nhỏ và nhất là những nét làm duyên tự nhiên kín đáo khi liếm nhẹ cho ướt vành môi, khi đưa mắt chằm chằm nhìn lên. Những nữ sinh mặt mũi xinh đẹp và thuộc gia đình sang trọng đều kết làm bạn chơi với Thanh Phương: hai chị em cô Tuyết cô Hà con của ông Ty trưởng Công chánh, Huỳnh Anh con ông bác sĩ Hiệp, Mộng Liên con của bà Huyện Đào.

Họ tạo thành một nhóm riêng, rủ rủ tâm sự với nhau như những con bồ câu và tuy tôi không lưu ý đến sinh hoạt riêng tư của họ, tôi cũng có cảm tưởng rằng Thanh Phương là thủ lĩnh của nhóm. Lâu lâu họ giận nhau, họ hờn nhau, họ viết cho nhau những bức thư trách cứ nhẹ nhàng, họ than thở với nhau về một đối xử vụng về nhỏ nhặt nào đó của một người bạn. Thật là khác xa với cái đại đa số nữ sinh khác xuất thân từ đồng quê, cười to nói lớn, chạy đùa nhau âm âm ngoài sân trường như người ta chạy đuổi một đàn bò.

Tôi lúc ấy thuộc thành phần giáo sư trẻ nhưng bởi tánh tình bộc trực ăn nói không biết làm duyên, cử chỉ không biết làm dáng nên không được cái nhóm ấy lân la gần gũi. Anh Phát dạy Việt văn và anh Minh dạy Lý Hóa được họ tỏ cảm

tình nhiều hơn. Tôi nghĩ rằng đem ngâm những câu ca dao phong tình trong đó toàn gọi lên cảnh những người con gái thương nhớ người con trai, trao khăn trao nón, cởi cả áo mà trao rồi hẹn nhau “nhà em có bụi mía gừng” rồi quyết tâm “thương anh tam tứ núi cũng trèo” thì ông thầy giáo đôi khi biến thành đối tượng của sự hẹn hò, sự trao đổi, sự quyết tâm. Huống chi, anh Phát lại khéo có một giọng nói ngọt ngào nửa tự nhiên nửa pha chế vừa được thiên phủ một khuôn mặt điển trai. Minh dạy Lý Hóa, rõ ràng có ít lợi thế thua Phát vì ống nghiệm, chậu thủy ngân, hýt-rô, clorua natri không có gì êm đềm, không chấp được cánh cho trí tưởng tượng, không gọi được những tiếng vang nào cho sâu xa hơn trong tâm tư người nghe. Đã thế lại nghe học sinh đồn thầy sắp cưới một cô vợ nhà quê giàu. Nhưng Minh là

người tích cực và tôi nhớ rõ rằng anh đã tìm cách bắt buộc các cô mơ mộng này đi coi đá banh, — mà anh là thủ quân, — và dạy họ võ tay. Nhưng cho dù là văn hay võ thì kẻ ái mộ cũng làm người được ái mộ sung sướng và hãnh diện và tôi đã chân thực nghĩ rằng Thanh Phương quả là một người được số mệnh chiều đãi hết sức.

Sau hai năm dạy ở Trương Vĩnh Ký, tôi hồi cư về thành. Tiếp tới hiệp định đình chiến Genève và một hôm nào đó ngẫu nhiên tôi gặp Thanh Phương đi ngoài phố.

– Cô Thanh Phương! Tôi không ngờ gặp cô ở đây. Sao? Nhà cô có ở gần đây không?

– Dạ gần đây. Mời thầy đi với em. Chắc ba má em gặp thầy mừng lắm.

Đi quanh quần vài phố, tôi đứng trước một căn nhà ba tầng. Mặt tiền đắp toàn bằng đá mài nhiều màu rực rỡ mang nhiều hình vẽ giao treo vào nhau khiến ngôi nhà tươi sáng như một món đồ chơi lớn. Thanh Phương bấm chuông. Tiếng chó berger sủa ồm ồm tiếp theo. Tiếng chìa khóa tra vào ổ mở lách cách. Tôi có ý nghĩ mỗi cuộc sống có cái nghi thức đặc biệt của nó. Y như bấm nút ra-đi-ô 49 thước vào hai mươi giờ thì sẽ được nghe bốn tiếng “tét tét”, tiếp tới tiếng rao hai mươi giờ, tiếng mời nghe tin tức và liền đó một mẫu âm nhạc liến láu vô duyên.

Ông Cụ Quang tiếp tôi trong một phòng khách bày biện hợp thời. Có quạt Mỹ thổi gió ào ào như bão, có Tivi Denon cửa đóng, có tủ lạnh Sanyo. Trên tường treo đến bốn năm cuốn lịch, — loại 700\$

đến 1000\$ một tập, — ngoài những bức tranh sơn dầu. Mặt ông hồng hào khác xa với màu da tái xanh của người sốt rét kinh niên hồi kháng chiến. Tôi bắt đầu hỏi thăm sức khỏe và tình hình làm ăn thì bà Cụ Quang ở từ nhà sau mang coi trâu ra toe tét chào tôi:

– A! Xin chào thầy. Lâu lắm mới được gặp thầy. Dễ thường mười năm rồi... Kìa, hơn chứ... hơn mười năm rồi hả ông? Dễ đã mười lăm năm rồi. Thầy dạo này trông thế mà không già hơn ngày trước bao nhiêu.

Tôi lúng túng nhận lời khen. Đang không mà phải mang ơn một lời khen. Ông Cụ Quang nhẩn nại đợi cho bà vợ cạn hết nguồn xúc cảm hàn huyên rồi mới chậm rãi cho tôi biết rằng hiện cửa hàng ông đã nhường lại cho người cháu

và ông bà lui về nghỉ ngơi an hưởng tuổi già.

– Hết muốn bay nhảy rồi, thầy ạ. Mười năm kháng chiến, bây giờ mình bắt đầu yếu. Ăn ít được, ngủ không ngon. Ngày xưa kháng chiến khổ thể nhưng mà lại thèm ăn thèm ngủ.

Tôi không có một câu chuyện thâm thúy nào để nói mà chỉ nhớ gì nói nấy, bạ đâu nói đó, đề cập vu vơ đến những cảnh những người của thời xa xôi ấy.

– Thầy có còn nhớ ông Liệu không? Hồi đó ông cất cái quán ở gần cổng xe lửa trước chùa Phật học. Bây giờ giàu lắm. Thầu nước cơm của Sư đoàn Bạch mã Đại Hàn.

– Tôi tưởng thầu xây cất: cất vi-la, buyn-đinh, làm cầu mới giàu to được. Chớ thầu nước cơm...

– Cái đó còn tùy cách làm ăn khôn khéo của mình. Phải có thỏa hiệp ngầm với đầu bếp nên trong thùng nước cơm, đầu bếp cứ quăng hàng chục lon đồ hộp, vài ba cái jambon gói kỹ trong túi ni lông, hàng tá lê táo Mỹ. Lọt qua cổng gác, chở về nhà rồi thì moi lên, dội nước kỳ cọ rồi đem ra bày bán ở chợ.

– Cũng thì tản cư hồi cư một lượt mà ông Năm Lùn dường như làm ăn không được phát đạt bằng. Tôi thấy ông ta có vẻ túng.

– Ông Năm Lùn ở đường Nguyễn Trường Tộ phải không? Làm bộ đấy. Cả dãy nhà sau ông ngăn thành phòng, mỗi phòng vuông vắn ba thước dùng để chứa dĩ. Ông đứng làm ông trùm. Hôm nào lính Mỹ tới đông quá thiếu gái thì ông đích thân phóng mobylette đi mượn gái

ở các động khác. Ông lại đích thân chở gái ở yên sau.

Tôi tưởng tượng thấy một ông Năm Lùn lẽ mề chở cô Mary Sến béo tròn ngồi sau lưng ông, vẻ mặt đăm chiêu quan trọng như khi ông viết một tờ sớ để cúng Sao cúng Hạn giải ách cho thân chủ. Bởi vì trong nhiều năm ông Năm Lùn đã làm nghề phù thủy, thầy bói tướng nham độn.

– Túng bán thiệt là ông đốc Dương, – lời ông Cự Quang. Bây giờ ông đã có tuổi mắc chứng đi tiểu đường còn bà vợ thì tê bại. Nghĩ con người giàu nghèo sang hèn không ai lường trước được. Hồi Pháp thuộc, ông là công chức ngạch Tây. Thời kháng chiến ông còn làm Thanh tra. Về đây ông sướng được hai năm, kể bà vợ phát bệnh. Rồi tới ông. Mấy đứa con ở

kẹt bên Tây cưới vợ đầm, chẳng nghĩ gì đến cha mẹ... Hồi Pháp thuộc, ông hách lắm. Đi thanh tra các tỉnh, các kiểm học sợ một phép. Dân Tây mà. Đâu có thêm tới chào hỏi xã giao ông Tuần vũ hay ông Tổng đốc.

Tôi nhìn xuống đồng hồ. Buổi sáng còn có mấy việc phải lo nên tôi xin cáo từ ông bà Cự Quang và cô Thanh Phương, hẹn sẽ thỉnh thoảng lại chơi nhưng lời hẹn thiếu nhiệt tình. Có lẽ không còn chuyện gì để nói nữa. Sáu mươi phút gấp gờ hôm nay đã tiêu thụ hết mọi tin tức mà tôi có thể có về những người quen cảnh cũ.

Sau đó có những dịp đi ngang qua nhà tôi, Thanh Phương hay ghé lại thăm. Đó là những ngày đầu tháng cô đi thu tiền nhà. Ông bà Cự Quang có một cái vi-la cho Mỹ thuê ở xế cạnh nhà tôi ở.

Ban đầu còn dè dặt, dần dần cởi mở chân thành hơn, nên câu chuyện không đến nỗi gò bó. Tôi hỏi Thanh Phương:

– Cô nghĩ sao về vấn đề hôn nhân? Tôi có cảm tưởng rằng không phải là sớm lắm đâu nếu cô nghĩ đến việc chọn một người yêu và lập gia đình với họ.

– Thưa thầy em đâu có còn ai yêu nữa? Em đã già rồi.

– Già? Ý cô muốn tôi phải cải chính giùm cô chắc?

– Dạ đâu có. Em nói thật mà.

– Già hay trẻ, đó là ý chủ quan của cô. Khách quan, người khác có thể nhìn khác. Có điều tôi nghĩ rằng cho dù ở tuổi nào, ở hoàn cảnh nào ta cũng tìm thấy... tìm thấy... người....

– Chắc ý thầy muốn nói nổi tròn úp vung tròn, nổi méo úp vung méo...

Tôi lật đặt cải chính mặc dù câu giải thích của Thanh Phương không sai với ý nghĩ của tôi. Nhưng mà nó tàn bạo thô lỗ, nó có khả năng làm đỏ mặt một người nhũn nhặn nhất.

– Tôi không định nói như vậy. Ý tôi nghĩ rằng khi cô có một số kinh nghiệm ở đời thì tự nhiên cô chọn người đường trong giới những người cũng đồng quan điểm như cô.

– Hầu như không còn ai cùng quan điểm như em nữa. Em già nua giữa xã hội quá trẻ, trẻ con. Người ta hời hợt, người ta bộp chộp... Em khôn quá sớm. Mười ba tuổi đã đọc Nửa chừng xuân, Đôi bạn, đã biết suy nghĩ về tình yêu lý tưởng và ý nghĩa của cuộc đời. Em hay mơ mộng

và kết quả là học hành dở dang. Em hay lý luận và mấy đứa bạn thân hay hỏi ý kiến của em khi chúng phải quyết định một điều quan trọng. Chẳng hạn lúc lấy chồng. Em cân nhắc hay dở nên hư cho bạn em nó thấy. Tụi nó tin em lắm. Kết quả đều tốt. Chỉ có trường hợp con Bích Ngọc.

– Sao vậy?

– Nó nghe lời em bỏ rơi thằng Thìn để lấy thằng Diễm. Kết quả là hiện tại nó khổ với thằng Diễm lắm. Nó tự tử mấy lần mà đều có người cứu kịp. Em thật ân hận về vụ này. Em không ngờ thằng Diễm nhu mì chăm chỉ như vậy mà lớn lên đồ đốn. Cờ bạc, mê đĩ, hành hạ vợ. Trong khi thằng Thìn làm ăn chí thú, có xe, có nhà. Rạp xi nê Tân Tiến và hãng nước đá Đức Thanh ở đường Hoàng Hoa Thám là của nó đó.

– Còn phần cô?

– Em ấy à? Số em long đong lắm. Yêu nhầm những người không thể cưới mình được. Người yêu mình thì mình không yêu lại nổi.

– Hãy hạ thấp tiêu chuẩn xuống. Hãy đo tâm vóc của người đến với mình bằng một cái thước non hơn.

– Em có áp dụng lời thầy vừa khuyên đó. Lúc bấy giờ em đứng trông hàng cho ba má em. Nhiều sinh viên sĩ quan, chuẩn úy, thiếu úy, làm quen với em. Nhiều người non, vài người nói chuyện được, một người em có cảm tình. Anh ta là một người trầm lặng, ít nói, yêu nhạc Bach như em, yêu Pier Angeli như em. Sau mỗi chuyến hải hành, nơi anh đến đầu tiên khi đặt chân lên bờ là tiệm em. Nhưng đến để nhìn lạnh lẽ, chào một cái

khẽ, nói một tiếng nhỏ vừa đủ cho em nghe: “Manila” “Hong Kong”. Rồi chào em về. Qua ngày hôm sau anh mới đem một món quà nhỏ đến tặng em.

Thật là lãng mạn, — tôi nghĩ. Man mác không khí Hồn bướm mơ tiên, Roméo và Juliet, Tổ Tâm... trong khi chúng tôi đang thời đại của chú Tư Cầu. Cũng là duyên may của Thanh Phương. Giá đặt chặng 1940-1945 thì người đàn ông hoặc người đàn bà đã sẵn sàng ngâm rằng “Ta đã hẹn nhau từ muôn kiếp trước”. Bởi rõ ràng họ là hai con bướm lạ bị lạc loài giữa bụi bặm và tiếng còi xe của thị thành. Thời nay người yêu ào ạt theo thể cách của loài thú có máu nóng. Thanh Phương và người tình của cô yêu nhau kiểu côn trùng.

– Thế rồi?

– Rồi cũng chẳng được chi, cũng chẳng đi đến đâu. Ba má anh bắt về Vĩnh Long cưới vợ, người vợ anh không yêu nhưng mà môn đăng hộ đối với gia đình anh. Ba anh làm biện lý tòa án và ba cô kia là dược sĩ.

Tôi muốn thốt ra một tiếng phẫn nộ. Sự tiêu cực của người đàn ông yêu rụt rè và chủ bại bao giờ cũng dễ ghét. Đó là loại người hay vẽ vờ hình thức: làm thơ, chôn những cánh hoa, cắt giữ một lọn tóc.

– Mùa Nô-en cuối cùng, — một tháng sau thì anh cưới vợ, — anh đến thăm em. Anh xin phép tắt điện để đốt nến nơi cây thông Sinh nhật. Anh kể cho em nghe chuyện nang Graziella...

Tôi nhẩn nại nghe câu chuyện của Thanh Phương kể, chốc chốc gật đầu và

ủ hứ làm như mình rất được thích thú, nhưng càng thấy Thanh Phương trân trọng đối với kỷ niệm tôi càng thấy người tình của cô là đáng ghét.

Đích thực là Thanh Phương khó lòng tìm được một tình yêu trong thời đại hỗn tạp trần tráo ngày nay. Năm 1966 một tờ tuần báo văn học có phỏng vấn độc giả của họ, yêu cầu mỗi người chọn mười nhà văn mà họ thích đọc. Kết quả là trong năm mươi người trả lời chỉ một người còn thích Tự lực Văn đoàn. Giá Thanh Phương biết được kết quả này thì chắc cô buồn lắm. Hào quang của cô trùng hợp với hào quang Tự lực Văn đoàn và tôi nhớ có lần cô phàn nàn sao ông Nhất Linh xuất bản chi tập Văn hóa Ngày nay. Ý cô muốn ông dừng lại ở Bướm Trắng và Đôi Bạn và tôi hiểu rằng với quan niệm này hẳn cô cho rằng

những ngày thơ mộng êm đềm của cô là thuộc về quá khứ, rằng hiện tại cô chỉ sống uể oải qua ngày thôi, mang cái kiêu kỳ của kẻ không-ai-hiểu-được-mình. Trong khi đó, thân nhiên vô tình những năm tháng chồng chất lên năm tháng, gặm mề lần lần cái kiêu kỳ vừa tô bồi cái mặc cảm thua sút. Nhan sắc như một đóa hoa, không thể tươi mãi và có nhiều hôm tôi thốt nhiên bàng hoàng khi nhìn thấy những nét mỗi một nơi đôi mắt, nơi đôi môi, nơi bàn tay của Thanh Phương.

Bằng một thời gian dài tôi không gặp Thanh Phương. Dường như cái vi-la Mỹ đã trả lại không thuê nữa. Nghe có lệnh binh sĩ Mỹ từ bốn gạch trở xuống phải vào trại ở. Ông Cụ Quang hùn với một bà bạn đem mở snack-bar có ban nhạc sống do thằng em trai của Thanh Phương tên là Tony Út thành lập với lũ

bạn chuyên môn trốn học của nó. Tôi đã có lần chạm trán với vị nhạc trưởng này, mặt mày ốm nhom, để tóc dài vừa uốn như tóc đàn bà. Nếu không nhìn ngay xuống cặp đùi tong teo dài ngoẵng và cái ngực mỏng như tấm bìa lịch thì tôi có thể tưởng lầm đó là một người đàn bà già và xấu. Chợt một hôm Thanh Phương đến thăm tôi.

– Thầy có bận gì không? Hôm nay em có nhiều chuyện để kể cho thầy nghe. Lâu lắm em không lên thăm, chắc thầy tưởng em chết đâu mất rồi.

– Đâu đến nỗi bi quan vậy? Người ta có nhiều cơ để mà văng mặt. Gặp nhau hằng ngày chưa hẳn đã là một điều đáng mong ước.

– Ý thầy muốn nói?

– Rằng tôi cầu mong trong thời gian đi xa cô đã gặp được hạnh phúc.

Thanh Phương cười:

– Thầy nhớ kỹ đến hoàn cảnh cô đơn của em ghê. Đố thầy biết em đi đâu trong thời gian đó không?

Nét mặt tươi tỉnh, giọng nói nhanh nhẹn của Thanh Phương biểu lộ một niềm vui tràn trề và tôi chịu không đoán được Thanh Phương đang sung sướng bởi thứ hạnh phúc nào. Tôi lắc đầu nói:

– Chịu thua.

– Em đi tu.

Tôi đang rút diếu Winston chưa ra khỏi miệng gói thuốc thì ngừng lại đó, ngẩng lên nhìn cô, ngạc nhiên. Cô vẫn nét tươi cười:

– Em đi tu thực mà. Thầy đốt thuốc đi đã rồi em sẽ nói.

Trong khi tôi bật diêm, Thanh Phương nói:

– Thầy đừng nghĩ là em mơ mộng. Em không chịu ảnh hưởng Hồn bướm mơ tiên đâu. Bây giờ mà mơ mộng kiểu đó thì quê lắm. Em quyết đi tu thực mà. Em không cho gia đình biết. Một buổi sáng, em lên ôm gói quần áo ra bến xe đò. Không biết nên đi đâu, đi về phía nào. Em mua ào một cái vé đi Qui Nhơn. Thật là hồi hộp khi mình đang làm một hành động bất thường. Em hơi tủi thân khi nghĩ rằng những người hành khách ngồi cạnh mình kia đang sung sướng bởi họ sắp được gặp gỡ những người thân yêu xa cách. Còn em thì ngược lại. Em hiện không có gia đình, em hiện bị chối bỏ. Những cánh đồng lúa nằm yên lặng

nhẫn nhục ở hai bên đường. Những con sông chảy uể oải. Những đèo núi thâm u vang tiếng ve sầu. Em ghé lại Qui Nhơn một tối rồi sáng hôm sau ra bến xe ngựa. Tìm hỏi một ngôi chùa sư nữ.

Tôi ngắt lời:

– Công việc đang đi tới phần tế nhị rồi đó. Phải hỏi sao cho khéo để khỏi bị mời về Ty Công an điều tra. Thanh Phương cười:

– Em đã nghĩ một kế để dò hỏi. Cứ nói láo rằng có người chị bỏ nhà đi tu và mình được gia đình phải đi tìm. Người nào cũng ái ngại nghe và tranh nhau mách tên những ngôi chùa. Em lên xe ngựa ra An Nhơn và tìm đúng ngôi chùa mà các người ở bến xe ngựa mách.

– Tên là chùa?

– Dạ, chùa Tịnh Liên. Em vào xin yết kiến sư bà kể hết sự duyên. Sư bà nhận cho em thí nghiệm việc tu tập, làm quen với đời sống cần lao và cam khổ. Trong mọi sự cam khổ, em sợ nhất là đi cấy ruộng chùa. Phải cúi lom khom hàng giờ, chân giẫm xuống bùn, đĩa đeo ngang dọc. Phải đứng giữa nắng chang chang, ánh nắng xoáy vòng làm đầu óc mình lảo đảo.

– Nếu không do miệng cô kể thì tôi không tin rằng đó là chuyện có thực.

– Dạ, chính em cũng không ngờ sao em có đủ sức chịu đựng như vậy. Hồi đi học, hễ động đi nắng một bữa là nhức đầu. Nỗi khổ thứ hai là những buổi chạng vạng nghe ếch kêu. Tiếng ếch gào thê thảm, khắc khoải, rã giọng, gợi nỗi nhớ nhà.

– Còn kinh kệ? Đi tu mà chẳng lẽ chỉ lo cấy lúa và nghe tiếng ếch kêu.

Thanh Phương cười:

– Dạ, có học kinh kệ. Công việc thuần túy tu hành thì gồm có hai thời công phu chính yếu bốn giờ sáng, năm giờ chiều và một khóa tụng tối gọi là Tịnh độ lúc tám giờ. Vì còn mới sơ tâm cầu đạo nên trước khi học giới luật em lo học quyển “Nhị thời công phu”.

– Thử đọc một đoạn kinh cô đã thuộc xem nào.

Thanh Phương không chối từ:

– “Nam mô tát đát tha tô, dà đa gia a ra hạ để tam miệu tam bồ đà tóa, tát đát tha phật đà cu tri sắc ni sam...”. Đó là Thần chú Lăng Nghiêm. Đây là kinh Di đà, Hồng danh và Thí thực “Như thị ngã

văn, nhất thời Phật tại Xá vệ quốc kỳ thọ cấp cô độc viên dũ đại tỳ kheo tăng, thiên nhị bách ngũ thập như câu, giai thị đại A la hán.” Trong hai thời công phu, kinh công phu khuya là khó học nhất, do đó tiền nhân thường nói “Đi lính sợ trèo ải, làm sãi sợ chú Lăng Nghiêm” bởi mới nghe qua như tiếng Mên tiếng Lào.

Thanh Phương dốc tâm đi tu thực, tôi nghĩ. Ăn cơm với tương rau, cấy lúa còng lưng dưới nắng, thức dậy hồi bốn giờ để gõ mõ... bao nhiêu cực nhọc đó không phải là trò chơi của kẻ hiếu kỳ. Không phải là những màn trình diễn như các ông lớn cuộc phát cuộc tượng trưng, đập nhất búa tượng trưng để cho thợ chụp hình, thợ quay phim ghi vào băng nhựa.

– Rồi... sao cô lại ngồi đây?

– Giặc giã ùn ùn tràn tới. Đại bác, rốc-kết, bom lửa, tiểu liên, đại liên, cạc-bin, bích kích pháo. Chùa sập. Tượng cháy. Làng xóm tan hoang. Dân chúng tị nạn. Sư bà dẫn ni chúng chạy về chùa Tĩnh hội. Xa lìa cơ sở, cả đoàn phải sống chen chúc, thiếu thốn và luôn luôn mang mặc cảm của kẻ đi quấy rầy. Có còn được an ổn tinh thần nữa không, trong hoàn cảnh đó? Sau hai tháng chịu đựng không lối thoát, em đành xin sư bà cho về nhà đã, hẹn sẽ tái ngộ khi có cơ hội thuận tiện.

– Theo lời cô trình bày thì rõ ràng là việc đi tu của cô bị ngăn ngại. Thế nhưng dường như cô không tỏ ra phiền não mà trái lại, tôi thấy cô có vẻ an vui hơn những ngày tôi gặp cô trước đây.

– Dạ thực tế có đúng như vậy. Em chợt tin rằng có một định mệnh dành

cho mỗi người và tự nhiên em không thấy buồn nữa. Em cứ chấp nhận cái gì nó đến cho em.

Sau lần nói chuyện và trong một thời gian dài, tôi không gặp Thanh Phương. Lý do là mùa Hè năm đó tôi xa rời thành phố lên ở chơi suốt ba tháng trong đồn điền của một người bạn ở Tùng Nghĩa. Có thể là Thanh Phương có đến thăm tôi trong thời gian tôi vắng mặt và bởi tôi đi mà không để lại địa chỉ nên Thanh Phương bật hẳn tin tức với tôi.

Sau đó không biết bao lâu, chợt một hôm tôi gặp Tony Út, vị nhạc trưởng tóc dài, Tony Úy chào tôi và khoe liền ban nhạc của hắn.

– Em vừa tuyển được một tay trống cừ lắm. Đêm qua bọn em mới trình diễn dưới câu lạc bộ Neptune.

– À, khá quá nhỉ, — tôi nói vẫn vơ.

– Em đổi tên ban nhạc lại rồi. The Blinds, — những thằng mù, thầy nghe có được không?

– Được lắm. Chỉ sợ người ta tưởng lầm là ban nhạc của trường mù. Chị Thanh Phương độ này mạnh khỏe?

– Chị đi tuốt mất rồi. Thầy chưa biết à?

– Đi đâu?

– Đi hoang. Bỏ nhà đi hoang.

– Chưa kiếm ra?

– Đi đâu mặc kệ, hơi đâu mà kiếm. Đi chán rồi thì lò mò về. Tối mai ban The Blinds của em trình diễn ở vũ trường Kiều Oanh, mời thầy ghé lại thưởng thức. Để em đưa giấy mời thầy.

– Để coi thử có rảnh không.

Bỏ nhà đi hoang! Đi đâu và đi theo tiếng gọi của loại Định mệnh nào? Để mong tìm gặp đối tượng nào? Một sự buông thả liễu lĩnh? Hay tiếng gọi thanh khiết của một am tự như đã có một lần?

Cho đến nay, tôi chưa gặp lại Thanh Phương. Và bất ngờ mà hôm nay một Thanh Phương ngày thơ trong sáng của những ngày thơ mộng êm đềm cũ bỗng hiện đến trước mặt tôi qua hình dáng của Trân đang ngồi trước mặt tôi kia. Cũng đôi môi nhỏ chỉ biết nói những lời dịu dàng. Cũng đôi mắt đen thông minh linh hoạt. Cũng những nét duyên dáng kín đáo trong một cái ngược mặt, một cái quay đầu, bàn tay có ngón trắng thon đưa lên vén mái tóc. Tôi chột trăn trề xót thương nhìn lâu vào khuôn mặt Trân. Cầu mong cho em gặp một Hạnh Phúc

bình ổn sau này để em có dịp mang cái dịu dàng làm im mát không khí một gia đình. Tôi lắc đầu cố đuổi xa cái hình ảnh chập chờn cứ muốn sà xuống bao trùm lấy tâm hồn tôi, cái hình ảnh một con bướm lạc loài giữa đô thành bụi bặm, một con bướm tả tơi đôi cánh giữa gió mưa vô tình của cuộc đời.

HÃY ĐẾN CHẬM HƠN NỮA

Mỗi năm có khoảng chừng mười lần tôi nhớ đến Hoạt. Số lần nhớ tăng theo tỷ lệ thuận với số tuổi. Rõ ràng là càng lớn tuổi người ta càng hay nhìn về quá khứ, không phải vì thích nhìn mà dường như vì người ta bắt buộc phải nhìn.

Hoạt học chung lớp võ lòng với tôi. Trải qua một niên khóa, anh không có

một đặc điểm gì khiến tôi lưu ý. Có lẽ chỉ cái tên của anh là có đôi chút đặc biệt. Chúng tôi gọi là Quạt và liền trong óc hiện hình cụ thể ra một cái quạt. Thật tiện lợi và tự nhiên. Hồi đó người ta dùng cái quạt bằng giấy phất lên trên những cái nan tre xò ra xếp lại gọn gàng. Những kếp hát bội đóng vai nịnh thần xử dụng quạt nhiều nhất, hầu như thường xuyên có cái quạt trên tay. Cái quạt biến thành vũ khí tùy thân như ngày nay cái súng đánh đai trên vai người lính. Khi cần bắt khán giả lưu ý đến câu nói của mình, tên nịnh thần thường vừa nói vừa duỗi tay mặt xò cái quạt ra, còn tay trái thì vuốt râu. Mấy cô công chúa cũng hay cầm quạt. Khi đợi người tình lang phùng gân cổ vừa trợn mắt lên hát cho hết đoạn Nam đoạn Bắc của hản thì nàng công chúa lợi dụng cây quạt cầm tay để quạt cho đỡ nực. Khán giả đâu có lưu ý chê

trách một cử chỉ phản nghệ thuật như vậy bởi chính nhiều khi có thấy nàng công chúa quạt mát trên sân khấu, khán giả mới bỗng chợt nhớ đến cây quạt cầm tay của mình và thế là cả rạp hát phấp phới những cánh quạt màu trắng như những cánh bướm hoạt động. Chúng tôi đứa nào cũng có những kinh nghiệm đi coi hát bội như vậy.

Ở nhà vườn người ta dùng mo cau để cắt thành quạt. Đó là thứ quạt bền nhất, khi ngủ quên tha hồ nằm lăn lên trên và khi giận con thì trở cán mà vụt, vụt chết thôi, không sợ rách không sợ gãy. Những người nghèo không có cây cau mọc trong vườn, không có cái vườn để cây cau mọc thì qua mùa hè khi gió nam tạt hơi nóng vào mặt, họ đi lượm những bẹ tre ở các bờ tre làng. Lúc bấy giờ những cây măng đã mọc cao và đốt nào vừa già đủ sức

chịu đựng nắng gió thì vội cởi bỏ cái bẹ bấy lâu nay vẫn che chở nó. Các cái bẹ rớt lang thang trên mặt đường đi, được lượm lên, đem về nhà dùng dao vanh cắt thành hình quạt. Cả một hệ thống quạt như thế dành cho sự liên tưởng của tôi.

Sau này khi lên đến lớp tư, Hoạt dẫn một đứa em của anh đến xin học. Tên nó là Bác. Chúng tôi sắp sửa liên tưởng đến “cái chén”, — chúng tôi là dân miền Nam nên luôn luôn đọc sai những chữ tận cùng bằng T, C, có G và không G, — thì thầy giáo gật gù bảo Hoạt:

– Ai bày cha mày đặt tên là “Hoạt bác”?

Hoạt lí nhí:

– Dạ thưa thầy con không biết.

Thầy quay lại chúng tôi:

– Đố các trò “Hoạt bác” là gì?

Nhiều đứa rúc rích cười thích thú nhưng không dám giơ tay xin nói. Chắc đứa nào cũng có một lối giảng nghĩa như nhau. Đợi lâu không thấy đứa nào xung phong, thầy chỉ ngay thẳng Lăng.

Lăng đứng dậy:

– Dạ thưa thầy là mình quạt cho Bác mình, là trời nóng Bác mình sai mình quạt cho ổng mát...

Cách giải thích thật bất ngờ, và “ông Bác” thì cũng cụ thể dễ tưởng tượng như “cái chén” nên cả lớp cười rộ lên. Thầy cũng cười theo.

– Các trò dốt. “Hoạt bác” là chữ Nho. Nghĩa là ăn nói trôi chảy, ai hỏi đâu trả lời đó.

Hoạt không ăn nói trôi chảy, thông thạo như ý nghĩa của cái tên anh. Thầy kêu lên đọc bài thì anh cà kê chỉ một câu đầu, lặp lại mỗi chữ đến năm, bảy lần rồi đứng khựng. Lúc bấy giờ ngón tay cái của anh làm việc thay cái lưỡi. Anh thọc ngón tay vào lỗ dành gài gô-đê mực và cứ thọc vô rút ra. Thầy hỏi:

– Ai biểu mày nạo lỗ gô-đê?

Anh ngược mặt lên ngó ngẩn hỏi:

– Dạ? Dạ thầy sai con nạo cái gì?

Trời ơi! Ngu ơi là ngu! Đến giờ chơi chúng tôi bao vây anh để hành hạ tiếp.

– Hồi nãy thầy sai anh nạo cái gì vậy?

– Tao đâu có biết? Ông nói tao không nghe, tao hỏi lại ổng không nói.

– Chiều nay mà anh không nạo xong thì chết anh.

– Tao biết nạo cái gì?

– Sao không hỏi lại cho rõ?

– Hỏi rồi mà không nói.

– Kệ anh. Chiều nay bị đòn kệ xác anh.

Chiều đó Hoạt trốn học. Thầy sai bốn anh sức vóc lực lưỡng đến nhà bắt. Tìm khắp nhà trên tìm xuống nhà bếp. Mẹ anh nói:

– Uở lạ. Nó có ôm sách vở đội mũ xách ve mực đi học rõ ràng mà. Chờ đi đâu mà không tới trường?

Cha anh chậm rãi nói từng tiếng:

– Thằng nhỏ giấu vở đi chơi ở đâu

rồi be. Chắc theo lũ thằng Bạch thằng Trinh đi đánh trống hay đi bắt chim.

– Ông mới đánh nứt dít hôm kia, chắc bữa nay không dám, lời mẹ anh.

– Nó sợ ai mà không dám?

Xem chừng như cuộc đối thoại dài nhằng không giúp ích gì cho cuộc sưu sách phạm nhân, bốn vệ sĩ đi lần ra sân sau, lục lại từng bụi chuối, từng đồng củi. Vẫn không tung tích. Bốn người thả bộ về chuồng bò. Con Xe con Pháo nghe nhai cái mặt dài đuổng lên ngó, miệng ngồm ngoàm nhai, đuôi quất lia lịa lên sườn lên lưng.

– Thằng này coi vậy mà biến hóa như thần, — một đứa nói.

– Nó dám biến làm con ruồi lắm. Hồi hôm dựng Năm tao đọc truyện Tây

Du cho bà Nội tao nghe có đoạn ông Tề Thiên biến làm con muỗi, — một đứa trả lời.

– Biến làm con bò chắc ăn hơn. Biến làm con ruồi con muỗi, lỡ con bò nó quất đuôi trúng một cái chết nhăn răng. Miệng nói mắt dòm, tay cầm cây củi đập vu vơ lên cây róng chuồng bò, lên đồng rơm để dành bỏ cho bò ăn. Chợt đồng rơm vùng dậy. Một bóng đen vụt trời lên. Anh Hoạt. Rơm dính đầy đầu, rơm ghim đầy áo, anh phóng một sải rồi chạy u một mạch vượt vuông sân, vượt luôn đám đất xanh um những vồng khoai lang, nhảy thoát qua bờ rào, biến mất. Những cọng rơm bị phui bay còn lượn lững lơ trước khi rơi xuống đất. Anh Khóa, một vệ sĩ giật mình đứng khựng.

– May thằng này không có võ. Nếu không thì nó đã cho tao một đá, bể bong

bóng để chạy thoát thân.

– Mày dở quá. Chớ cây củi cầm trên tay làm chi? Phang cho nó một đòn.

Đại để đó là những kỷ niệm Hoạt đã gọi lại trong trí nhớ của tôi.

Sau khi học xong hết lớp Tư thì chúng tôi xa cách nhau. Tôi lên trên trường Phủ, Trường Tỉnh học tiếp còn Hoạt thì trở về nhà thừa kế công việc của cha anh để sau này tiến lên thay thế.

Sau đó chừng bốn, năm năm, một hôm không nhớ đang nói chuyện gì bỗng một người bạn nhắc đến Hoạt. Giọng nói đang to chột nhỏ đi, thì thầm như một tâm sự.

– ...nó bị phung.

Không ai được chuẩn bị để nghe tin

đó nên ai nấy đều có cảm tưởng mình vừa rùng mình. Chừng như người ta có quyền mắc một trăm thứ bệnh khác, điều đó không khiến ai ngạc nhiên, chứ bệnh phung thì không thể tưởng tượng được.

– Cha nó phải dựng một cái chòi ở giữa đám dừa hấu ngoài soi để giấu nó ngoài đó, — lời người bạn kể. Nhưng lâu ngày rồi cũng bị lộ. Có người đâm đơn xuống huyện. Nhà nước bắt chở đi...

Không ai tìm hỏi xem “Nhà nước” là cơ quan nào và anh bị chở đi đâu. Cái tai họa lớn quá, quá tầm lo lắng của sức người nên ai cũng chỉ nghe rồi chép miệng rồi thôi. Y như khi nghe tin một người đã từ trần. Chắc chắn không ai hỏi xem linh hồn người đó đang đi về hướng nào, Thiên đường hay Địa ngục. Sức người dừng lại ở hơi thở hắt ra, bắt

lực đầu hàng và tiếp sau đó là phần việc của Phật, của Chúa, của Allah. Coi như là chúng tôi đã trao Hoạt vào tay của Thượng đế rồi vậy.

Năm tháng dần trôi, những người bạn của tôi và tôi đều lớn lên, đứa nào cũng được quây quần bởi một gia đình, như cây keo cây me cây sầu đông khi đứng tuổi sức vóc vững vàng thì bao giờ cũng có nhiều cây con đứng xúm xít xung quanh. Có những cây con mơn mớn vượt cao ngang tầm ngực của cây mẹ, — mười tám, hai mươi tuổi rồi đó, — có những cây mảnh mai yếu đuối rụt rè chừa được đôi cành, — chín, mười tuổi, — và có những cây mới nhú từ mặt đất, nhỏ nhoi ngơ ngác. Tôi thấy đứa bạn nào cũng trở nên nghiêm trang và nhiều đứa nghiêm trang một cách thái quá đến độ buồn cười. Đứa nào cũng đột nhiên

tăng giá trị, thứ giá trị được dán thêm do những đứa con mang lại. Thăng Phong có đứa con đầu làm tới Đại úy công binh. Nó không cần phải tham những mà nhà đầy xi măng, đầy sắt. Đứa con út của nó khi mặc quần đùi thì để lộ cặp chân to và đen, vạm vỡ như cặp chân voi. Thăng Lào có hai người rể, một tên làm Quận trưởng, một tên làm Thiếu úy Trợ y. Vân vân. Được “Dạ” bởi những sĩ quan và cán bộ Hành chánh như thế, được nể nang bởi những bấp thịt hùng hậu như thế, được đặt lên trên đầu của lũ cháu nội cháu ngoại, các người bạn may mắn của tôi thật có dư lý lẽ để hãnh diện. Những lúc đó tôi nhớ đến Hoạt. Sao bao nhiêu khổ đau lại chỉ dành cho anh? Bao nhiêu nhức nhối vật chất, giá lạnh tâm hồn lại dành tặng cho riêng một anh? Bây giờ anh ở nơi nào? Còn sống hay đã chết? Tôi có ý nghĩ là anh đã chết rồi, quản quai

nhiều ngày trên giường bệnh, cô đơn hơn bất cứ một người hấp hối nào. Sự thương xót và những ý nghĩ đó in sâu vào óc tôi đến nỗi có lần gặp cha mẹ anh mà tôi không hề dám hỏi tin tức của anh. Thậm chí gặp bạn bè mà tôi cũng không dám hỏi nữa. Tôi sợ phải nghe một câu trả lời, chẳng hạn: “Nó chết hơn hai mươi năm nay rồi mà mày chưa biết!” Lúc đó tôi sẽ thấy mình là tên vô nghĩa bạc tình và tôi đành tìm một lẽ để bào chữa: Có biết được sự thực hay không cũng vô ích. Nó không giúp đỡ cho anh được chút nào. Còn đối với cha mẹ anh thì chỉ khơi một mối buồn. Tốt hơn hết là để cho quên đi.

Vì quả thật vậy, mỗi lần gặp mẹ anh, tôi có cảm tưởng như bà đang âm thầm nghĩ đến đứa con bất hạnh của bà. Trên vai bà thường có một gánh nặng, lúc thì một gánh bông, lúc thì một gánh đường

và bà lầm lũi bước, mắt nhìn xuống đất. Tôi không lần nào gặp bà đứng nói chuyện với ai để được nhìn một nụ cười làm tươi ánh mắt. Mà dường như thường trực đó là một khuôn mặt đăm chiêu, cần cỗi, đối thoại âm thầm với mặt đường sỏi đá, xơ xác cỏ khô.

Anh có một người em gái nước da ngăm đen nhưng có sắc đẹp mặn mà. Hai đường chân mày dài và cong che một đôi mắt đen mở rộng. Cái mũi thẳng và đôi mắt sắc sảo. Vài đứa bạn của tôi mê người em gái anh và tôi không hiểu khi ngồi kể cái khuôn mặt xinh xắn đó, cầm hai bàn tay mảnh mai đó, họ có liên tưởng đến khuôn mặt và bàn tay của anh chăng?

Riêng tôi thì sau khi xa cách anh chừng năm, bảy năm tôi quên dần những nét trên khuôn mặt anh để dần dần thay vào đó bằng những nét của cô em.

Dường như có một sự tranh giành nào đó, một sự thỏa nhượng nào đó, một sự xê dịch lạng lẽ của hai khuôn mặt nhằm thay thế và phản ứng lại sự thay thế. Có khi hai khuôn mặt hiện ra chập chờn và cuối cùng bao giờ tôi cũng nghiêng về cô em của anh hơn, đôi con mắt đen và hai đường chân mày dài thu hút dần tâm hồn của tôi.

Gần đây do một ngẫu nhiên mà tôi được tiếp xúc với một sư huynh quản đốc của một viện bài cù.

– Bệnh cùi, — lời vị sư huynh, — chúng tôi chữa lành được. Có nhiều bằng chứng cụ thể, có những tấm ảnh chúng tôi còn giữ lại để làm tài liệu, tấm ảnh chụp người bệnh khi nhập viện và khi xuất viện.

Tôi dè dặt trong cuộc đối thoại:

– Người ta nói rằng thuốc Sulfon chỉ giữ cho bệnh không tăng thêm chứ chưa thể....

– Không phải vậy. Tôi lấy mấy trường hợp này coi như là cụ thể nhất: có mấy sĩ quan đang chiến đấu thì bị phát giác là mắc bệnh. Thử máu, đúng là có vi trùng. Cho nhập viện để chúng tôi chữa. Sau sáu tháng hay một năm, hay hai năm tùy bệnh nặng nhẹ, họ lành mạnh trở lại. Thử máu, thấy hết vi trùng, chúng tôi trả họ lại cho đơn vị và hiện họ đang tiếp tục đánh giặc.

– Chắc phải thử máu nhiều lần mới có thể kết luận...

– Tôi hiểu sự hoài nghi của ông. Cố nhiên là khoa học có nhiệm vụ và có khả năng đi tới không ngừng và như vậy nghĩa là ở chặng đường nào chúng ta cũng chỉ

biết được sự thật tương đối. Thôi, tôi xin đưa những trường hợp khác, những sự thật nó nháy thẳng vào mắt mình không cần viện dẫn đến kiểm chứng khoa học. Có một nữ bệnh nhân khi nhập viện thì bệnh đã tàn phá cơ thể, lở lói cả lưng và trạng thái suy nhược đến nỗi chị ta đã xin dọn mình để chết. Chúng tôi nhận nài chữa. Kết quả là hôm nay chị đã khỏe mạnh và hiện chị gánh đôi thùng nước chạy vù vù. Hôm nào mời ông qua viện, tôi xin giới thiệu cho ông gặp.

– Nếu được biết sự công hiệu của thuốc chữa như vậy thì chắc những người mới mắc bệnh không đến nỗi vừa trốn tránh vừa tuyệt vọng như chúng ta vẫn nghe nói.

– Vâng, họ trốn tránh vì họ không biết là chúng tôi chữa lành được bệnh. Có người mắc bệnh cứ nằm trốn trên

lầu. Tôi tới tìm gặp khuyên nên đến với chúng tôi để chúng tôi lo chạy chữa săn sóc cho thì tôi bị mắng toi bời. Bệnh nhân nói rằng chúng tôi vu khống để làm hại uy tín họ, rằng những vết sần sùi trên mặt trên tay chỉ là kết quả của những chứng đau gan mà họ đang chữa. Cố nhiên là chúng tôi phải hết sức nhận nài trong việc thuyết phục.

– Trong khi đó thì có những bệnh nhân lén bỏ Viện trốn đi...

– Số đó vẫn có. Ngoài những nguyên nhân tâm lý dị biệt còn có nguyên nhân này dễ giải thích: đó là thuốc Sulfon khi mới uống thì nó hành hạ bệnh nhân dữ lắm. Phải trì chí, phải chịu khó... Nhiều người sau khi chữa lành bệnh không muốn dời viện về nhà. Họ ở lại giúp tay chúng tôi, xây dựng gia đình và họ sinh những đứa con khỏe mạnh xinh xắn.

– Những thành công tốt đẹp trong việc chữa bệnh cùi như vậy, đáng lẽ phải được phổ biến rộng rãi cho nhiều người biết, cho những người lỡ mắc bệnh biết mà tin tưởng, cho những người chưa mắc bệnh biết mà an tâm. Cổ nhân ta bảo rằng “Phong, lao, cổ, lại tứ chứng nan y”. Tuy nói là “nan y” nhưng có thể coi như là “tuyệt vọng”.

– Chúng tôi có một nguyệt san để phổ biến những kinh nghiệm và những thành quả chữa bệnh của Viện chúng tôi. Có một buổi phát thanh ở đài Vô tuyến truyền thanh địa phương.

– Tuy vậy nhưng dường như sự phổ biến không được rộng bao nhiêu. Người ta vẫn còn giữ những ngộ nhận về bệnh cùi, nhất là cái số phận bi thảm dành cho những bệnh nhân vào thời Trung cổ mà các cuốn sử Tây phương đã chép lại. Tôi

nhớ hình như các bệnh nhân thời đó phải che trại ở trên núi và mỗi lần cần phải di chuyển thì tự họ phải rung chuông đánh kiếng cho những ai vô tình ở gần đó phải chạy lánh đi. Hãy tưởng tượng bao nhiêu nỗi cô đơn, bao nhiêu khổ đau tinh thần họ phải nếm hàng ngày ngoài những khổ đau vật chất.

– Vì vậy cho nên việc tập trung sống vào một nơi, cạnh những người đồng cảnh ngộ và cạnh những người chạy chữa và giúp đỡ họ, việc đó an ủi tinh thần của họ nhiều lắm. Thỉnh thoảng có những cá nhân đồng bào hay đoàn thể tư nhân tới thăm và giúp đỡ tiền bạc hay phẩm vật. Có những đoàn thanh niên du ca tới trình diễn ca nhạc để cho họ giải trí.

– Tôi tưởng người ta có thể làm hơn...

– Có vậy. Ông Raoul Follereau đã nhiều lần kêu gọi lương tâm nhân loại. Chỉ cần tiết giảm chiến tranh là có dư tiền để biến cải cuộc đời những người cùi trên thế giới, những người mắc các chứng bệnh hiểm nghèo khác, những người nghèo nàn. Ông kêu gọi các nước hãy góp số tiền chiến phí một ngày để cứu bệnh, cứu đói và cứu khổ. Một ngày chiến phí tối thiểu là năm trăm triệu đô la. Để tiền mua một hàng không mẫu hạm, người ta có thể nuôi sống 400.000 người trong một năm. Để tiền sắm một chiếc tàu ngầm, người ta có thể mua 50.000 tấn thịt phát cho người đói. Để tiền trang bị cho một sư đoàn thiết giáp, người ta có thể xây 32.000 căn nhà, mỗi căn có bốn phòng.

– Lời kêu gọi đó đã được hưởng ứng?

– Hiện đã có một triệu rưỡi chữ ký của thanh niên 105 nước ủng hộ, mười ba vị quốc trưởng, 29 chính phủ tán thành. Không sớm thì muộn, nhân loại cũng sẽ có ngày chột tỉnh.

– Công cuộc của Viện ông phải được quảng đại quần chúng biết và góp phần giúp đỡ. Ai cũng có thể mắc bệnh cùi. Tưởng tượng rằng một ngày kia mình lỡ mắc phải bệnh và những người xung quanh mình sẽ đả ngộ mình với con mắt nào, cho dù là những người thân yêu nhất của mình! Tôi nghĩ rằng ai cũng mềm lòng trước những đồng bào ít may mắn đang gánh chịu những tai họa thay cho mình.

Vị Tu sĩ cười:

– Ông còn ngây thơ. Cũng có người biết trực tiếp lợi dụng chúng tôi. Những

phẩm vật, những máy móc do các cơ quan từ thiện quốc tế viện trợ...

Tôi không đủ can đảm nghe hết câu. Cái điệp khúc đó quen thuộc quá như những hành khúc buổi sáng có “Tiến lên nào! Nào vùng lên! Hăng hái sông pha! Anh em ta cùng tiến lên!” Tôi không muốn câu chuyện lại sang mục tham nhũng. Đã có chính phủ, báo chí và đài phát thanh nói tới nhiều rồi. Tôi đang vui vẻ vì loài người có những Raoul Follereau, những Fromm, Wittmann đã khổ công tìm ra DDS... Tôi đang vui vì có những mùa xuân học sinh bỏ lễ ăn liên hoan để lấy tiền giúp đồng bào bệnh nhân ở viện bại cùi. Tôi nghĩ đến vô số những trường Tiểu học, những trường Trung học trong toàn quốc. Nếu các em đều dẹp bỏ những cuộc ăn uống không cần thiết như vậy! Nếu những người lớn

cũng dẹp bỏ những món xài phí vô ích, những cành đào cành mai giá đến mười ngàn đồng, những vé thượng hạng một ngàn năm trăm đồng đi xem Đại nhạc hội có vũ sexy, có thi Hoa hậu thời trang.

– Nhân loại rồi sẽ có ngày chợt tỉnh,
— vị tu sĩ lầm nhảm nói.

Tôi nghĩ đến Hoạt liền ngay lúc đó và những ngày sau đó. Sao anh sinh ra đời chỉ sớm những ba mươi năm? Có gì đâu để mà vội vàng? Anh đã hưởng được gì ở cuộc đời? Nghe một tiếng chim tu hú vào đầu mùa Hè, ngửi một mùi thơm của hoa mù u trong buổi chiều, nhìn những con chuồn chuồn đảo lộn trên nền trời sau cơn mưa... những niềm vui đó quá nhỏ so với nỗi khổ đè nặng của anh. Giá cứ thông thả, giá cứ đến chậm chậm một chút để kịp cho nhân loại dẹp bớt những khổ não. Giá anh sống lùi lại ba mươi

năm, năm mươi năm thì anh sẽ cởi bỏ được dễ dàng niềm đau thân xác, chặn đứng và xóa đi những vết tàn phá. Dầu hết sức lạc quan, tôi cũng không mấy may hy vọng anh sống sót đến ngày hôm nay, cho nên mặc dù tôi có thể nhờ tra cứu sổ bộ xem anh đã sống ở viện bài cùi nào, bệnh chứng của anh tăng giảm như thế nào trong những năm xa xôi của dĩ vãng, tôi cũng thấy tôi nên tự ngăn cản mình đừng quấy rầy những cuốn sổ đã nằm im dưới nhiều lớp bụi. Trong cuộc sống trần gian, giữa những đau đớn vật chất tinh thần, chắc chắn anh không thể nào nghĩ rằng tôi lại có nhiều hồi ngời nhớ đến anh. Anh tưởng mọi người đã quên anh rồi, trừ cha mẹ và cô em gái, trừ những người bà con và láng giềng trực tiếp của anh. Anh có ngờ đâu rằng anh vẫn hiện diện đâu đó trong tâm hồn tôi, lúc thì nhường chỗ cho những hình

bóng khác, lúc thì độc chiếm trọn vẹn, anh, cái dáng ngây thơ âu sầu của những ngày nhỏ dại chùng như không thay đổi, không hề thay đổi bởi bệnh tật và thời gian.

NHỮNG BƯỚC CHÂN ÊM ĐỀM

Tôi là một tên chuyên môn bị đàn bà ăn hiếp, nhất là đàn bà bán hàng. Mua món gì cũng đắt hơn người ta. Một lần tôi mang về đến bốn cái áo may-ô, tôi khoe với lũ con:

– Ê! Ra đây coi tụi bay. Ba mới mua được loại may-ô này là loại tốt nhất xứ. Hiệu “Hoa hồng”. Xem này, sợi chỉ của nó mịn như lụa thấy không? Ngó mỏng vậy mà mặc chắc lắm.

Con Trang hỏi:

– Bao nhiêu một cái vậy Ba?

– Có một trăm chín. Cô bán hàng nói Ba là chỗ khách quen nên cô bán rẻ. Ở hiệu khác phải hai trăm hay hai trăm hai. Cô nói người sành điệu mới biết chọn hiệu này. Tuy giá hơi cao nhưng mặc một cái bền bằng ba bằng bốn cái của hiệu khác. Cô nói người Tàu họ khôn lắm, họ chỉ mặc hiệu này. Đã bền mà mặc lại mát.

Thằng Đức khẽ vò mặt vải giữa hai ngón tay rồi nói:

– Ủ! Nó mềm nồn hơn cái may-ô của con.

Con Diễm mân mê cái nhãn áo có vẽ đóa hồng màu đỏ:

– Tên Ba là Hồng mà mặc may-ô “Hoa hồng” thì phải quá. Như vậy chị ở khỏi lẫn lộn với may-ô của người khác, khỏi cần làm dấu.

Tôi đặc ý nhớ đến cái lỗi làm dấu của lũ nhỏ. Cái khăn tắm của tôi, chúng nó viết một con số 3 vào một chéo rồi chúng gọi chị ở:

– Nhớ nghe chưa? Cái khăn này của Ba. Tụi tôi viết con số 3 cho chị dễ nhìn.

Niềm sung sướng tôi không ích kỷ giữ cho riêng mình. Hôm sau ở giữa sở, trong giờ nghỉ tay, tôi đem khoe cái hiệu may-ô “Hoa hồng”. Khi tôi nói giá xong, anh Kinh bạn tôi ngạc nhiên:

– Moa mua có một trăm tám.

Anh Duy:

– Mình mua ở hiệu Công Tuấn có một trăm sáu.

– Hay là có loại tốt loại vừa? — tôi nói.

Duy cười:

– Có một loại thôi, cậu ơi! Con mẹ bán hàng nó lừa cậu đó.

Lần sau là một con dao. Lại cũng một người đàn bà. Tôi phân trần:

– Cô bán cho tôi một con dao. Có đủ cái mở nút chai, cái mở nắp bia, cái dùi...

Khi cô lại mở tủ gương, tôi vội vã thêm:

– Cô chọn cái dao ngoại quốc cho tôi nghe? Tôi không thích thứ dao made in Chợ Lớn.

Cô loay hoay một lát rồi đem lại đưa cho tôi một con. Trên thân nó có in dấu một chữ Thập đỏ, trông như lá cờ Thụy sĩ.

Tôi bật tung mọi thứ phụ tùng của nó ra, lưỡi lớn, lưỡi nhỏ, ruột gà mở nút, dùi nhọn phủng tay vân vân. Trông nó quều quào như một con tôm, có càng có vây, có râu có mắt, có ngàm kẹp, có chân bơi, có chân vây...

Thấy mặt cái vỏ không được sáng lắm, tôi nói:

– Cô có chắc nó là đồ ngoại?

Giọng cô thanh tao như giọng một loài chim:

– Vâng ạ. Đồ ngoại đấy ạ.

– Họ không khắc nơi xuất xứ của nó?

– Ở trên con dao họ không bao giờ khắc cả đáy ạ. Ông cứ lấy dùng. Thử dao này sắc lắm cơ ạ.

Thấy tôi ngần ngừ, cô mỉm cười:

– Ông an tâm mà, chúng tôi không nói dối ông đâu. Đồ ngoại chính cống đó.

Tôi hỏi giá, trả tiền rồi bỏ túi về nhà

Lần này tôi không khoe với ai hết. Chẳng lẽ phải mang nó theo để mà giới thiệu, còn gọi tên thì nó không có nhãn hiệu sản xuất. Tôi dùng nó được hai ngày, để rọc giấy hay để nằm không đó nhìn chơi. Chứ cũng không dùng để gọt bút chì được. Gọt bút chì phải dùng lưỡi dao cạo. Sang ngày thứ ba, tôi dùng nó để cắt một đoạn dây. Nhưng khi dè nặng mũi dao xuống đoạn dây thì, bất ngờ chưa,

lưỡi dao bỗng bật ngửa lên trời. Mảnh sắt dè nó không chịu giữ nó lại, mà cả hai rủ nhau cùng ngược lên hết. Chẳng lẽ chửi thề với cô bán hàng vắng mặt? Tôi giận quá, ném vụn con dao ra sân. Chạy xuống bếp lấy con dao thái rau, của một cái là đoạn dây đứt sứt làm hai. Không cần phải hỏi ai tôi cũng biết rõ con dao không phải là đồ ngoại. Cái kiểu ngược cổ lên trời đó không thể không made in Chợ Lớn. Tôi sợ các cô bán hàng từ đó. Hễ đi ngang qua một tiệm mà thấy có đàn bà đứng bán là tôi không dám vào. Một hôm tôi đi tìm mua cái nồi thối cơm hiệu National. Thấy có người đàn ông đứng ở tiệm, tôi bước vào. Ông chủ tiệm cười chào:

– Chào ông. Lâu quá không thấy ông đi phố. Hôm nay ông muốn mua món gì đó?

– Tôi tìm mua một cái nồi National.

– A! Còn mấy cái đây. Để tôi lấy ông lựa. Ông bắc ghế với lên cao, lễ mễ bê ba cái nồi bày trước mặt tôi.

Vừa lúc đó bà vợ ở nhà sau bước tới. Bà nói gì đó với chồng và ông chồng xin lỗi tôi để chạy ra sau một chút. Bà vợ cười với tôi:

– Ông mà cũng đi mua nồi! Sao không lấy vợ đi để bà ấy lo cho?

Tôi mỉm cười trả lời:

– Lấy vợ đâu có dễ như đi mua nồi?

– À tại ông kén..

– Vâng. Đúng. Cũng như mua nồi thì phải lựa hiệu National.

– Có thể ạ. Cái loại nồi National này

là tốt nhất đây. Tôi buôn về bao nhiêu hết bấy nhiêu. May ông đến sớm mới còn mấy cái, chùng ngày mai ông đến là hết. Nào, ông thích cái nào? Cái này bốn người ăn, cái này sáu người ăn, cái này tám người ăn.

– Nhà tôi năm người.

– Thế thì ông lấy cái sáu người ăn. Bây giờ rẻ rồi mà. Đâu có ba nghìn hai. Trước đây một tháng, đắt lắm. Đến những ba nghìn rưỡi cơ.

Tôi phải đánh lạc câu chuyện cái nồi cốt ý đợi ông chồng lên. Có kinh nghiệm về đàn bà rồi mà. Tôi nói:

– Bà độ rày trông béo và trắng ra.

Người đàn bà cười:

– Ông nói thế chứ. Tôi vừa mới ốm xong.

– Vậy thì chừng nửa tháng nữa bà sẽ còn đẹp hơn hôm nay.

– Thôi thôi, tôi già rồi. Ông khen làm tôi phát ngượng.

– Cháu bà ngoan chứ?

– Cám ơn ông, cháu ngoan ạ.

– Học đến lớp mấy rồi?

– Dạ đệ Lục ạ.

Trời ơi! Sao ông chủ làm gì dưới đó mà lâu vậy? Lên mau đi chớ! Tôi sắp cạn chuyện nói rồi.

– Cháu học Anh văn hay Pháp văn?

– Thưa ông, Anh văn ạ.

– Thế ngoài giờ học ở trường, bà có cho cháu học thêm ở mấy lớp tối không?

– Dạ tôi có nhờ một cậu học đệ Nhị tối tối đến kèm cho cháu ạ.

– Thế thì tốt lắm. Ở... ờ... Thế cháu đứng thứ mấy hàng tháng?

– Dạ, có tháng thứ năm, có tháng thứ nhì.

– Giỏi quá! Thế... à... à... cháu có ham đi chơi không?

– Dạ không ạ. Hết giờ học là cháu tắm rửa về nhà. Chẳng biết rủ rê đùa nghịch với ai hết ạ.

– Cũng nên cho cháu đi chơi cho giải trí. Đi... tắm biển chẳng hạn. Cháu có đi tắm biển chớ?

– Dạ có đấy ạ. Sáng chủ nhật cậu cháu vẫn dắt cho đi tắm “biển” đấy. Cháu bơi giỏi lắm đấy ạ.

– Tốt quá. Học giỏi lại ngoan. Lại bơi giỏi. Bà thật có phúc quá.

Tôi chợt thấy tôi cũng có phúc nữa. Bởi vì kìa, ông chủ đang vội vã lê dép từ nhà sau bước lên. Người đàn bà giao nhiệm vụ tiếp chuyện tôi cho chồng và xin lỗi tôi để ra nhà sau. Tôi đi vào vấn đề cái nôi liền. Ông chồng nói:

– Tính ông hai ngàn rưỡi.

Tôi vội vã móc túi đếm tiền, trao tiền.

– Ông thông thả để cho tôi gói lại cẩn thận.

– Được lắm.

Khi ông chủ tiệm bỏ tiền gọn vào ngăn kéo rồi thì tôi đâu còn sợ sự xuất hiện của bà vợ nữa?

Trải qua nhiều lần được đãi ngộ kiểu như trên, tôi đâm ra sợ hãi sự đi mua. Nhiều hôm vật dụng trong nhà đã hết, đã hư mà tôi vẫn cứ lần lữa bỏ liều, thây kệ, cam chịu. Các cô bán hàng đều ưa phiêu lưu trên những con số, mà mình trả giá thì ngượng miệng. Vả lại, có nhiều món mình không biết giá thì trả làm sao? Chẳng lẽ muốn mua một cái bàn ủi thì phải đi tìm cho ra một người quen đã mua cái bàn ủi y như vậy để hỏi giá? Rồi còn vật giá leo thang nữa! Từ một bát phở năm đồng, sau sáu năm nó đã lên tới bảy mươi đồng. Các vật dụng khác có thứ leo mau hơn có thứ leo chậm hơn so với cái tốc độ tiêu chuẩn Tất cả tạo thành một mớ rối rắm khiến tôi càng thêm nhút nhát, chỉ chực tránh cho xa, càng xa càng tốt sự đi mua sắm.

Hồi ông Nguyễn ngọc Thơ làm Phó

Tổng thống cai quản luôn Bộ Kinh tế, ông có ký một nghị định có đăng báo rao rằng các nhà hàng và chợ búa phải bán giá nhất định, cấm ngặt không được thách. Tôi mừng quá, thương luôn ông Phó Tổng thống. Ít nhất trong đời làm chính trị của ông cũng phải để lại một dấu vết gì chứ. Để lại cái bùa đó trấn ếm lũ ma quỷ buôn bán xảo trá tức là trực tiếp làm cho cuộc sống dễ chịu hơn, là gián tiếp nâng cao trình độ văn hóa của Dân tộc, — tôi chân thành nghĩ vậy. Vì không có gì bản thủ lạc hậu cho bằng cả một nước công khai hóa, hợp pháp hóa sự lừa bịp gian xảo.

Cái nghị định đúng là một lá bùa! Lá bùa của loại thầy gồng thầy ngải “dày công nghiên cứu mười lăm hai mươi năm ở Thái Lan huyền bí... có luyện bùa yêu nước tượng...” Chẳng ai nghe theo ông

Phó Tổng thống hết. Vợ ông Cảnh sát ở cái quán đầu đường, thách giá cao hơn mọi hàng khác và bán mắc hơn. Thôi, chịu khó ngồi nhà, đừng có lơ mơ đi mua sắm. Ngồi yên đó để đợi đọc những cuốn “Thành tích ba năm chấp chánh... năm năm chấp chánh.”

Sau nhiều cuộc Cách mạng, vài cuộc Chính lý, tình hình kinh tế và tài chánh càng không được sáng sủa hơn. Chữ “Vật giá leo thang” chuyển trên môi mọi người, thường xuyên hơn những khẩu hiệu Nhà nước trước đây bắt mua treo ở trước cửa. Tình thế mới, nhu cầu mới, công thức Siêu thị được tung ra.

Mỗi buổi chiều tôi thấy một dãy người nối đuôi nhau đi vào Siêu thị và một dãy đi ra. Những ngày đầu Siêu thị mới mở, học sinh lớn hay cúp cua để đi Siêu thị. Lạ mà. Con gái mặc áo đẹp mà

phải đợi đến chợ Tết mới có nhiều người nhìn thì chán chết. Lễ Nô-en thì cử hành buổi tối, chỉ nhìn rõ cái mặt. Lễ Phật đàn thì đông những ông già bà cả hơn Thanh niên. May quá, hãy tạm mượn Siêu thị. Nhiều cô khoe với tôi:

– Đi học xong, mình ghé lại Siêu thị. Giao luôn cặp sách cho họ giữ rồi vào lượn chơi một tua. Không mua gì cũng được, ai cấm. Bước ra, nhận lại cặp rồi đi về.

Ở Siêu thị bán giá nhất định, bán đủ mặt hàng, người ta mách với tôi vậy nhưng tôi vẫn chưa cởi hết những lo sợ khi nhìn một cái chợ và những người đàn bà. Ba bốn tháng như vậy, cho tới một hôm, — tôi nhớ rõ là gần Tết, hăm sáu tháng Chạp, Vinh Thao một cô bạn hỏi tôi:

– Anh đã sắm mức sen, kẹo, hạt dưa chưa?

– Chưa.

– Ở Siêu thị hạt dưa hai trăm sáu mươi đồng một kí.

– Thế hả?

– Anh chưa vào Siêu thị à?

– Chưa.

– Ở ngoài chợ đắt hơn. Anh mua thì chắc còn đắt nữa. . Chắc chắn.

Thấy tôi ngờ nghệch, Vinh Thao chùng như thích thú và nàng tỏ vẻ sẵn sóc đến tôi nhiều. Đàn bà vẫn vậy. Ưa che chở.

– Đến bữa nay mà chưa lo mua mấy món đó?

Tôi lẩm nhẩm tính rồi nói:

– Còn bốn ngày.

– Đâu tới? Còn có ba thôi. Ba mươi tháng Chạp đâu có kể.

Tôi gật gật đầu công nhận. Những tán-thán-từ biểu diễn sự đồng ý không dễ mà tìm ra ngay được. Thôi, dùng cái cổ cho nó mau.

– Anh đi với em! — Nàng ra lệnh.

Câu nói bất ngờ làm tôi ngạc nhiên. Tôi có thể nghi là tôi đã nghe làm nếu nhìn sang vẻ mặt của nàng tôi không đọc rõ những nét nghiêm trang và cương quyết. Nàng sẽ dẫn tôi đi đâu?

Tôi chặc lưỡi tự nói:

– Thầy kệ. Đi đâu cũng được, mình là đàn ông mà.

Vinh Thao mặc áo dài màu hồng nhạt. Đôi mắt đen và khi cười má có núm đồng tiền. Tôi không chắc người con trai hôm nay có yêu một cái núm đồng tiền như vậy không. Họ học theo công thức yêu của người Mỹ cũng như học theo công thức làm kẹo sô cô la. Tôi chưa được nghe người Mỹ ca ngợi cái “má núm đồng tiền”. Vậy có thể là đôi má núm đồng tiền đi cạnh tôi đó chỉ dành riêng cho tôi thưởng thức thôi.

Nhiều người đi ngược chiều chăm chăm nhìn Vinh Thao. Có người đi quá rồi còn quay ngó lại. Tôi nói:

– Nhiều người đang nhìn cô.

– Đâu chắc. Có thể là họ nhìn một người nào đi sau em. Anh ngó ra sau xem thử, có cô nào đi sau mà đẹp không?

Tôi quay lại.

– Có đến bốn, năm cô.

– Đẹp? Vinh Thao lật đật hỏi.

– Không. Chỉ đẹp trong con mắt người yêu của họ.

– So với em?

– Cô đẹp hơn.

Vinh Thao chợt đi chậm lại. Tôi hỏi:

– Cô mới chân rồi?

Nàng lặng lẽ nhìn tôi rồi lắc đầu. Tia mắt thật êm đềm. Thật đúng tôi là thằng ngu. Liền một phút sau tôi biết tôi là thằng ngu.

Vinh Thao bỏ bờ lề đi vào cửa Siêu thị. Nàng thành thạo bước đúng trên “lối vào”, còn tôi vì giữ lịch sự đi xa cách nàng

một chút nên tôi thành ra đi trên “lối ra”. Nàng kéo ngược tôi lại.

– Anh chưa vào Siêu thị lần nào à?

– Đã trả lời hồi nãy rồi. Chưa.

– Vô lý. Người nào biết mang giày cũng đều đã đi vào đây ít nhất năm lần.

Qua hàng quần áo. Áo trẻ con. Sơ mi đàn bà. Áo len. Áo thun. Bít tất. Những cặp xú-chiêng bò lổm ngổm như những ngọn đồi nhỏ. Khăn mùi xoa. Tôi nhớ đến hiệu may-ô “Hoa hồng” của tôi. Tôi đi gần lại quầy:

– Cô cho tôi một may-ô hiệu Hoa hồng.

– Ông lấy số mấy?

Tôi đứng đực ra đó. Biết mặc may-ô đã hơn hai mươi năm trời rồi, mỗi năm

mua may-ô có đến bốn, năm lần thế mà đổ có nhớ số mấy. May quá, cô nàng gật gật đầu:

– Thôi được, ông thì phải số 34.

Cô nhìn lên giá hàng:

– Một trăm năm mươi lăm đồng.
Ông trả tiền liền.

Tôi móc ví trả tiền. Lách tách máy tính, một mảnh giấy nhỏ ghi giá tiền đã được bấm dính vào bao đựng áo. Vinh Thao giải thích:

– Lát nữa đi ra họ sẽ kiểm soát cái mảnh giấy đó. Hội Siêu thị mới mở cửa thì cứ mua rồi ra cửa tính tiền. Bị lợi dụng tức khắc. Có người mua giò chả, kẹo bánh... rồi cứ việc đi du ngoạn hết quây này đến quây khác, vừa đi vừa ăn, ăn cho kỳ hết rồi mới ra. Có người vô

lựa giày rồi bỏ đôi giày cũ, mang đôi giày mới đi ra. Đâu có cầm dư trên tay mà tính tiền?

Trong khi Vinh Thao giải thích thì chúng tôi đi qua hàng bánh ngọt, biscuit, rượu. Nàng kéo tôi đi qua quầy hàng bán bánh mứt nội hóa. Những túi ni lông cột túm một đầu trông nghèo nàn tội nghiệp so với những hộp bánh kẹo Nhật Bản. Sang hàng kim châm, củ cải, nắm đông cô, hạt dưa. Tôi phải tỏ ra rằng mình không đến nỗi dốt. Tôi nói:

– Đây là hàng bán đồ để nấu cỗ.

– Và để ăn cỗ, — Vinh Thao tiếp liền.
Thấy không? Có những bó dưa và bó muống.

– A kìa! Hàng đồ chơi.

Chúng tôi quay sang bên trái. Không

phải hàng đồ chơi mà là hàng thau, ca, ly, chén... bằng nhựa. Tôi bị lừa bởi màu sắc của lũ chúng nó.

Sau cái quầy có lưới kẽm bao giăng, mấy cô hàng thịt ngồi. Phảng phất một triết lý nhân sinh nơi đây. Nếu không thì thịt heo và thịt bò đã không được bảo vệ kỹ lưỡng hơn những món hàng khác như vậy.

Hàng bắp cải, xà lách, cà rốt, su su ít người viếng thăm. Có lẽ để mua chúng người ta không phải cất công đi siêu thị. Vinh Thao kéo tôi về hàng nấu cỗ.

- Anh mua hạt dưa nghe?
- Vâng.
- Bao nhiêu thì vừa?
- Một kí.

– Cô cho một kí hạt dưa. Đâu, cô dưa tôi coi thử hạt dưa có tốt không... Ủ, được đó.

Nàng đảo mắt nhìn lên quầy rồi ra lệnh, không cần hỏi tôi nữa:

– Cô cho một trăm gram năm đồng cô.

Cô hàng lại lấy túi năm đồng cô.

– Dưa luôn ba túi kim châm. Một túi mấy gram vậy cô?

– Dạ năm mươi gram.

– Thế thì cô cho năm túi.

Sang trở lại hàng mức, Vinh Thao cầm những túi mức lên xem xét rồi đặt bỏ xuống. Liên tiếp. Một cuộc thi loại. Các thí sinh: mứt khoai lang, mứt bí, mứt dưa tô màu, mứt thập cẩm, mứt gừng...

dần dần bị loại hết. Nàng xách hai túi mút hạt sen trao cho tôi.

Quay ra hàng bánh kẹo ngoại quốc. Nàng cầm lên một hộp kẹo Nhật to bằng cái khay, trên mặt có in hình một con mèo ngồi, cổ thắt nơ đỏ. Tôi đang lúng túng với một bầy gói lớn gói nhỏ lục cục trên tay nên vội dang hắng một tiếng mong nàng quay lại nhìn dùm. Nhưng nàng quả là một người đàn bà thông minh, không cần quay lại đã biết tôi muốn nói gì.

– Không sao đâu. Lát nữa ra kia mình sẽ lấy một cái túi để đựng. Em cầm hộp kẹo này cho anh. Lấy luôn chai rượu Martell này. Uống Whiskey trong thời này, người ta tưởng mình xin lại của tụi Mỹ.

Khi nàng tuyên bố “Thôi tạm đủ. Minh về”, tôi mừng vì ý nghĩ sắp có được một cái túi để ký thác lũ gói của tôi. Nhưng chưa được đâu. Một đoàn ba bốn cô ăn mặc lộng lẫy bước vào, toe toét cười chạy lại bao vây lấy Vinh Thao.

– Ái chà! Mua sắm Tết hùng hậu quá ta.

Uống được cả rượu Martell nữa! Ngày Mồng một mình phải ghé lại để xem con này uống Martell mới được.

–Ồ! Con mèo thắt nơ đỏ xinh ghê. Giá bao nhiêu đó? Xem nào.

Vân vân.

Tôi đứng lùi xa một chút đợi cho năm ngọn thác ngọn ngũ đó đổ ồn ào cho kỳ đến giọt chót.

Sau lần đi Siêu thị đó với Vinh Thao, mỗi lần có cần món chi là tôi ra thẳng Siêu thị. Tôi không còn bị các cô bán hàng ngoài phố ăn hiếp nữa. Lắm bữa tôi đứng chen chúc với nhiều người đàn bà vẻ mặt lạnh lợi và giọng nói đanh đá. Những người đó đi chợ hay vào các tiệm buôn thì phải biết! Trả từng đồng và xem xét món hàng kỹ hơn người đàn bà nhà quê vạch tóc bắt chấy. Thế mà vào Siêu thị họ chỉ nhũn nhặn như tôi. Chúng tôi cùng mua bằng một giá và rõ ràng là tôi cảm thấy sung sướng khi được mua bằng một giá với họ. Tôi cảm ơn Siêu thị đã phục hồi giá trị cho tôi. Siêu thị nâng tôi lên, cái thằng tôi ngớ ngẩn chuyên môn bị đàn bà ăn hiếp, nâng lên ngang hàng với những người đàn bà đanh đá nhất.

Cũng phải cảm ơn Vinh Thao nữa. Nàng đã dạy cho tôi bài học vỡ lòng về

Siêu thị. Không có nàng dìu dắt thì chưa dễ cho đến nay tôi đã dám đi Siêu thị một mình. Cũng như một nhà xuất bản “đưa những bước đầu cho các tác giả mới bước vào làng văn”, Vinh Thao đã đưa những bước đầu của tôi đi vào đường Siêu thị. Những bước thật êm đềm bởi có nàng yêu kiều đi cạnh bên tôi.

CHUYẾN VỀ TUY HÒA

Tôi quyết định việc đi Tuy Hòa một cách gấp gáp bất ngờ, bất ngờ đến nỗi trong túi không mang theo hơn mười đồng bạc.

Lê Bá Tại bảo tôi:

– Anh nên đi thẳng ra Tuy Hòa đi. Chỉ cần một ngày vừa đi vừa về. Nếu anh giải quyết công việc nhanh chóng

thì sáng Chúa nhật đi, anh có thể về đây trong chiều Chúa nhật. Chậm lắm thì sáng thứ hai về.

Vấn đề đối với tôi không phải là thì giờ nhanh chậm mà là những trở ngại trên đường. Sống cuộc đời định cư lâu ngày, tôi như bị tê cứng giữa cái thành phố nhỏ này, như con cây hương hôn thụ suốt ba tháng mùa Đông trong cái hang của nó. Mùa hè tôi có di chuyển một đôi lần thì đều dùng máy bay, phương tiện tương đối an toàn để tránh mìn và mũi súng. Tôi nói:

– Đường ô-tô ra đó...

Tại ngắt lời:

– Bữa nay sửa chữa lại tốt lắm. Rộng như xa lộ rồi, chỉ có đoạn Đèo Cả còn đang sửa sang.

Tôi ngồi lặng yên cân nhắc. Đêm xuống êm đềm ở khu Mê Linh này và tôi cảm thấy rằng sung sướng thay là những kẻ khỏi phải cân nhắc gì hết trong cuộc sống. Mười phút nữa họ sẽ ngồi lại bàn ăn. Rồi sau đó vừa tráng miệng uống trà vừa đọc tờ báo mới nhận hồi chiều. Nghe tin tức và thông cáo của đài phát thanh địa phương để biết bác sĩ thường trực hôm nay là ai, ngày nào mua đường và mua ở tiệm nào! Chui vào giường. Kiểm soát xem có con muỗi nào lọt vào trong màn không và sự an toàn diu chân giấc ngủ... Tôi hỏi:

– Đi xe hiệu nào? Phải ra mãi ở bến xe Sinh Trung?

– Không cần, cứ ra bến xe Xóm Mới. Tiện quá mà, đi bộ một trăm thước thì tới, mua vé xe Thuận Thành mà đi. Giá tiền?

– Đâu hai trăm bạc.

Tôi mượn Tại ba trăm, đi thẳng ra bến xe. Bảy giờ tối rồi. Chắc con tôi đang ngồi đợi cơm, chắc nó đang tính xem tối nay tôi với nó sẽ rủ nhau đi xem phim gì ở rạp nào. Nó không thể nào đoán rằng tôi đang bắt đầu một cuộc phiêu lưu riêng lẻ. Sau bàn giấy của hãng xe, một người thư ký ngồi tì tay trên một xấp giấy.

– Vâng, ông đi chuyển sáu giờ thì khỏe hơn. Ở đây chúng tôi có chuyển chạy sớm nhất vào năm giờ. Ông ra tới Tuy Hòa vào chín giờ sáng.

Tôi lẩm nhẩm tính và nghĩ: Phải ba giờ mới đi được một trăm rưỡi cây số. Tôi quen với tốc độ tám mươi cây số giờ mỗi khi ngồi ô-tô, quen tới độ khi nghĩ đến ô-tô là tôi thấy cái kim đỏ tạo một góc sáu mươi độ ở phía tay phải của mặt

đồng hồ tốc độ. Tôi hỏi mua một vé Tuy Hòa.

– Đi Tuy hòa thì ông phải chịu khó ngồi ở dãy ghế sau. Những dãy ghế trước dành cho hành khách đi Qui Nhơn. Xe này chạy thẳng Qui Nhơn. Nếu ông muốn ngồi ghế trước thì ông phải mua vé Qui Nhơn. Ba trăm đồng. Giá đi Tuy Hòa có một trăm rưỡi.

Lại phải suy nghĩ! Sao cuộc đời không chịu giản tiện, không chỉ vạch có một đường mà lại bày chi đến ba, bốn ngã? Ngồi ghế trước thì được gì? Những người đàn bà đẹp thích ngồi cạnh tài xế để phô diễn sắc đẹp của mình cho mọi con mắt dòm vào chiêm ngưỡng. Tôi không phải đàn bà đẹp. Những người thể chất văn nhược mà ngồi nhìn ra hông xe thường bị chóng mặt nôn mửa. Ngồi nhìn ra con đường trước mặt thì không

sao. Tôi dẫu không được cương cường nhưng cũng không đến nỗi nhược chất. Ngồi dưới ghe bị sóng nhồi mà chớ hề ụa mưa lần nào. Tôi cũng muốn thử xem ngồi ở dây ghế sau nó ra làm sao.

Nhưng lại có một chút tự ái vẫn vơ. Thì vừa lúc ấy một thanh niên bước tới:

– Ông cho tôi một chỗ đi Tuy Hòa.

Người bán vé đọc thuộc lòng những điều kiện mà anh ta vừa đọc cho tôi nghe. Người thanh niên xem chừng rất thành thạo trong việc đi xe đò nên chỉ liền ngón tay mình xuống một dãy ô vuông có mang chữ số:

– Ông cho tôi một ghế ở dãy này.

Người bán vé suy nghĩ một giây như để lấy lệ. Đối phương của anh không tỏ vẻ rụt rè ngớ ngẩn như tôi. Hẳn biết việc

gì hẳn phải làm. Vì vậy anh ta gạt đầu:

– Anh lấy ghế nào?

– Bốn mươi.

Trả tiền... thối tiền... hẹn giờ... Người thanh niên thoản thoắt bỏ đi.

Tôi thấy mình không có cơ gì để mà lưỡng lự nữa. Ít nhất tôi cũng phải tỏ ra không thua người thanh niên kia bao nhiêu. Tôi móc túi lấy ra tờ giấy hai trăm. Ông ghi cho tôi số ghế Bốn mươi mốt. Và thế là tôi đã nhập cuộc vào chuyến hành trình ngày mai.

Nhưng vẫn chưa yên! Bích Thủy cô bạn của tôi vụt đến thăm khi tôi đang loay hoay xếp quần áo khăn mặt xà phòng vào chiếc xách. Khi nghe tôi nói ngày mai sẽ đi xe đò Thuận Thành, nàng la lên:

– Sao lại chọn thứ xe đó? Sao không ra bến Sinh Trung để đi thử xe Thuận Thành ngắn đòn? Loại xe dài đòn hay nằm đường lắm. Đố ngày mai anh về được tới Tuy Hòa.

– Tôi nghĩ rằng xe dài đòn chạy vững vàng hơn, ít bị tai nạn hơn loại xe ngắn nên tôi chọn nó.

– Lắm to! Lắm to! Xe ngắn đòn nó lách chạy lanh lẹ mới dễ tránh được tai nạn chở. Xe dài công kênh tiến thoái chậm chạp, hễ trở tay không kịp là chống gọng.

Tôi im lặng hết biết ngỗ cãi.

– Em đi xe đồ hoài, cái xe nào tốt, cái xe nào chuyên môn nằm đường, em thuộc lòng hết. Đã có mấy kỳ đi nhằm cái xe cũ mười đời, máy cũ mà giàn xe

sơn phết như mới. Ra tới Lương Sơn thì liệt máy. Sửa tới xế, chiều bò trở lại Nha Trang. Bắt hành khách sáng hôm sau lại đi tiếp chớ không chịu trả tiền lui để người ta tự do chọn xe khác. Phải anh hỏi trước thì em đã bày cho anh rồi. Cứ ra bến Sinh Trung, giờ nào cũng có xe chạy, hễ thấy xe nào sắp chạy là mình mua vé leo lên. Tội gì phải mua vé trước.

Tôi tiu nghỉu ngồi nhìn đồng quần áo, cảm thấy mình là kẻ có lỗi. Chừng như mỗi khi phải chọn một trong hai giải pháp thì tôi cứ luôn luôn chọn nhầm cái giải pháp dở nhất. Vừa chọn xong là y như có người tới chê, tới dạy khôn, tới trách cứ.

Thấy tôi xụ mặt, Bích Thủy an ủi:

– Thôi, đã lỡ rồi... mà anh mua ghế số mấy?

Cực chẳng đã tôi phải nói nho nhỏ:

– Số Bốn mươi mốt.

– Trời ơi! Ngồi dưới đó chịu sao nổi? Xe nó chạy vòng như ngồi trên một cái nia sảy gạo. Anh chịu không được đâu.

– Chắc cũng chịu được. Mọi người chịu được mà. Nếu không thì người ta lắp chi tới hai dây ghế chót?

– Người ta mạnh thì nói gì, dẫu xe vòng hắt họ rớt xuống đường họ cũng không chết.

– Mình cũng vậy. Hi vọng rằng mình cũng vậy.

Bích Thủy dăm dăm nhìn tôi, lộ vẻ khó hiểu. Chắc nàng nghĩ rằng tôi dễ vỡ như một cái trứng và cái trứng đang ngu si sắp tự đem mình ra thí nghiệm với sỏi đá. Tôi nói:

– Thôi, đã lỡ rồi, đã trót mua vé rồi. Vả lại, cứ coi như mình đi khám sức khỏe. Lâu lâu phải đi khám lại một lần coi sức khỏe của mình có giảm sút không.

– Đi khám ở đâu?

– Trên xe Thuận Thành đó. Hễ đi về song suốt thì sức khỏe còn dồi dào, còn nếu về chưa tới nhà mà đã nằm bệnh tức là sức khỏe có suy yếu. Phải lo đi nằm nhà thương.

Sự lúng túng của con cây hương đông miền bắt đầu vào sáu giờ hai mươi phút sáng chúa nhật. Tôi xách xách hối hả bước tới bến xe thì vừa lúc một chiếc Thuận Thành lừ lừ bỏ ra khỏi bến. Trên xe đầy nhóc người, đèn thắp sáng trưng. Tôi hoảng lên, “trễ giờ mất rồi” và lưỡng lự không biết có nên giơ tay để gọi xe dừng lại cho mình leo lên hay không.

Thời gian lưỡng lự đủ để xe chạy xa bỏ tôi lại sau lưng. Thật rắc rối. Một người không quen đi xe đò thì không bao giờ đúng giờ được. Cả đêm cứ sợ trễ giờ nên mới ba giờ sáng đã lò mò đứng dậy bật đèn nhìn đồng hồ. Thấy còn sớm quá nên phải tắt đèn ngủ lại. Nhưng đổ có ngủ được. Nhắm mắt một hồi rồi bật đèn xem lại đồng hồ. Mới bốn giờ. Lại tắt đèn. Bật đèn tắt đèn chừng ba lần thì chợt vào một lúc bất ngờ nhất, một giấc ngủ lừa dối nhất len lén dẫn linh hồn tôi chu du biệt tích. Khi giật mình choàng dậy bật đèn thì kim đồng hồ chỉ sáu giờ mười phút. Hồi hả rửa mặt mặc quần áo quơ xắc ra đi. Ra đến đường mới mò túi quần xem có bỏ quên ví tiền ở nhà không, rờ túi áo xem có bỏ quên giấy tờ không. Và đến bến xe thì cái xe bỏ mình lại.

Lò dò đi tới phòng bán vé. Con đường ngập bùn, phải rón rén tìm những viên gạch bỏ rải rác để đặt chân.

– Xe Thuận Thành hả? Chuyến sáu giờ? Ờ, ông đi ra bến. Hành khách đứng lên xe ngoài đó... Không phải chiếc xe vừa chạy đâu, đó là chuyến năm giờ... Số xe của ông là 27016. Vâng, ông đi thẳng ra đó.

– 27016... 27016. Lạy chúa, rõ ràng có chiếc xe Thuận Thành nằm dài kia mang đúng con số thần diệu 27016. May quá. Tôi chưa trúng số kiến thiết lần nào nên chưa có kinh nghiệm về cảm xúc mạnh. Vả lại không có lô nào trúng một trăm rưỡi đồng như trường hợp của tôi hôm nay.

Xe còn trống, mới lác đác có chừng sáu, bảy người ngồi. Tôi chậm chạp bước

lên. Thật dễ chịu khi mình có dư thời giờ trước mặt. Người lơ xe thu những cái thẻ căn cước. Hành khách lên xe đông lần. Đông cho tới đây. Cho tới dư. Tài xế cho kê thêm ghế phụ, những ghế phụ. Hết chỗ đặt ghế phụ thì tới loại hành khách đứng. Hành khách dẫu sao cũng chỉ có hai chân, cái ghế giản tiện nhất cũng đòi hỏi đến ba cái chân mới đủ để đứng được.

Khi mọi người bắt đầu ngộp thở, khi tài xế và “lơ” thuyết phục hết sức mà những hành khách mới đến không ai chịu đứng bằng một chân thì xe chạy. Những người có đeo đồng hồ tay đều nhìn xuống xem giờ. Bảy giờ mười lăm phút. Chỉ chậm hơn lời hứa có một giờ mười lăm phút.

Xe chạy trên những đường phố còn ngái ngủ, những con đường quen thuộc

của tôi. Trông chúng dễ thương như những người bạn. Tạm biệt các người nhé? Ngày mai chúng ta sẽ gặp lại.

Xe lướt qua những chỗ lồi lõm, những hố, những vũng, người tôi nhún nhảy nhẹ nhàng. “Không đến nỗi gì”, tôi vừa nghĩ thì sau lưng tôi đã có người vội vã nói, làm như sợ người khác nói tranh trước mặt:

– Trời ơi, đi cái xe này nó vòng chịu gì thấu?

Giọng đàn bà. Một giọng khác cũng đàn bà:

– Tui biết rửa mà cũng không tránh được. Tui mua xe Châu Thành, dây ghế đầu, rửa mà cuối cùng xe Châu Thành không chạy được. Tui nó sang hành khách qua xe này, thành ra tui trả đủ ba

trăm mà phải ngồi hàng ghế chót.

À, thế là tôi được may mắn hơn người đó. Tôi được ngồi hàng ghế trước, cách bà ta đến năm tấc.

Một giọng đàn ông:

– Ngồi sau đít xe tuy vậy mà đỡ vòng hơn ngồi ở ngay trên nhíp xe. Ngồi chỗ cái nhíp, nó vồng tới trời xanh.

Có hai ba tiếng hỏi cùng một lúc:

- Cái nhíp xe ở chỗ nào vậy?
- Ngay trên cái bánh xe đó.

Nhiều người ở dãy ghế tôi, ở hai dãy ghế trước vội vã cúi nhìn xuống sàn xe tìm vị trí cái bánh xe. Có người phải di chuyển hành lý di chuyển những cặp chân của kẻ khác mới tìm được chỗ trống dành cho con mắt nhìn.

Tôi lại gặp may một lần thứ ba: bánh xe nằm ở dãy ghế trước.

Những công trường nằm rải rác dọc đường. Xe ủi đất, xe cán đường, máy nghiền đá... nằm ngổn ngang, thân hình nặng nề như những quái vật thời Tiền Sử. Đất bị xẻ, bị ủi, bị nghiền phơi màu đỏ của máu. Chặng đường nào cũng có công việc bộn bề, dở dang.

Qua đèo Rù rì. Qua đèo Lương Sơn. Những hố vũng trên đường bắt đầu to và những cái vòng của xe bắt đầu xứng đáng. Xe xóc mạnh khiến người lao đao chao qua chao lại rồi chợt “rầm” lên một tiếng, thân người bật qua cao khỏi mặt ghế hơn hai tấc. Rồi lại xóc, lại sàng sảy liên tiếp. Nhiều tiếng la oai oái, cũng ở dãy ghế sau:

– Chạy chậm chậm vậy chứ, ông tài xế.

– Chạy cái kiểu gì lạ vậy? Qua chỗ đường xấu mà không hãm bớt.

– Đồ quỷ sứ! May chút nữa cụng đầu lên trần xe.

Lại liên tiếp đánh “Rầm” lên nhiều cái nữa. Người đàn bà bế con ngồi cạnh tôi làm tôi cứ phải giữ chừng né tránh một bên bởi vì khi xe nhảy chồm lên hồi nãy, đầu đứa bé tổng mạnh vào cằm tôi. May mà tôi có tật hay ngậm miệng. Nếu đang nói như những người ở dãy ghế sau thì hai hàm răng có thể nghiền đứt cái lưỡi. Hú vía! Tôi lại gặp may lần thứ tư.

Một chị sen trông chừng ba đứa nhỏ ở dãy ghế trước đã ụa mưa ra ghế. Lúc mới lên xe, miệng nói như sáo, bây giờ

cái mặt trông đờ đẫn như người bệnh. Đã thế, bốn người lại phải ngồi xích lại để tránh cái ghế bị nhiễm ụa.

Tôi biết rồi, giá trị của những cái vòng, cái xóc. Chúng nó làm Bích Thủy kinh sợ cũng phải.

Tục ngữ Việt Nam không chịu tạo thêm những hình ảnh ví von mới. Chẳng hạn một cái bụng ăn không biết no là “cái bụng của xe đò”. Bởi vì đi đến chạng đường nào có người đứng đón nó cũng ăn cần ngừng lại. Chẳng ngừng lâu nhất ở Ninh Hòa. Một bà đón đi Qui Nhơn, đứng giữa năm, bảy giờ cần xé chất đầy bí ngô, chuối, dưa leo. Hai bên mặc cả giá. Hành khách ngồi trên xe nguyên rửa in ỏi. Hăng hái nhất cũng là mấy người ngồi ở dãy ghế sau.

– Xe đầy nghẹt rồi mà còn ham chở. Chở cho khảm đi rồi nằm đường.

– Chạy mau đi trời ơi. Xe chạy có gió còn mát chút ít, ngừng lại một đôi nực thầu trời.

– Đổ cái xe quỉ quái. Biết vậy có cho thêm tiền cũng không đi. Ngừng kiểu này, tới đèo Cả chắc quá mười hai giờ trưa. Phải nằm lại đợi chở khỏi đâu.

Nhiều câu nói được chuyển cho nhau nghe, tan loãng trong không khí, không tới tai người tài xế. Y vẫn ngồi điềm nhiên ở tay lái hoặc tham dự nhiệt tình vào việc cò kè trả giá. Phải hai mươi phút để chuyển những giỏ nặng đó lên mui xe. Người đàn bà bước lên, được tiếp đón bằng những tia mắt hân học. Và bây giờ đến lượt bà ta lên tiếng:

– Bắt đứng vậy hẽ? Hai ngàn bạc từ đây ra Qui Nhơn. Có mấy cái giỏ cần xé đó chở bao nhiêu. Ăn mắc tổ cha lại còn bắt người ta đứng. Đứng sao cho nổi từ đây ra Qui Nhơn... Ngồi xích lại bà con, cho tui ngồi kè.

Một giọng nói:

– Ghế xe có số, ngồi xích sao được?

– Biết vậy chở sao. Mà... Tui nghĩ tức cái lũ con ở nhà. Đã biểu không chở không chuyên không đưa không bí gì hết mà nó cũng nài một nài hai. Hai ngàn đồng bạc chở phải... Bỗng “rầm” lên một tiếng, mọi người chụp tay xuống ghế, người đàn bà chụp vào cái kệ gác hành lý mắc ở trần xe và câu nói chấm dứt nửa chừng.

Những ruộng lúa của đồng Vạn

Ninh đang bắt đầu chín. Bốn năm năm rồi tôi không được nhìn một cánh đồng lúa chín.

Ở một khoảng ruộng thật xa có lô nhô nhiều dáng người mặc áo đen đội nón trắng. Họ bất động trong một khoảng hẹp. Đó là một thửa ruộng đang gặt, tôi biết chắc vậy và tự nhiên tôi cảm như có mùi lá lúa, mùi cộng ra phảng phất thơm nhẹ đầu đây. Tiếng lưỡi liềm cắt soạt thân lúa, tiếng chân dậm vành oạch dưới bùn, tiếng nghe nga của một con trâu mẹ gọi con và trên lưng chừng trời một con chim sơn ca thả rơi những giọt tiếng.

Lòng tôi xúc động ghen ngào bởi cái không khí thanh bình của nếp sống quê mùa, của thiên nhiên không hề thay đổi. Bỏ tôi giữa cảnh ấy, tôi sẽ tìm thấy lại trọn vẹn cái Quá Khứ êm đềm của những

ngày thơ ấu, cũng bờ ruộng cỏ ước sương đêm, cũng dòng nước mương chảy róc rách trên đó những con nhện nước rún rẩy trên bộ chân gầy. Tôi biết rằng bụi rau chóc không thể không nở những chùm hoa màu tím, và không biết bao nhiêu là cánh hoa nhỏ màu vàng, không tên, nở rải rác giữa những lùm cỏ cũng không tên. Trong khi đó thì não trạng của tôi, của những người ngồi trên xe đã thay đổi biết bao nhiêu, Cái gương mặt thân nhiên bình tĩnh của chúng tôi phát xuất từ lòng can đảm không sợ một quả mìn nào sắp nổ dưới mặt đường hay chỉ từ một sự cam chịu số phận, trông chờ Định Mệnh? Những chiếc xe hàng phiêu lưu trên Định Mệnh, những người hành khách không dám quả quyết rằng mình sẽ trở về bến xe khởi hành. Bởi vì chỉ cần một tiếng nổ là họ nhẹ nhàng chuyển từ xe này sang một chuyến xe khác, vô

hình, đi về một cõi khác vô hình.

Dãy ghế tôi ngồi nhìn thẳng ra cửa xe nên khi bất chợt đưa mắt nhìn sang, tôi không ngờ số “hành khách phụ” liệu đứng ngồi chen chúc lại có thể đông đến mức đó. Và những tư thế đứng ngồi lại có thể đa dạng đến mức đó. Người thì ngồi ghé một bên mông nên phải chỗi hai tay xuống hai đầu gối. Cặp giò của y đóng vai cặp chân ghế và ba phần tư cái mông kiêm nhiệm phận sự mặt ghế. Một người quân nhân Đại Hàn đứng cong người như một cái dấu ngoặc, tay vịn vào trần xe. Anh ta có vẻ mặt khó hiểu của một người Trung Hoa với dáng cao và gầy ít gặp nơi người lính Đại Hàn. Tôi nghĩ thầm: “Chuyến xe này khéo tìm những hành khách bất thường để cho trọn vẹn cái hoàn cảnh bất ổn của nó. Thiếu chi những quân nhân Đại Hàn

đầm thắp, lại đi tìm cho được người lính cao lêu khêu ít gặp này?”

Một người đàn bà chừng bốn mươi lăm tuổi mập mạp, mặc áo cụt ni lông màu tím nhạt đứng cạnh anh ta, hơi cong người một chút để nhường chỗ cho hai khuỷu tay của anh. Bà im lặng nhìn mọi người. Bộ ngực căng đầy nhưng lưng thiện bởi vẻ mặt của bà nghiêm trang tự lự. Bà có dáng dấp một thương gia. Qua khe cổ áo để mở, tôi thấy nấp dưới xú-chiêng có nhiều tờ giấy bạc năm trăm màu xanh. Đàn bà đi đường xa hay cất tiền trong xú-chiêng.

Có một chị hành khách ngồi ở dãy ghế trước tôi, không biết lên xe ở chặng nào. Chị ngồi xoay mặt ra sau và nói chuyện không ngắt. Phải ba bốn người có chỗ ngồi yên ổn thay phiên nhau mới đối đáp kịp với chị. Và sau chừng nửa giờ

đối đáp như vậy, tôi thấy mọi người đều bị loại ra khỏi vòng chiến, chỉ còn sót lại một anh lính là chiến đấu trường kỳ được với chị.

– Chồng tui ảnh chết — lời chị — mà tui cũng đâu có được thấy mặt? Ở trên tiểu đoàn họ lo chôn cất. Tui được tin lên tới nơi thì đâu đó đã xong.

Giọng chị tỉnh táo không có chút xúc động. Không có dấu vết tang chế trên cái áo bà ba trắng của chị. Đôi lông mày còn in rõ dấu dao cạo xén thành mũi mác thật bén.

– Ảnh đi lính chính quy hay... — người đàn bà ngồi cạnh tôi ái ngại hỏi.

– Dạ ảnh là địa phương quân.

– Nhà nước trợ cấp khá chứ?

– Dạ ảnh bị bệnh chết nên không được trợ cấp mười hai tháng lương như chết trận. Nhưng may nhờ ông Tiểu đoàn trưởng thương tình ổng ghi là chết tại chiến trường nên được hưởng trợ cấp để nuôi con.

– Con được mấy đứa?

– Dạ năm.

Chị vò đầu một đứa con trai chừng bốn tuổi ngồi cạnh. Chị nói:

– Thằng này là áp út. Phải gửi mấy đứa nhỏ qua bên bà ngoại nó coi chừng giùm. Thằng này nó đòi quá phải cho đi. Nó nói nó lên thăm ba nó. Nói ba chết rồi, nó không tin. Lén trốn đi mà nó cũng chạy theo cho được.

Đứa nhỏ nghe mẹ nói về mình, ngồi cong lưng lại trở đầu mắt nhìn khắp mọi người. Người lính:

– Mày lên trên đó tha hồ ba mày mừng. Ông mua kẹo cho ăn thả cửa.

Câu nói đùa không khiến ai cười. Đứa bé vẫn trở đầu mắt nhìn, không tỏ dáng tin hay hoài nghi. Chị đàn bà tiếp lời:

– Hồi ảnh còn sống, ảnh cứng nó hơn hết. Nội mấy đứa con, có nó là mặt giống ảnh.

Tôi nhìn kỹ mặt đứa nhỏ, cổ tưởng tượng khuôn mặt của cha nó. Đôi môi dày, loe ra, không che kín hàm răng trên. Cái trán thấp và đôi chân mày mọc lan, tua tủa như hai tàu lá dừa. Nó sẽ thay cha nó để hiện diện nơi cái xóm nhỏ có hàng tre tỏa bóng mát và có lá tre rơi trên mặt

đường. Nó sẽ có nhiều ngày ngồi cầm đũa và cơm bên cạnh cái nồi cái chảo đen sì để lớn lên làm địa phương quân như cha nó. Nhưng xin đừng cho vợ nó sẽ đóng vai của mẹ nó hôm nay!

Người lính:

– Ủi zào! Đời lính mà, sống chết là thường. Như tui đây, chết hụt cả mười lần. Tui theo trực thăng tiếp tế chiến trường. Mấy lần ở dưới đất tui nó bắn lên hoảng quá, vọt cha nó mấy cái túi ni lông gạo xuống rồi bay vọt lên cho thoát tầm đạn.

– Lỡ gạo rớt trong tay họ thì sao?

– Thì họ ăn chứ biết làm sao?

– Như vậy là anh có tội tiếp tế cho địch. Đáng đem xử Tòa án Mặt trận.

Người đàn bà cười giòn:

– Chị giỏi ra ngoài đó mà điều tra lập biên bản. Nó bắn té đái trong quần. Tui là một thằng “chì”, nói cho chị biết. Không hề biết né chỉ huy trưởng đâu. Hễ ra lệnh đúng thì thằng này thi hành mà ra lệnh lơ mơ là đừng có trông.

– Bộ anh làm sao?

– Đây chỉ biết làm theo lẽ phải. Hôm tháng trước tui mới cự nự với Đại đội trưởng đó. Ra lệnh cho tiểu đội của tui tiến lên, nhưng tui nhất định không tiến. Tiến ẩu kiểu đó, chết đội viên của mình. Chỉ huy là phải sáng suốt. Tui bị điệu về Sài Gòn, lãnh phạt trọng cấm mười ngày. Mới hết hạn, tui mới đi máy bay quân sự ra Nha Trang hôm kia.

Cử tọa im lặng. Chừng như mỗi

người đều dẫn đo cặn nhắc xem mình nên chêm vào một câu gì cho hợp cảnh.

– Hồi tui ở Trung đoàn 45 cũng vậy. Tui cãi tuốt hết, kể từ Trung tá tuốt xuống Chuẩn úy. Mình làm lính mà, chớ phải sĩ quan đâu mà sợ. Làm lính đờ dèm cùi bắp thì muốn đổi đi chiến trưởng nào cũng được. Đụng độ nhiều trận ác liệt quá rồi, chiến thương khắp mình mẩy, chỉ có Chết là mình chưa nếm thôi.

– Anh còn chân lính hả? — lời chị đàn bà.

Người lính cười hể hể:

– Nói chơi chớ. Tui, trung sĩ nhứt.

Tính tôi không thích những người đàn ông ba hoa, nói hết chuyện này bắt sang chuyện khác, nhất là nói về mình. Từ khi tôi để tai lắng nghe câu chuyện

của anh, tôi chỉ nghe toàn những lời anh ca tụng anh. Thế nhưng nghe được một lát thì tôi dần dần có cảm tình với anh. Giọng anh nói cười tự nhiên, như xuất phát thẳng từ tâm can chân thực mà khỏi qua phần lý trí cân nhắc nào. Giọng ấy đôn hậu trong sáng nghe như giọng lá cây xào xạc khi có gió. Nó không khiến tôi phải suy nghĩ. Vừa nghe vừa buông thả tâm tư. Tôi chợt có một chút tự trách: sao mình đã có hơi ghét anh ta lúc đầu?

Như ngẫm để tạ lỗi, tôi quay nhìn chăm chú khuôn mặt của anh. Khuôn mặt rám đen có nhiều mụn sần sùi. Khuôn mặt có thể gọi là xấu nhưng tôi chắc tôi không nghĩ như vậy. Có lẽ người đàn bà cũng đồng ý với tôi. Câu chuyện trao đổi tự nhiên đã tạo một nét duyên dáng bất ngờ cho anh, nét duyên dáng không tập trung vào một điểm nào trên khuôn

mặt, — chẳng hạn nơi mũi ruồi, nơi đôi môi, đôi mắt, — mà bàng bạc ra khắp cùng khuôn mặt, còn đi quá cả khuôn mặt. Cái cảm tình tôi dành cho anh khiến tôi yêu luôn màu áo kaki bạc thếp, cặp đùi quá ngắn, mái tóc dài lờm chờm nơi ót. Xe qua một căn cứ Đại Hàn, dừng lại để bỏ người lính Đại Hàn xuống. Rồi xe tới chân Đèo Cả. Những người có đeo đồng hồ vội vã xem giờ bởi từ mười hai giờ trưa đến ba giờ chiều cấm lưu thông trên đoạn đường này. Công trường bắn đá vào khoảng thời gian đó để mở rộng thêm đường. Xe hùng hổ leo đèo. Những tảng đá to nằm dọc đường được khoan lỗ. Vết thương đó sẽ được rịt đầy thuốc nổ và thân xác đó sẽ tan tành. Tôi lướt mắt nhìn những tảng đá bị lên án tử hình. Ngày sinh của chúng nhằm vào một chặng xa xôi thuở trái đất còn ngổn ngang nguyên dung chất nóng bỏng và

ngày chết là một ngày tháng Mười năm 1969. Không biết sẽ có ai sau

này ngồi thương nhớ một tảng đá nào đó đã ghi dấu những kỷ niệm của mình?

Cảnh trí Đèo Cả là những cảnh đẹp. Thân cây, lá cây, tảng đá, nước biển, bãi cát... phối hợp nhau nhiều cách để tạo ra nhiều vẻ đẹp khác nhau. Sự hoang vu vắng lạnh của núi rừng đè nặng trên mọi người. Ai nấy đều im lặng đưa mắt nhìn, có người chồm ra ngoài của xe.

Nhưng người lính và người đàn bà vẫn tiếp tục nói chuyện. Giọng người đàn bà tỉ tê:

– Tôi dự trù ra Quinhơn nghỉ lại một đêm rồi sáng mai đi xe lên Kontum. Nghe nói phải nghỉ đêm lại Kontum rồi bữa sau mới đi Phú Bổn. Đường xá xa

xuôi quá mà chẳng biết lãnh tiền tử tuất được bao nhiêu.

– Cái đó thì tui cũng không biết rõ.

– Nhờ Trời được lãnh kha khá để đem về buôn bán nuôi con.

– Nhiều chị lãnh tiền tử tuất chưa về tới nhà đã thua bạc ráo trời.

Chị đàn bà cười ngã nghiêng:

– Anh nói sao trúng quá. Ở xóm tui cũng có ba bốn đứa như vậy. Không đến nỗi thua cạn một ngày mà về nhà cứ thua lần thua mòn. Tụi nó đánh xóc đĩa ầu một cây. Bốn lợi nhập một, có bao nhiêu đánh hết. Nhà cái phải sợ.

– Chuyện gì mà sợ? Nữ kê tác quái, gà mái ăn hiếp gà cocks...

– Tụi nó vét túi nhà cái mấy lần rồi đó anh. Phàm làm cái xóc đĩa thì trông ăn nơi mấy nhà con đánh nhỏ. Cứ găm lần găm lần. Tới tay mấy con này thì một ăn một thua, phui áo đứng dậy.

– ...

– Thành ra mấy nhà cái họ đồn với nhau: “Hễ trái chiếu ra mà có mấy con đàn bà góa ngồi xuống là coi như có quĩ ám. Thế nào cũng giữ chiếu về không”.

– Nhưng đánh ầu kiếu đó thì có ngày cũng nướng hết.

– Chớ sao. Ăn chơi năm bảy sòng rồi cũng nướng hết.

– Của thiên trả địa, hết tiền tử tuất thì đi làm mướn trở lại. Rồi đi lấy chồng trở lại.

– Khó lắm anh. Đàn ông bây giờ họ khôn lắm. Tới chàng ràng chơi thì được, còn biểu họ cưới mình thì họ lảng xa hết. Không có thằng cha nào chịu lãnh bốn, năm đứa con của mình đem về nuôi báo cô. Một thân của nó, nuôi đà không nổi.

Làm thân phận góa phụ mới có vài tháng mà chị đã có kinh nghiệm như vậy, — tôi nghĩ. Rồi cuộc đời của chị sẽ tiếp tục như thế nào? Đôi lông mày có vết dao cạo sắc lẹm đó không hứa hẹn một tương lai vừa thắt lưng buộc bụng nuôi con vừa bịt tai đối với những lời ong bướm. Mà trái lại, tôi có cảm tưởng ong bướm đã bay lượn dập dìu cả khi người chồng còn tại thế, khi anh cầm súng trấn đóng ở một phòng tuyến xa xôi và cả ngay khi anh còn ở nhà cạnh chị.

Xe nhẹ nhàng xuống đèo. Đây là Phú Yên rồi. Núi, đá, lá cỏ, bụi cây như có

khoác bên ngoài một màu sắc, một vóc dáng đặc biệt nào, bởi chúng chúng là Phú Yên. Dễ thương hơn. Nhu mì hơn. Cần cù và mơ mộng hơn. Tôi bỏ rơi câu chuyện của người đàn bà để cho tâm hồn tràn ngập những hình ảnh đang hiện ra ngoài khung cửa xe.

Xe đang chạy trên đồng Hiếu Xương. Những đụn rơm. Những bụi chuối. Những ruộng lúa xanh. Chợ Xéo. Bàn Thạch. Phú lâm. Hơn hai mươi lăm năm những cuộc hành quân liên tiếp tràn qua bừa lại trên thân thể những làng xóm này như những làn gió tràn trên thân lá. Phú Lâm có cái dáng làm đóm của một công tử quận lỵ. Những cửa hiệu tạp hóa nho nhỏ được trang sức lòe loẹt nhờ mấy chồng thau, lon, chén bát bằng nhựa dẻo. Hàng bán gương và sửa đồng hồ với người thợ lúi húi sau một cái bàn

dựng thủy tinh bao quanh. Một tiệm mì, hủ tiếu dài và hẹp như một cái hành lang đen chạy hun hút. Thanh niên ngồi trịnh trọng trên Honda và Yamaha.

Tôi nghe tên Phú lâm đầu tiên vào năm 1943 khi phong trào thể thao Duco-roy tạo nên những cơn lốc nhỏ ở các thị trấn nhỏ. Hồi đó Sông Cầu là tỉnh lỵ nhưng phần đất xương xẩu đó của huyện Đồng Xuân chỉ đủ sức tạo nên một thành phố sạch sẽ, ngay ngắn, yên tĩnh và thơ mộng. Sự sạch sẽ ngay ngắn và yên tĩnh đã khiến thành phố giống y một mô hình triển lãm, y như một cái bàn cờ đặt cạnh bờ biển, dưới những rặng dừa. Có lẽ để tạo một cảm tưởng phồn vinh giả dối người Pháp phóng nhiều con đường không cần thiết. Từ trường Tiểu học và đồn Khố xanh đến Ty Bưu điện, Ty Công chánh, Tòa Kho bạc, Tòa Sứ nằm sát biển

chỉ có một khoảng đất đầy cỏ xanh và cây keo cây bàng rộng không tới bốn trăm thước thế mà họ phóng rất nhiều con đường ngang dọc, kẻ thành ô vuông bàn cờ. Phú Tuy Hòa không có nét đẹp thanh lịch đó nhưng có nhiều ruộng nên dân đông và dân giàu. Các xã đua nhau lập sân vận động, lập hội bóng tròn và trong kỳ tranh giải túc cầu toàn Tỉnh năm đó, tôi thấy một hàng cầu thủ đứng sau lá cờ màu xanh lá cây thêm hàng chữ PHÚ LÂM SPORTS bao quanh một ngôi sao đỏ. Sự chú ý của tôi đối với đội cầu này là do hôm đó viên Giám binh Khố xanh Faugère đóng vai trưởng ban tổ chức cứ phát loa kêu gọi nhiều lần thủ quân của Phú Lâm Sports ra sân cỏ trình diện đoàn cầu của mình.

Phú lâm — Phú lâm — Cái tên đó tự nhiên quen thuộc và hôm nay tôi nhìn

bộ mặt của Phú lâm kéo dài trên một quãng đường vài trăm thước của Quốc lộ số Một.

Cầu Đà Rằng một màu đen nghiêm nghị. Những doi cát nằm rải rác giữa mặt sông, xanh màu lá dừa hầu lá mướp, điểm những đóa hoa màu vàng. Những người lính gác ở đầu cầu trang bị súng ống đứng sau những ụ cát chong đôi con mắt nghi ngờ. Có những đồng sắt, những trụ bê tông đang xây cất dở dang để chuẩn bị làm chiếc cầu mới. Tháng Ba năm 1945 tôi đã có lần đi qua con sông này. Lúc đó cầu bị máy bay Mỹ thả bom sập hai dầm và xe ô-tô phải qua sông trên những chiếc phà. Bây giờ thì người Mỹ lo xây cầu giữ cầu. Chiến tranh là một con quái vật thềm sắt và bê tông. Và thịt người.

Khi xe bò qua hết cầu, những hành khách của ba dãy ghế chót xôn xao sửa lại giỏ xách, gài lại thắt lưng, quơ tay tìm nón, mò chân tìm guốc dép. Những người đang đứng lom khom, lăm le tới chiếm một trong những chiếc ghế sẽ bỏ không. Chắc bây giờ họ đang âm thầm chọn lựa. Đầu cầu xe cộ và người đông nên chiếc Thuận Thành phải chạy chậm lại. Tức thì một đoàn năm sáu đứa trẻ tuổi trạc mười hai mười ba tay cầm gói bánh mè, tay cầm túi nước ngọt nhảy vọt lên xe mời khách inh ỏi:

– Mời bà mua gói bánh mè.

– Nước ngọt đây! Nước ngọt sinh tố đây! Năm đồng một túi, hai túi mười đồng.

Mấy đứa nhỏ ngồi cạnh tôi chong mắt nhìn về mẹ chúng. Người mẹ nhận

ám hiệu và thi hành ám hiệu. Tức thì có tiếng trả lời:

– Dạ mười đồng một miếng, một gói mười miếng... Dạ thôi, cháu bớt cho bà, hai chục đồng ba miếng... Dạ thôi cũng được, để rẻ cho bà năm đồng một miếng. Dạ mời bà lấy luôn hai gói để đem về cho các em mừng.

Một người cầm lên một túi nước ngọt sinh tố vừa đặt lên miệng định cắn đứt một góc túi thì chợt đằng sau có tiếng nói:

– Đồ nước lặt xạch mà chua lét. Uống vô thêm đau bụng.

Xe qua một khúc quanh, bò vào bến đậu. Xe đứng dừng lại, nghiêm chỉnh như một lực sĩ còn dư sức. Có một chút hiền ngang tự phụ nữa, bởi nó đã đến

bến bình an. Mười hai giờ tám phút trên mặt đồng hồ của tôi, cách xa lời hứa của người bán vé đến ba giờ đồng hồ nhưng tôi vẫn coi anh ta là người lương thiện. Trong xã hội, nhiều người nói dối và lừa bịp khủng khiếp trắng trợn hơn. Cứ đọc lại những cái tit lớn trên mặt báo hàng ngày ở ngay trang nhất thì thấy.

Tôi xách xách đứng dậy vừa tránh dạt một bên để nhường bước cho những người luôn-luôn-vội-vàng. Khi không còn ai thềm tranh giành ganh tị với tôi, tôi chậm rãi bước xuống. Thật sung sướng là người có đủ thanh thản trong tâm hồn để được bước những bước chậm rãi. Cả anh lính và chị đàn bà cũng đóng vai kẻ vội vàng nữa. Anh bế đứa con của chị đàn bà và rủ chị:

– Mình xuống đất nghỉ ăn uống đã. Xe chưa chạy liên đâu.

Nắng gay gắt hắt lửa vào mặt tôi. Xích lô đậu thành dãy và những phu xích lô ào tới tranh giành tám chín người hành khách ngơ ngác. Tôi xách xách nhẹ nhàng bước lui lại phòng bán vé, đứng nhìn quanh cảnh đầu tiên của thành phố.

Đất sỏi nện cứng dưới mắt tôi. Những cây phi lao vi vút hát trên mái ngói đỏ của Chi Cảnh sát. Tôi lướt nhìn từng khuôn mặt của mấy người phu xích lô, hy vọng tìm một khuôn mặt quen. Làng tôi nằm cách Tuy Hòa ba mươi cây số về hướng Bắc và chiến tranh đã tàn phá nhà cửa phân tán dân làng đi di cư ở khắp mọi thị trấn miền Nam. Tuy Hòa thu lượm được đông đảo bà con quê tôi hơn hết. Họ nghèo đi bởi giặc giã và kế sinh sống tạm bợ là cái thúng cái mẹt buôn gánh bán bưng và cái xích lô, cái xe ba gác. Có nhiều người làm ăn khá hơn, có nhiều

người làm giàu nữa, nhưng đó không phải là những người tôi muốn tìm gặp đầu tiên. Tôi muốn nghe những tiếng mừng rỡ bi bô, cái giọng nói quê mùa quen thuộc không pha chế. Những người giàu không mấy khi còn giữ lại được giọng nói và điệu bộ thuần túy thuở hàn vi. Đồng tiền ảnh hưởng trên mọi nếp sinh hoạt của họ và cái mừng cũng rập theo công thức thời trang. Nhưng soát đi soát lại vài lần, tôi tuyệt nhiên không tìm thấy một khuôn mặt quen. Thất vọng, tôi ra hiệu gọi một chiếc xích lô nào đó thì liền có một chiếc Honda vọt tới:

– Ông đi Honda cho mau. Dạ... tui cũng công chúc, ngày chủ nhật nghỉ, rước khách kiếm thêm tiền phụ nuôi gia đình. Quê anh ở...?

– Dạ ở Long Hòa.

Long hòa kể sát làng tôi. Tôi leo lên ngôi sau lưng anh vì liên hệ đó.

Đường phố ban trưa trông thật buồn. Thấp và uể oải. Nhưng tôi đâu có quyền đòi hỏi hơn? Mười lăm năm tái tạo, tái tạo trong sự đe dọa thường xuyên của chiến tranh, là cả một nỗ lực lớn, một kiên nhẫn có thể so sánh với loài chim làm tổ. Tôi lẩn thẩn nghĩ tới những bầy ong gom sáp xây tầng sau khi cái tổ bị phá, những bầy kiến tiếp tục khiêng gạo sau khi vài trăm đồng đội bị một ngón chân tinh nghịch dí nát.

Phái vui mừng bắt tay tôi. Anh phải tháo kính ra lau nhiều lần để được nhìn tôi kỹ hơn, để tin rằng tôi hiện diện thật trước mặt anh.

– Có thể tin được không? Có chuyện chi cần sao?

Tôi nhún vai:

– Một chút việc. Nghe nói quốc lộ đã được sửa lại nên mình đi thử. Nghe nói xe chỉ cần chạy ba giờ, chạy vèo vèo trên xa lộ bằng phẳng nên mình thêm hăng hái đi.

– Kết quả thực tế có đúng vậy không?

– Đúng năm mươi phần trăm.

Bữa ăn trưa ở Tuy Hòa giống y như những bữa ăn ở các thành phố khác. Thịt bò. Cải súp lơ. Hành tây. Giò lụa. Thịt gà Mỹ. Tôi nhớ ngày xưa được ăn bát canh cá liệt nơi đây khiến trong ký ức của tôi luôn luôn con cá liệt đi kèm thành phố Tuy Hòa. Một món thứ hai nữa là cái bánh bèo rắc nhân đậu xanh. Từ nhỏ tôi chỉ quen mắt với bánh bèo nhân tôm màu

đỏ nên nhìn cái bánh nhân đậu xanh đầu tiên trông lạ và quý.

Buổi chiều chạy lo mấy việc cần. Phái lái xe đưa tôi đi. Mọi con đường đều lạ, mọi khuôn mặt đều lạ. Tôi có cảm tưởng mình không trách nhiệm gì hết đối với những người mình đang gặp, không liên hệ tình cảm và Quá khứ và tôi thấy thoải mái, một sự thoải mái đi gần tới cái Chân không. Trước ngày kháng chiến, có một con đường nào đó của thành phố Tuy Hòa mà các ngôi nhà đều xây trên một nền cao, cao tới đầu người. Và nó chạy cong queo như tùy sáng kiến của nó. Phái bảo tôi:

– Trung tâm điểm sinh hoạt của Tuy Hòa là Ngã Năm. Công chức đón xe đi làm ở Ngã Năm, xe chở trả công chức về ở Ngã Năm. Các hiệu buôn xúm xít ở

Ngã Năm. Place de l'Étoile của tụi moa đó.

Phái chợt ngừng nói lật đặt hăm phanh vì một chiếc xe đạp đâm bổ ra từ một ngõ hẻm. Anh không cau mày cũng không chửi thề. Xe lại nhẹ nhàng lướt tới và anh bình thản tiếp tục.

– Nhưng cái khái hoàn môn được thay bằng lô cốt xây bằng bao cát. Mà nói thật, cho dù mình muốn cũng khó mà xây được một cái công trường rộng. Không có nhiều người và nhiều xe cộ đi lại thì một cái công trường rộng quá sẽ biến thành một bãi sa mạc.

– Khi ở bến xe tìm đến nhà anh, tôi đi theo con đường Tản Đà. Thành phố này dành cho thi sĩ một con đường rộng rãi sạch sẽ, đó là một ưu điểm. Tôi nhớ năm 1942 lúc còn ở Hà Nội đã đi trên

con đường Nguyễn Du và đổ anh con đường đó có đặc điểm gì?

Phái không quay lại nhìn tôi mà cứ chong mắt nhìn ra trước xe. Anh vừa nở một nụ cười suy nghĩ:

– Chắc có nhiều cây, có vườn hoa...

Tôi lắc đầu:

– Không. Có rất nhiều nước tiểu. Người nào đi dạo trên đường phố lớn mà mót tiểu đều rẽ sang đường Nguyễn Du.

Phái cười ngon lành. Im lặng một giây, anh nói:

– Những thành phố nhỏ thường có một con đường chạy dài từ đầu trên xuống đầu dưới, y như cái cây lụi xiên qua mình một con gà đặt trên lò quay, xuyên

qua một xâu thịt đặt trên lò nướng. Cái cây lụi của Tuy Hòa là đường Trần Hưng Đạo. Cây lụi của Qui Nhơn là đường Gia Long. Cây lụi của Phan Rang là đường Thống nhất.

Công việc tôi lo xong vào lúc năm giờ chiều. Phái rủ tôi đi chùa Khánh Sơn:

– Đó là một địa điểm du ngoạn hợp thời trang của bạn trẻ hôm nay. Chiều thứ bảy họ đi xe Lam hay đèo Suzuki ra đó ngoạn cảnh. Hoặc là họ đi Đông Tác ngồi dưới gốc cây si. Thơ mộng lắm.

Tôi từ chối vì chiếc xe Thuận Thành đã làm thân thể tôi mỏi nhừ. Tôi nói:

– Có lẽ một cái ghế bố đặt ở sân thượng nhà anh hợp với tôi hơn, lúc này.

Nằm ở sân thượng nhà Phái, tôi đưa mắt nhìn về núi Nhạn. Hơi ngọn núi cô

đơn, chứng nhân của bao nhiêu triều hưng phế! Mi đã nhìn biết mấy lớp người nối tiếp nhau quần tụ dưới chân mi, từ những thiếu nữ Chăm áo dài xanh lòe loẹt đến những thương gia sơ-mi Montagut ngồi sau tay lái của những chiếc Toyota sơn trắng. Những người giàu hôm trước đã ngã xuống nhường sân khấu cho người giàu hôm nay. Rạp hát Bang Hưng rộn rịp tiếng kèn trống hồi nào, nay nhường chỗ cho những hí viện Diên Hồng, hí viện Đại Nam. Phủ đường cũ, một dãy nhà ngói thấp và mỏng, với đoàn Tổng Lý khăn đen áo dài, bài đồng lung lẳng nơi khuy áo... ngày nay được một số người nhắc đến với chút hoài niệm người ta vẫn dành cho loài khổng tượng. Đó là thời của những Thủ Sáu Mọi, Dũ Ký, Bầu Nụi. Thời của những tri phủ Nguyễn Khoa Phong, Nguyễn Văn Thơ, của ông Tây sở đường Đồng Bò

Huguenoltz, của ông Tây Ấn kiểu bao thầu mua bông vải Kitchanassami. Đó là thời của những người đàn bà nhổ tóc con tạo thành đường chân tóc thẳng nơi trán, thời của những chiếc áo dài trang đầm rồi tiếp theo là áo dài lụa màu mỡ gà, áo dài xanh màu hồ thủy. Tôi mừng tượng thấy hai dãy phố cũ nặng nề một kiểu kiến trúc cổ Trung Hoa, những dãy mái hiên, những tên hiệu viết bằng chữ Nho lớn phết vàng, những bức tường cao trên cắm tua tua mẻ chai. Một khuôn mặt đàn bà hiện ra trong óc tôi, nét đẹp dịu dàng, mái tóc chải mượt, giọng nói êm và chậm, một người quen của cha tôi. Tôi còn nhớ rõ nụ cười làm lóe một chiếc răng nanh bật vàng xinh xắn.

“Ông Hội Năm! Ở ngoài mới vô chơi hả? đi bằng xe STACA hay bằng xe Năm Màu?»

Những hình ảnh như những bóng ma! Bởi vì người đàn bà đó, cha tôi, cái xe STACA và ông Năm Màu, căn phố đồ sộ, và cả cái thành phố cổ kính nặng nề đều đã ngã xuống tan vụn hết rồi. Cái thành phố rộn rịp hôm nay và những người khỏe mạnh đang hớn hờ làm chủ nó hôm nay là những trái cây đang tơ, là những cành hoa đang nở, mọc vạm vỡ trên những cành lá ủ mục của những thân cây đã ngã xuống. Tôi nhớ đến Hoàng Anh, cô bạn tôi hiện làm công chức ở Bình Tuy. Quê nàng ở Tuy Hòa và trong một bức thư tôi nhận đầu năm, nàng viết:

“.. Tết này em không về Tuy Hòa. Có lẽ cả những Tết sau này. Mấy năm trước em phải về là vì em còn Ba em ngoài đó.

Nay Ba em đã mất rồi và đã đoạn tang rồi thì em cũng muốn đoạn tuyệt luôn. Về

để làm gì? Chiến tranh tàn phá cơ nghiệp nhà em. Ngày xưa nhà em giàu, Ba em có địa vị. Bây giờ em không có một cái nhà để ở. Chỗ sở nhà và khu vườn của Ba em ngày xưa bây giờ thuộc quyền sở hữu của người khác. Họ lập tiệm thuốc tây, tiệm vàng, phòng mạch bác sĩ, văn phòng giao dịch thương mại. Những người xuất thân tầm thường nhất hồi đó, hôm nay khinh khỉnh nhìn em. Em không đủ can đảm nhận những cái nhìn như vậy...”

Giá có Hoàng Anh ở đây, tôi sẽ bảo nàng:

“Em đừng nhìn xuống những tòa nhà dưới phố. Mà hãy cùng anh ngược nhìn lên ngôi tháp Chàm ở đầu núi Nhạn kia. Nó sẽ âm thầm giảng giải cho em bài học hưng phế ở đời và em sẽ được thanh thản trong tâm.”

Buổi tối có gió biển thổi mát. Cả gia đình Phái quây quần trước máy Tivi. Chương trình “Người dân muốn biết”. Chương trình Cải lương. Qui Nhơn và Tuy Hòa bắt được chương trình vô tuyến truyền hình Việt Nam ở Sài Gòn nên những trụ ăng-ten đâm tua tua trên nóc nhà dày hơn ở Nha Trang. Ở Nha Trang chỉ được xem Tivi Mỹ, phải vừa xem vừa đoán nên nhiều người bỏ cuộc.

Phái rủ tôi ghé lại hiệu ăn Thành Tín để thăm một người bạn cũ. Người bạn cùng làng với tôi nên qua anh tôi được biết rằng ngoài làng chẳng còn mấy người ở lại. Mọi người đều sống qua loa, sống một nửa, sống khắc khoải mong chờ ngày bình yên.

– Thăng Toàn bây giờ nhảy qua nghề trồng cây kiểng, trồng hoa thược dược

để bán Tết (trước kia Toàn là giáo viên Tiểu học).

– Thằng Diện?

– Nó nhảy vô đây chín mười năm rồi. Làm sở Mỹ bên phi trường Đông Tác.

– Thằng Hợi?

– Nhảy lên núi.

Hỏi về ba người bạn thì người nào cũng “nhảy” hết, mỗi người “nhảy” một cách. Chiến tranh kéo dài thêm chừng mười năm nữa thì có lẽ không còn ai biết “đi” nữa. Chúng tôi cùng tới “càfé Thảo”. Nghe nói khung cảnh nơi đây mộc mạc đơn sơ và những người trầm lặng suy tư hay tìm tới đây. Chúng tôi không hẳn là những người có đặc điểm quý báu đó, riêng tôi thì chỉ vì tò mò mà thôi. Đến thành phố nào, những người ít tiền cũng

hay tìm một chỗ ngồi nơi một quán cà phê. Ít tốn kém. Một lối trang sức tinh thần. Ở đây có cà phê Mây Hồng, cà phê Tùng, cà phê Hoài Bắc, cà phê “Chỗ chúng ta”. Một cô thôn ngân có khuôn mặt học trò có mái tóc Liêu trai thường thay thế cho hương vị của cà phê bởi rất nhiều khi người ta tới để “nhìn” hơn là để “uống”. Đến một thành phố, người ta cũng hay tìm để bước vào những hiệu sách. Có cái gì thân mật nơi đó, người ta bắt gặp những khuôn mặt quen của tờ nhật báo quen đọc, những tập nguyệt san, tuần san quen được lật trên tay. Nhận Đà, Vạn Kim, Đà Giang, Hùng Cường. Sinh hoạt tinh thần được chuyển về trọn vẹn từ thủ đô, được bày trên các ngăn tủ, được kẹp trên các sợi dây thép chằng ngang dọc.

Mười giờ hơn khi chúng tôi về nhà. Lúc này đi ngang cô nhi viện Măng Lăng tôi cảm thấy buồn ngủ. Măng Lăng là một địa điểm của xã tôi, nổi danh vì ngôi nhà thờ lớn, họ đạo đông và giàu. Họ đạo di cư vào Tuy Hòa, nhà mồ cô di chuyển theo, được xây cất cao rộng kiên cố và mang tên cũ. Như là một hoài niệm không nguôi, như tấm lòng người Do Thái lang thang lúc nào cũng nghĩ về Đất Thánh của mình. Ngót một nửa số ruộng phỉ nhiều của cánh đồng quận Tuy An thuộc quyền sở hữu của nhà thờ Măng Lăng. Ngày Chúa nhật các họ đạo ở Gò Chung, ở Đồng Đất, ở Lò Giầy, ở Long Hòa, ở Diêm Điền... đều tụ hội về nhà thờ lớn Măng Lăng xem lễ. Người ta đi thành từng đoàn dài trên những con đường nhỏ quanh co. Những đoàn người mặc áo dài đen nghiêm chỉnh đi thành hàng một hướng về ngôi nhà thờ

lớn như những chân dài ngoẵng của một loài nhện khổng lồ.

Khi nghe tôi về Tuy Hòa, một người bạn dặn:

– Đi Tuy hòa thì đừng quên con đường xuống Tòa Hành chánh, một con đường đẹp lý tưởng. Đường rộng trồng toàn cây dương mát. Hai bên đường có một đoạn có ruộng lúa. Lâu ngày sống xa ruộng lúa nay được ngửi mùi bùn, mùi nước, mùi lá lúa thật không gì êm mát bằng.

Khi tôi chợt nhớ đến lời người bạn thì đã trễ. Buổi tối đoạn đường đó cấm đi lại.

Ngày mai tôi sẽ trở lại Nha Trang bằng chuyến xe sớm. Cầu mong cho đêm nay yên tĩnh đừng có những cuộc pháo

kích, những trận tấn công. Tôi muốn ở lại dài ngày giờ hơn để đi thăm những bạn quen, những người mà tôi xa cách đã mười lăm năm nay. Mười lăm năm, đó không phải là một thời gian ngắn. Cứ chồng nó lên ba lần là đủ để thành một đời người. Tôi cũng muốn đi thăm lại những cơ sở quen thuộc: trường Trung học Nguyễn Huệ, chùa Bảo Tịnh, nhà thờ Thiên Chúa giáo, trường nữ Tiểu học, nhà thờ Tin Lành, cô nhi viện Phật giáo...

Gió từ biển thổi vào những luồng mát lạnh. Dưới mắt tôi, những mái nhà nằm úp xuống, che chở mỏng manh. Những trụ ăng ten Tivi rộ ràng khoe nếp sống phong lưu. Những trụ đèn chong mắt nhìn vào đêm. Tôi vào giường sớm để chuẩn bị sáng mai dậy sớm, nhưng những ý nghĩ vẫn vơ vẩn quay

cuồng trong óc. Nửa ngày thật quá ngắn để tôi có thể tình tự với thành phố này. Tôi chưa kịp làm quen với nó. Tôi chưa được đặt chân bước từng bước ngắn trên những con đường, tò mò nhìn từng bảng hiệu, đọc từng hàng chữ tô xanh đỏ trên những mặt tường.

Ở dưới nhà có tiếng nhạc dạo nhẹ rồi chợt giọng Khánh Ly lạnh lạnh vang lên:

“Tôi có người yêu chết trận Pleime

Tôi có người yêu ở chiến khu Đ chết trận Đồng xoài

Chết ngoài Hà Nội, chết vội vàng dọc theo biên giới.

Tôi có người yêu chết trận Chu Prong

.”

Điệu nhạc tức tưởi, lời ca nghẹn ngào
dồn dập như tiếng xé ruột, như tiếng
nức nở vội vàng không cầm nén được.
Tôi nhớ đến băng nhạc của con tôi cũng
có bài hát đó, tiếp theo đó là những
bài Gia tài của mẹ, Cát bụi, Gọi tên bốn
mùa... và mỗi buổi tối hai chiếc loa mắc
trên vách nghẹn ngào than thở cho thân
phận làm người. Cùng trong một giờ đó
và trong những giờ khác, cùng trong một
thành phố của tôi và trong mọi thành
phố khác, những tiếng than thở đó cùng
trỗi lên khiến tâm hồn của người ngồi
nghe sa sầm tối lại, chùng xuống.

... Ngày mới lớn tai nghe quen đận
mình

Thừa đôi tay dư làn môi. Từ nay tôi
quên hết tiếng người

.”

Tôi có cảm tưởng mơ hồ rằng tôi
không đang ở giữa Tuy Hòa. Một căn
phòng vách trắng với giọng nhạc kia, với
tiếng máy xe jeep phóng chạy ồn ào nơi
một đường phố vắng xa, với một ánh lửa
hỏa châu treo lủng lơ trên bầu trời đen...
tôi thấy tôi có thể gọi bằng tên thành
phố nào cũng được. Cần Thơ, Huế, Vĩnh
long, Phan Rang, Biên Hòa, Sa Đéc...
Không có gì khác nhau bởi cùng chung
một thân phận.

Tôi vói tay kéo cánh cửa sổ đóng
sập lại. Tiếng hát bị cắt đứt dừng lại
nơi bên ngoài song cửa. Tôi muốn nghĩ
rằng đây là Tuy Hòa. Cái không khí tôi
đang thở, khoảng đất tôi đang có dưới
chân, những người bao quanh tôi đang
chìm trong giấc ngủ hiền lành, tất cả đều
mang chung một tên: Tuy Hòa. Tôi nhìn
lên vách nhà Phái, cố tìm một dấu vết gì

cụ thể của cái thành phố tôi đang ở. Mắt tôi lướt qua và bỏ rơi liên tiếp những vật mà nó gặp: cái rèm cửa bằng vải hoa, tấm ảnh cô đào Faye Dunaway, cái nút của chiếc quạt trần, tấm lịch Đại Hàn với trang tháng Mười in hình một thiếu nữ đứng nơi hành lang dài một ngôi đền, một đoạn cành cây khô trên bám một thân phong lan nở từng chùm hoa vàng... và cuối cùng một tấm lịch bìa đỏ trên có những hàng chữ vàng rực:

TỊNH THỦY

Hãng sản xuất nước đá

611 Trần Hưng Đạo Tuy Hòa

Tôi nhìn tấm bìa lịch và dòng chữ, lòng vui như vừa gặp một người bạn. Tôi nhắm mắt lại, êm đềm đợi giấc ngủ. Trên môi phác một nụ cười bình an.

LƯƠNG MAI

– Một cái siềng Italy. Tôi thích một cái siềng Italy. A... siềng Italy “hồng” có. Lâu lâu mới có. Thứ đó ít nhập cảng lắm. Ở Sài Gòn này thầy kiếm đâu cho ra.

– Đắt bao nhiêu cũng được mà. Tôi chỉ cần lấy một cái thôi.

– “Tui” biết mà. Tại tui hồng có. Tui với thầy là chỗ quen biết mà. Nói thiệt, chỉ còn mấy cái siềng Ảng lê. Quen lắm tôi mới dám giới thiệu.

– Ở đâu?

– Để ở nhà sau. Phải cất tuốt ở nhà sau. Để dành cho bà con quen lớn.

Ông Sử Cẩm Hưng tươi cười nhìn tôi, hai tròng kính trắng làm cho khuôn mặt thêm tròn.

– Thầy đi theo tui.

Ông bước đi trước và tôi nối gót bước theo. Phải khéo tránh những đồng sắt, những cuộn dây cao su, dây ni lông xếp thành bành cao, những hòn núi lon sơn, những thùng dầu, thùng bột màu. Thật là bẽ bộn lắm cảm.

Bước ra một khoảng sân hẹp. Những chậu hoa hồng: Brigitte Bardot, René Coty, Rendez-vous... Những giò phong lan: Bạch Ngọc, Tố Tâm...

– Đây, vô trong kho này, mặc ý thầy lựa. E! Bobby, nằm tránh ra.

Con chó mập như một con bê con, màu lông xám thẫm trên lưng. Nó lừ đừ đứng dậy đi ra sân. Tôi còn mãi mê nhìn những chậu hoa hồng. Đóa hoa hai màu này chắc là giống mới ghép, chắc phải mang tên một nhân vật thời danh: De Gaulle, Christine Keeler, Kennedy... Con Bobby chậm chậm đi ngang qua chỗ tôi đứng. Chợt nó quay phắt đầu lại, ngoạm vào đùi tôi.

– Ái cha!

Tôi khựng người, ôm chân la lên. Ông Sử Cẩm Hưng cũng la lên:

– Bobby.

Con Bobby lù đủ đi vào nhà trong, thản nhiên như không có chuyện gì xảy

ra. Tôi bị chó cắn rồi. Đầu óc tôi choáng váng. Ở nhà trong nhiều người chạy túa ra. Tôi vén quần lên. Máu rỉ rỉ chảy ở hai vết cắn cách nhau đến sáu phân. Tiếng ông Sử Cẩm Hưng là oang oang:

– Sao bay không chịu xích nó lại? Tao dặn hoài. Ở nhà lo chuyện gì đâu đâu. Có sao không thấy? Đứa nào chạy vô lấy bông băng ra đây. Lấy thuốc tăng-cây-dót. Lấy thuốc đỏ. Mau lên. Có sao không thấy?

Tôi cố gắng giữ bình tĩnh. Việc đã xảy ra rồi.

- Dạ. Nó cắn trúng ngang bắp đùi.
- Có sâu không thấy?
- Dạ không sâu lắm.
- Đứa nào đâu? Lấy bông băng ra

mau mau lên bay. Sao cút ở đâu hết? Con chó đã dận xích lại mà cũng không chịu xích. Ở nhà cứ lo chơi. Lo chuyện gì đâu đâu.

Tôi gác chân lên một trụ gạch cúi xuống nặn máu ở vết cắn. Thôi, không buồn để ý đến ai nữa. Mọi lời nói đều vô nghĩa. Tai nạn đến cho mình thì mình phải chấp nhận lấy, phải chịu lấy hậu quả. Ai cũng là bàng quan hết. Phải lo đi tiêm ngừa chó dại. Chao ôi, mười lăm, hăm một mũi kim sẽ đâm liên tiếp dưới da bụng hay dưới da lưng, nhức nhối làm cho người ta bỏ ăn, làm cho người ta bệnh hoạn hàng tháng. Thật buồn quá đời. Đáng lẽ mình không ghé lại hiệu ông Sử Cẩm Hưng này để mua siêng sáng nay! Nếu đi ngang qua mà không gặp ông đứng trước cửa hiệu tươi cười chào mình thì mình đâu có ghé? Chó cắn thật

là phiền. Mười con cắn chỉ họa hoàn có một con dại, nhưng mình đâu dám tin chắc con chó cắn mình thuộc thành phần chín con kia. Nhưng dù không tin chắc là nó dại mà vẫn phải mang lưng mang bụng đi lãnh sự đau đớn nhức nhối. Anh Công vừa bị chó cắn, mới tiêm năm mũi mà trông anh hom hem như một cụ già. Trong mười phút ngồi nói chuyện mà anh hết nhăn nhó đến nhăn nhó. Nhức bên này. Nhức bên kia. Cái lưng treo hằn ngồi không được. Mời thầy mần về nắn xương. Nhức đầu. Lặt miệng. Sốt. Phải ăn cháo và uống sữa. Chị Công chạy te tái để lo săn sóc anh. Đến lượt mình. Giận hết sức. Nhưng có thể từ chối không đi chích ngừa được không? Những trường hợp mắc bệnh dại cổ điển nhất đủ để làm mình kinh hãi. Một cậu học sinh đi học về bị một con chó chạy rượt theo cắn. Cậu nhỏ ba chân bốn cẳng chạy,

chạy thót vô nhà. Con chó và tới tấp một cái. Hụt. Cậu nhỏ đóng sập cổng lại. Cậu kể chuyện với mẹ, mẹ con mừng rỡ. Cái quần bị chó tấp trúng, té đi, mẹ lôi ra vá. Vá xong, mẹ tìm cái kéo để cắt sợi chỉ. Cái kéo bỏ lạc đâu đó, mẹ cúi xuống cắn sợi chỉ. Chừng vài tháng sau, đột nhiên một hôm mẹ lên cơn dại và không có thuốc nào chữa được. Người ta giảng rằng tinh độc bệnh dại trong nước bọt của chó dính nơi miếng quần bị cắn rách. Khi mẹ cắn sợi chỉ, tinh độc vào máu theo một vết lở nào đó trong miệng mẹ.

Chị Chi Lan trước làm ở nhà thương Grall kể lại trường hợp một bà mẹ dẫn cô con gái chừng mười tám tuổi, đẹp đẽ, quý phái đến nhà thương. Cô con gái bị chó cắn và đã lên cơn dại. Bà mẹ khóc lóc lạy lục bác sĩ xin cứu mạng con nhưng bác sĩ nói khoa học không có cách nào chữa

được hết. Ông chỉ còn có cách giúp đỡ bà mẹ là cho cô con vào phòng lạnh cho nhiệt độ thật thấp để cho cô con sẽ chết trong sự yên tĩnh khỏi những hồi vật vã đau đớn làm cho bà mẹ khổ tâm.

Anh Quế kể chuyện ở nhà thương tỉnh Bình Tuy một hôm người ta đưa đến một trường hợp mắc bệnh dại. Đó là một thanh niên hai mươi tuổi. Anh ta làm thợ hồ. Trong giờ tỉnh táo nạn nhân kể lại: “Cháu nuôi một con chó con. Nó giống với cháu. Nó cạp đùa tay cháu, trầy da chảy máu một chút rồi khô đi. Sau đó mười hôm, con chó bỏ ăn rồi chết. Chẳng ai để ý đến cái chết tầm thường của nó. Nhưng chừng ba tuần sau, một buổi trưa cháu đi làm về, ra nhà sau để rửa tay rửa mặt thì sao chợt thấy sợ nước. Sao cứ thấy nước là ngộp. Cháu bỏ ăn vô giường nằm. Đầu nhức. Cháu sợ ánh

sáng, bắt người nhà đóng cửa lại.

— Sau chừng một giờ tỉnh táo như vậy, — lời anh Quế, thì nạn nhân đập bàn giậm chân rầm rầm rồi la những tiếng “Trời ơi” thật to. Nạn nhân quần quai lê lết trên giường.

Nhưng nhà thương không có thuốc gì để chữa. Tôi thấy xót thương tìm hỏi ai có cách gì để cứu hẩn không. Người ta mách một ông thầy thuốc Bắc. Tôi tìm tới và ông thầy bảo đảm chữa khỏi được. Tôi tiếp tay với người nhà nạn nhân chở hẩn đến nhà ông thầy. Phải trùm một cái mền bịt bùng lên đầu hẩn vì hẩn sợ ánh sáng rồi cho hẩn ngồi lên xe ba gác. Chở đến nhà ông thầy, hẩn xuống xe đi vào với cái mền chụp trùm hụp trên đầu. Người nhà ông thầy sợ quá, chạy túa ra sân, la như cắt cổ. Ông thầy cũng chạy ra sân luôn. Cả xóm nghe ồn chạy tới bao vây đứng

coi. Tôi phải điều đình với ông thầy và ông thầy đặt điều kiện là phải chở hấn về nhà hấn và ông thầy sẽ đến đó chữa. Lúc bấy giờ hấn tỉnh, hấn khóc ở trong mền, giọng khóc nỉ non “Con không có điên mà. Con chó nó điên nó cắn con, chó con không có điên mà. Con không cắn ai đâu. Lạy ông thầy cứu mạng cho con”. Tôi lại cho hấn lên xe ba gác bảo chở hấn về nhà và gọi một cái xe ba gác khác bảo chở ông thầy đi theo luôn. Nhưng liền trưa hôm đó thì xe ba gác chở ông thầy về. Ông nói hấn vừa chết được nửa giờ...

Những câu chuyện như thế lướt nhanh trong óc tôi, lẫn lộn quay cuồng trong óc tôi. Tôi vừa nghĩ lan man đến những trường hợp lên cơn đại diện hình đó vừa nặn máu vết cắn. Chợt có một bàn tay nhỏ, trắng, gọt nhẹ bàn tay tôi ra và nặn máu hộ tôi. Tôi nhìn lại: một

thiếu nữ Trung Hoa chừng hai mươi tuổi đã đứng cạnh tôi hồi nào tôi không hay. Kề đó có một lọ thuốc đỏ, một hộp bông, ga, một cuộn vải keo. Tôi nhìn khuôn mặt. Khuôn mặt cúi xuống, tôi thấy đôi hàng mày dài, cái mũi và hàng mi cong. Những ngón tay trắng hồng nặn nhẹ nhẹ vết thương của tôi. Máu nhả ra, nàng nhẹ nhàng lau. Da mềm nơi ngón tay gây một cảm giác êm êm. Còn một vết cắn nữa, tôi chụm bốn ngón tay nặn thật mạnh. Máu đỏ vọt ra. Nàng lấy bông lau vết máu rồi gọt bàn tay tôi, nặn qua vết cắn đó.

Tiếng của ông Sử Cẩm Hưng:

– Con chó này hiền lắm mà. Lâu lâu nó... ngứa răng... nhưng mà nó cắn không độc. Bữa trước nó cắn chú tài phú nhưng cũng không sao.

– Dạ, nhưng tôi cũng phải đi chích ngừa.

– Chích làm gì thầy? Đau đớn trong mình. Không sao đâu. Bên Thú y họ có khám con chó rồi mà. Nó vẫn mạnh như thường.

– Họ làm gì mà khám được?

– Ày, thầy không tin tui. Họ khám cẩn thận lắm. Họ thử máu.

Vì những ngón tay màu trắng hồng kia, tôi cố gắng giữ bình tĩnh để giảng cho ông Sử Cẩm Hưng rằng họ đã nói dối.

– Người nào nói với ông rằng đã thử máu rồi là người ấy nói bịp ông đó. Vi trùng chó dại là một loại siêu vi trùng, nhỏ lắm, kính hiển vi thường không nhìn thấy được. Phải có kính hiển vi điện tử

mới nhìn thấy nó. Mà kính hiển vi điện tử thì làm gì bên Ty Thú y có? Vả lại, con siêu vi trùng đó không ở trong máu mà ở trong hệ thần kinh. Không ở trong máu thì thử máu làm gì? Họ nói bịp ông đó.

Tôi nói một hơi thì cơn giận nổi lên. Ông Sử Cẩm Hưng coi tôi như một ông Xã nhà quê nên đem việc thử máu ra để trấn an tôi. Máu nóng hừng hực ở mũi, ở tròng con mắt, tôi không giữ được nữa:

– Thú y chỉ giữ con chó lại để xem xét trạng thái bên ngoài của nó mà thôi. Chẳng hạn nó bỏ ăn, chẳng hạn nó bị bại. Khám xét nó chỉ có bên Viện Pasteur. Phải chặt đầu nó, chặt đầu nó, ông rõ chưa, phải chặt đầu nó, phải... Những ngón tay bấu mạnh vết thương của tôi. Tôi ngừng nói nhìn xuống. Đôi mắt đen ngược nhìn lên tôi dịu dàng. Tôi hạ giọng:

– Nhưng xin ông an tâm. Tôi sẽ đi chích ngừa. Chả sao đâu.

– Thầy đừng sợ mà. Con chó này nó không dại đâu. Có dại thì nó biết liến.

– Khó biết lắm, ông Sử ạ. Nhiều khi người và chó, người bị cắn và con chó cắn, — cùng dại chung một lượt. Loại bệnh này phiền phức lắm.

– Con berger của tui cứ tiêm thuốc luôn.

Vừa lúc ấy có tiếng gọi to ở từ ngoài của hiệu vọng vào.

– Chú ơi. Chú. Chú ra cho hỏi cái này một chút. Gấp lắm.

– À, à..., — ông Sử Cẩm Hưng vỗ tai tôi, — ... Thầy. Để tui chạy ra trước một chút. Thầy đứng chơi. Đứng chơi!

Tôi đang rớt ruột lên đây. Thấy công chuyện đã êm xuôi, những người trong nhà tản đi dần. Người thiếu nữ vươn tay lấy lọ thuốc đỏ. Tôi giúp nàng mở nút lọ. Nàng thấm thuốc vào bông đặt lên vết cắn. Tôi giúp nàng, đè một ngón tay lên giữ cho khỏi rơi. Nàng lấy kéo cắt băng vải keo. Tôi giúp nàng xoa xoa cho đầu băng vải keo dính chặt vào da. Tôi cảm ơn nàng và nàng không mỉm cười. Nàng nhìn thẳng tôi rồi nói khẽ:

– Ông nên đi xuống Pasteur mà chích thuốc ngừa đi.

Tôi ngạc nhiên vì lời đề nghị.

– Ba cô mới nói...

Nàng không lưu ý đến câu nói của tôi, vẻ mặt xa vắng như đang nghĩ gì đâu đâu. Giọng nàng nhẹ nhàng:

– Con chó chưa được... Ông nên đi xuống Pasteur chích thuốc ngừa đi.

– Thật không êm đêm chút nào hết. Ai cũng sợ hãi những mũi tiêm nhức nhối đó.

– Ông chịu khó. Con chó chưa được... Ông hiểu chứ?

– Vâng. Tôi hiểu.

– Ông đừng trách ba tôi.

– Không có. Tôi nghĩ rằng cụ muốn cho tôi an tâm nên cụ mới nói lạc quan thế. Cụ không quan niệm bệnh chó đại nguy hiểm ngang tầm mà chúng ta quan niệm.

– Ông đừng nên sợ đau. Tính mệnh quan trọng hơn một sự êm đêm nhất thời.

– Cám ơn cô. Tôi xin nghe lời cô.

Nàng thu dọn bông, băng, kéo, lọ thuốc..., khẽ cúi đầu chào tôi rồi đi thẳng lên lầu. Bộ pyjama bằng vải hoa. Mái tóc mới cắt.

Bằng cách nào để lắng dịu những nỗi bức tức? Trên đường về nhà, tôi thấy chán nản lạ, mặc dù giữa những lúc buồn bã, những hồi xót xa, tôi gợi nhớ đến khuôn mặt xinh tươi đó, mười ngón tay trắng hồng đó, giọng nói êm đêm đó. Bốn giờ chiều tôi đi đến viện Pasteur. Cô thư ký giải thích thể thức:

– Không thể đột nhiên vào viện để xin tiêm ngừa. Phải có giấy giới thiệu của Ty Mục súc.

Ty Mục súc! Mình bây giờ thuộc quyền điều động của Ty Mục súc. Tôi

buồn cười nghĩ rằng với một vết chó cắn, mình bây giờ được đồng hóa với heo bị dịch và với gà toi.

– Giấy giới thiệu, tôi sẽ có trong một giờ đồng hồ. Bây giờ thì xin cô làm ơn cho tôi một mũi tiêm. Tôi xin nợ cô mũi tiêm đó.

Cô thư ký suy nghĩ rồi gật đầu đưa tôi qua phòng ốc.

– Chị Triết, tiêm cho ông một mũi chó dại.

Cô y tá có khuôn mặt dịu dàng. Đôi mắt bồ câu mở to. Cô rút thuốc vào ống tiêm. Tôi nói:

– Cô tiêm giùm vào lưng tôi. Tiêm ở dưới bụng đau lắm.

– Vâng. Tôi tiêm ở lưng cho ông. Tôi

ngồi xuống ghế, cuộn áo sơ mi lên. Cô y tá thoa rượu cồn và liền sau đó mũi kim châm nhẹ vào da. Chưa kịp đau thì đã nghe miếng bông xoa qua và ngón tay ra hiệu kéo áo xuống.

Nhanh và nhẹ nhàng như vậy sao? Người ta vẫn sợ tiêm ngừa chó dại lắm mà? Nhức nhối, bỏ ăn, sốt, bệnh. Sao với tôi lại nhẹ nhàng êm ái như thế? Tôi cảm ơn cô y tá. y

– Ông chịu khó đi chích hàng ngày. Độ này có dịch chó dại. Đã tới bốn, năm trường hợp chó dại được xác nhận.

– Vâng.

– Vừa rồi có một em nhỏ ba tuổi bị chó đề cắn nát mặt. Đáng lẽ phải tiêm mỗi ngày hai mũi nhưng sức em đó yếu quá tôi không dám tiêm. Thật nguy hiểm.

– Tôi hi vọng rằng con chó cắn tôi...

– Tôi cũng mong vậy. Nhưng ông sẽ không tiêm dưới năm mũi tối thiểu rồi đợi chờ trong mười lăm ngày.

Buổi tối vết tiêm bắt đầu đau. Gây gây sốt. Tôi nằm nghiêng bên lưng lành mạnh và nhờ chị ở cho một chai nước nóng. Giấc ngủ nhọc nhằn. Thức giấc nghe lưng nhức, mỏi như vì chỉ nằm nghiêng một bên. Sáng ngày, miệng hơi lạt. Tôi tiêm mũi thứ hai. Phản ứng nhẹ hơn mũi đầu tiên, ít sốt hơn nhưng cái lưng không còn chỗ để mà trở nữa. Bên trái và bên phải đều nhức, nhức cũ đậm đà hơn nhức mới, trải rộng trên bề mặt và ăn lún thâm vào bề sâu. A, đến bây giờ tôi mới biết mùi tiêm thuốc chó dại. May mà tôi chưa kịp ba hoa với ai rằng sao thiên hạ hay đồng thanh bi thảm hóa với một sự kiện hết đời tầm thường như thế.

Khi tôi nhận mũi tiêm thứ ba thì rõ ràng là bắp thịt ở lưng tôi cứ tự nhiên phản ứng bằng cách co rúm lại và những ngón tay của cô y tá dạo từng luồng mát trên da lưng tôi. Tôi biết là mình bị sốt, cơ thể mình đang chống cự mãnh liệt với bệnh. Ngày tiêm mũi thứ tư nhằm vào ngày Chúa nhật. Hôm thứ Bảy, cô y tá nói:

– Ngày Chúa nhật nhân viên nghỉ, chỉ có phòng trực làm việc đến chín giờ. Ông gắng đến trước chín giờ. Sáng Chủ nhật mưa thật to, mưa như cầm chỉnh mà đổ. Lốp ngóp lội mưa để tới nhận lãnh một phát tiêm đau trong khi mọi người bình yên nằm trong giường đắp chăn tận cổ thưởng thức một buổi sáng Chúa nhật nhàn nhã, lúc đó tôi giận ông Sử Cẩm Hưng đến độ máu có thể sôi lên trong huyết quản. Nhưng liền khuôn mặt của cô con gái ông hiện ra, ngón tay dịu

dàng vuốt lên vết thương của tôi, đôi con mắt nhìn êm đềm và giọng nói thanh tao ngập ngừng.

Bước vào hành lang Viện Pasteur, tôi ngạc nhiên nhìn lũ bệnh nhân chó dại nam phụ lão ấu đủ hạng lồi thối lệch thếch lớp đội nón lớp ôm áo mưa ngồi đứng lộn xộn. Những bạn đồng số phận của tôi đó. Mấy hôm trước tôi được đặc ân tiếp riêng một mình vào giấc bốn giờ chiều, — mọi người khác thì chín giờ sáng, — nên không có dịp hòa mình vào một đại chúng lồi thối như vậy. Họ nói chuyện to tiếng, hỏi thăm bệnh tình và hỏi thăm chuyện nhà, ồn ào tự nhiên như đang đi ngoài phố. Em bé bị chó berger vày cắn nát mặt đây! Ngoài những lớp bông băng trắng chằng chịt, khuôn mặt còn sót lại chỉ là những nét nhăn nhó đau đớn.

– Cự tiêm được mấy mũi rồi, — tôi hỏi một cụ già ngồi cạnh.

– Mười sáu.

– Sao tiêm chỉ nhiều vậy?

– Không bắt được con chó để thử. Con chó bị chủ nhà nó đánh chết cho phi tang nên mình phải đi chích cho đủ hăm một mũi.

– Kìa chị. Bị chó nhà ai cắn đó?

– Chó nhà mình. Nó nổi điên, cắn bốn người hàng xóm, cắn con nhỏ ở, cắn luôn mình. Bồi thường thiệt hại mỗi người bốn ngàn đồng. Mỗi ngày mình xuống chích vừa xin lãnh năm phần thuốc kia đem về thuê y tá chích cho năm người kia. Còn con chó? Chặn bắt không được. Không ai dám bắt. Phải nhờ mấy người Mỹ ở bên cạnh bắn chết

giùm. Đem cái đầu xuống nhờ Viện thử. Chưa có kết quả.

Bắt chuyện vắn vơ thấy vui, người nào cũng sẵn sàng nói chuyện với mình. Khi có chung niềm đau khổ, người ta dễ trở nên bạn bè, muốn giúp đỡ nhau, muốn hy sinh cho nhau. Viễn tượng của một cái Chết bất-ngờ-và-có-thể đã tự nhiên hạn chế lòng tham, mọi người đều cúi xuống nhìn thân phận hữu hạn của mình. Giá lúc này mà đề nghị thành lập một hội Ái hữu, một hội Tương tế thì người nào cũng sẵn sàng chịu nhận làm ân nghĩa hội viên kiêm luôn hoạt động hội viên. Nhưng một tháng sau, khi đã chắc chắn tai qua nạn khỏi rồi thì người ta tham lam trở lại, rút tron mình trong cái vỏ ích kỷ dày cộm.

Tôi nhận phát tiêm thứ tư, lợi mưa mà về nhưng không thấy bức mình vì

mưa. Mà cảm thấy sung sướng được sống để được gọi mưa như thế.

Ngày thứ năm sau khi tiêm xong, cô Triết mời tôi qua phòng giấy. Tôi khai tên tuổi, nghề nghiệp, địa chỉ, ngày bị chó cắn, vị trí vết cắn, độ dài và độ sâu của vết cắn...

– Ông cho biết chó hoang hay chó có chủ.

– Có chủ.

– Tên người chủ chó và địa chỉ.

– Sử Tuyết Quân, 240 đại lộ Trần hưng Đạo.

– Người Trung hoa.? Vâng. Người Trung hoa.

Cô y tá vừa thoăn thoắt viết vừa nói:

– Ông chịu khó đến thăm con chó luôn. Đáng lẽ ông phải bắt con chó đem gửi tại Ty Mục súc để nhân viên nơi đó theo dõi, nhưng đằng này ông bảo là chỗ quen không muốn làm họ phiền lòng.

Vâng. Tha hồ cho ông Sử Cẩm Hưng phiền lòng, tôi không cần. Nhưng tôi không nỡ làm buồn cô Sử Tuyết Quân.

– ...nhưng ông phải căn dặn là họ đừng giết con chó.

– Vâng.

– Thôi, thủ tục như vậy là đủ. Kính chúc ông bình an.

– Xin cảm ơn cô.

Một người đẹp dễ và dịu dàng như Sử Tuyết Quân thì tôi khó lòng mà giữ cho khỏi tò mò tìm biết tên nàng. Cái

tên dính liền với con người và mối thâm tình của mình đối với một người sẽ lọt hết sức nếu mình không gọi lên được tên người ấy. Chiều hôm qua tôi đến thăm con chó để biết tình hình sức khỏe của nó phòng hôm nay nhận phát tiêm chót hay cần tiêm thêm nữa. Buổi chiều chủ nhật trời hửng nắng và ông Sử Cẩm Hưng lại tíu tít về siêng, về lavabo, về gương năm ly, về sắt tám và sắt sáu, về bình lọc nước.

– A, thầy mạnh giỏi luôn chứ? Hả? Thầy đi chích thuốc à?... Dạ, dạ. Cái lavabo đó hai ngàn tám. Dạ, có luôn miếng gương soi. Không mắc đâu, gương thiệt mà... Hì hì. Gương làm ở Chợ Lớn chứ không phải bên Tây, cái đó tui nói thiệt... À! Thầy nói thầy đi chích thuốc hả? Bậy quá.. Tui đã biểu thầy đừng đi. Không sao đâu mà... Con chó hả? Thầy nói sao?...

Nó mạnh như thần... Thầy muốn coi mặt nó... Dạ dạ, nếu thầy muốn. Thòong ơi! Đưa thầy vô nhà trong.

A Thòong đi xuống Nam Kiều hải vận công ty để nhận hàng. Công việc hướng dẫn tôi vô nhà trong thuộc phần Sử Tuyết Quân. Tôi chào nàng và xin lỗi đã quấy rầy nàng.

– Không có sao. Ông có đi chích thuốc mấy hôm nay?

– Vâng, có. Tôi đi đều.

– Vết cắn của ông đã lành?

– Có lẽ.

Tôi kéo ống quần lên. Vẫn cái băng do nàng băng mấy hôm trước, tôi không thay mà cũng không để ý đến nó. Nàng nhếch môi hơi mỉm cười, hai ngón tay

ấn nhẹ lên lần bông băng.

– Ông còn thấy đau không?

Tôi trả lời mạnh dạn như mình là anh hùng vừa lập một chiến công.

– Không.

– Vậy thì có hy vọng lành rồi.

Nàng thoăn thoắt mở băng vừa nói:

– Ít ai như ông. Có một vết thương nơi chân mà cũng không biết đã lành chưa. Trả lời “Có lẽ”, làm như vết thương của ai.

Tôi cười theo.

– Tôi lo phần nội dung hơn hình thức. Nghĩa là tôi sợ nhiễm độc bên trong hơn là vết thương lở bên ngoài.

– Cũng có lý. Vết cắn đã đóng vảy.

Thôi, có thể tháo băng ra luôn.

Tháo băng? Tôi không muốn. Tôi muốn giữ một dấu tích gì của nàng. Tôi sẽ cảm thấy êm ái và an ủi.

– Có lẽ vết lành còn non. Có lẽ nên băng thêm vài hôm nữa.

– Nếu ông muốn. Nhưng để tôi thay băng mới cho.

Lại thuốc đỏ, lại bông, lại băng, lại ngón tay mạnh mẽ trắng muốt. Tôi nói:

– Xin lỗi, quý danh là Sử Tuyết Quân?

Nàng ngược nhìn tôi, mở to mắt:

– Sao ông biết?

Tôi chỉ lên quyển vở đặt trên bàn.

– Tôi đọc trên bìa quyển vở kia.

– Ông đọc được chữ Trung hoa?

– Tôi chỉ đọc được có ba chữ đó mà thôi.

Nàng nhếch môi cười, có lẽ ngầm ý khen tôi trả lời thông minh.

– Cô học ở trường Trung học Hoa kiều?

– Vâng ạ.

– Học xong Cao trung mà muốn lên Đại học thì cô phải... về Đài Loan.

Tôi vụt đưa hai bàn tay giữ chặt mười ngón tay của nàng đang lần lần cuộn băng trên làn da chân tôi. Tôi có cảm tưởng nàng sắp bước lên phi cơ đi về Đài Loan và tôi phải vội vàng nắm tay nàng giữ lại.

– Sao vậy? Ông thấy đau hả?

– Không. À, vâng... còn đau.

Cứ theo trình tự đó, Sử Tuyết Quân và tôi cứ mỗi ngày mỗi quen nhau thêm. Chẳng lẽ ngày nào cũng đi xem tình hình sức khỏe của con Bobby, tôi hạn định sự cần mẫn tới mức ba ngày rồi sau đó không chịu nổi, tôi hạ xuống còn hai ngày. Con Bobby hiền lành cứ tha hồ nằm trằm tư mong đợi bữa ăn hoặc lừ lừ nhìn những con ruồi ranh mãnh cứ bỏ qua bỏ lại hoài trên mũi nó như cố ý muốn trêu chọc nó. Nó không hề tỏ triệu chứng bỏ ăn, buồn bã hay bại liệt một chân. Thật là may cho tôi bởi lẽ có khi đến ba, bốn kỳ liên tiếp tôi chẳng hề biết đến nó, chẳng hề hỏi xem nó nằm đâu, chẳng lưu ý chạy nhìn qua khuôn mặt nó một chút. Tôi chỉ biết có Sử Tuyết Quân. Còn ông Sử Cẩm Hưng thì cứ loay hoay giữa bấy siềng và lavabo, sắt tám, và sắt sáu, sơn

Bạch Tuyết và sơn Hột Xoàn, đèn nê-ông sáu tắc và một thuốc hai. Ông vừa chào tôi vừa trách tôi đi chích thuốc chi cho đau đớn mình vậy, vừa nói giá hàng cho khách và bảo đảm hàng ngoại quốc chính hiệu, rồi quay lại bảo đảm rằng con Bobby “có chích thuốc ngừa đại hản hòi mà”. Cuối cùng ông gọi A Thòong đưa tôi vào nhà trong và A Thòong cứ bận liên miên ở Nam Kiều hải vận công ty. Cuối cùng, khi thời hạn hăm một ngày chấm dứt, tôi buồn vì không còn cách nào lui tới để khám bệnh cho con Bobby được. Thú thật là tôi có nói láo và ăn gian ông Sử Cẩm Hưng được hai chuyến. Một chuyến tôi giả vờ bỏ quên cuốn sách để liền hôm sau chạy tới tìm và chuyển chót, thay vì tôi cảm ơn ông ngay trong ngày thứ hăm một tôi lại lấy cớ là hôm nay ông bận khách nên ngày thứ hăm tư tôi mới đến cảm ơn ông. Cố nhiên là tôi

có nhã nhận xin phép ông được vào nhà sau cảm ơn cô Tuyết Quân đã có lòng tốt bằng bố hộ cho tôi cái chân trước đây.

Câu chuyện đến đây tôi chưa muốn chấm dứt bởi vì quả tình là tôi chưa gặp một người thiếu nữ nào vừa đẹp vừa thùy mị như Sử Tuyết Quân. Nhưng tôi biết làm cách nào để được gặp nàng luôn? Chẳng lẽ đem cái chân đến dúi vào miệng con Bobby và năn nỉ nó cắn giùm? Tôi chỉ còn có cách là siêng năng mua bóng đèn, — cứ chừng nửa tháng là nói dối bóng đèn bị cháy, đình một phen và cuốc, xẻng, lưỡi bào, lưỡi cưa, lưỡi câu, ống ni lông, dây thép... Khi lại quây trả tiền, tôi hay làm bộ chợt nhớ đến con Bobby và xin phép chạy xuống theo dõi sức khỏe của nó. Sử tiên sinh lại vốn vãi minh xác rằng nó đã được tiêm ngừa “mới gần đây thôi, gần đây thôi mà...”

Cứ theo cái đà “theo dõi sức khỏe của con Bobby” đó, một năm sau thì hôn lễ giữa Sử Tuyết Quân và tôi cử hành. Một đại yến hai mươi thôi được tổ chức tại Đồng Khánh đại tửu gia. Hai dây pháo cao ngút tử lâu bốn chấm xuống đất nổ bung tai, nổ toé hào quang

Sử Tuyết Quân không về Đài Loan để học lên Đại học nữa. Khi nàng tốt nghiệp Cao trung thì nàng đã có mang cho tôi đứa con đầu lòng, sau này tôi đặt tên là A Dành. Con Bobby cố nhiên từ đó chuyên môn vẫy đuôi mừng khi tôi lại gần. Trong bữa ăn, Sử Tuyết Quân thường lén gấp cho nó từng bún thịt bò bít-tết hoặc giò lụa. Tôi bắt gặp, trừng mắt thì nàng mỉm cười đỏ mặt. Nàng tỏ lòng nhớ ơn ông mai đó. Tôi nhớ đến bài thơ của Vu Hựu với hai câu chót:

“Nhất liên giai cú tùy lưu thủy

Thập tải ưu tư mãn tố hoài

*Kim nhật khước thành loan phượng
lữ*

Phương tri hồng diệp thị lương mai¹

Tôi muốn sửa lại là: “Phương tri Bốp tử (nghĩa là con chó tên Bốp) thị lương mai”, nhưng chữ “Bốp” thì chắc Khang Hi tự điển không có, còn chữ “mai” viết thế nào, tôi định mở Vương Vân Ngũ tự điển ra tra mà rồi cũng lười chả bao giờ tra được. Vả lại, bây giờ tôi thường phải thay thằng A Thoòng đi xuống Nam Kiều hải vận công ty hoặc thay chú tài phú cắt gương năm ly và chặt dây thép.

¹ Quách Tấn dịch:

Lững lờ mấy vận trôi dòng bích
Thờ thần mười năm quận mối tình
Loan phụng nay mừng duyên hợp lứa
Mới hay lá thắm chị mai lành.

Còn siege Italy? Một hôm Sử Tuyết Quân mở cửa kho trên lầu chỉ cho tôi coi: trái với lời cam đoan chân thành của nhạc phụ tôi, số siege Italy chính hiệu Ý quốc nhập cảng đang nằm đó có thể đủ để trang bị một Đại Khách sạn có hai mươi phòng tắm.

TRẦM MẶC CÂY RỪNG

Trong suốt mười năm tham gia kháng chiến, tôi đã lang thang đi khắp mọi miền của tỉnh Phú Yên, in dấu chân ở gần khắp mọi xã mọi thôn, từ vùng rừng núi An Lĩnh Xuân quang đến bãi cát vàng Đa ngư Phú Hiệp. Những người tôi quen thuộc rất nhiều, từ anh cán bộ dân quân lưng gài lựu đạn đến nhà địa chủ hào phú vườn rộng nhà cao, từ người nông dân chất phác cần cù đến những công chức mũ ka ki rộng vành

vai đeo mui-zét. Nhưng vượt lên trên hết mọi khuôn mặt và mọi dáng người là khuôn mặt dịu dàng thùy mị của Thịnh, người con gái của thôn Diêu viên quê mùa mà giờ đây mỗi lần âm thầm nghĩ đến là tâm hồn tôi chợt thấy man mác nhớ và buồn, như một bầu trời đang nắng rõ ràng bỗng có một áng mây trôi qua tạo thành bóng râm âm u.

Năm đó tôi đang làm việc ở Phân ban Cục nam thì có chủ trương biên chế tổ chức mới. Tôi bị để ra ngoài biên chế. Trong khi đợi chờ học một nghề lao động mới để làm kế sinh nhai, tôi được một gia đình học sinh cũ của tôi mời về tá túc. Trước khi làm việc ở Phân ban Cục nam, tôi có đi dạy vài năm ở một trường Trung học.

Thân phụ của người học sinh là một nhà hào phú trước kia làm Chánh tổng

nên người ta vẫn quen miệng gọi là ông Chánh. Phùng, người học trò cũ của tôi thì đã gia nhập bộ đội và hiện đang chiến đấu ở Đông Mên, Hạ Lào gì đó. Quê hương của Phùng là một miền quê xa xôi hẻo lánh, cách con đường ô-tô độ mười cây số theo đường chim bay nhưng muốn đi tới nơi thì phải lượn vòng theo những triền núi, vừa đi vừa chạy tụt xuống những khe suối rồi nhẩn nại vừa leo vừa thở hổn hển lên những bờ khe suối khác. Tôi chọn miền đó để ẩn cư vì một nơi vắng dã hẻo lánh như vậy ít có hi vọng bị máy bay oanh tạc chiếu cố hay bị một trận đổ bộ càn quét tràn qua. Lại nữa, tôi còn chọn ở miền đồng bằng thì tử làm chi, tôi, một kẻ thất nghiệp mà mỗi ngày trôi qua mỗi gặm mề lần số tiền ít ỏi dành dụm được bấy lâu.

Xem cốt cách sinh hoạt và dinh cơ đồ sộ của ông Chánh, tôi đoán biết ông từng là lãnh chúa của vùng này, một thủ lãnh chúa cha truyền con nối. Nhà lớn, nhà ngang, nhà cầu, nhà việc, lẫm lúa, nhà sau... bao nhiêu ngôi nhà nằm chi chít bao vây nhiều vuông sân. Những cây cột tròn to, bóng loáng đứng vững chãi có treo những câu liễn cần xa cử. Những bộ ván gỗ đều dày hàng tấc, nhiều bộ dài có đến bốn thước. Bàn ghế, tràng kỷ chạm trổ tinh vi.

Ông Chánh tiếp đãi tôi tử tế vì tình sư đệ đối với con ông mà cũng vì ông coi tôi như người bạn đồng cảnh ngộ với ông. Tôi bị Chính quyền gạt bỏ ra ngoài thì cũng như ông hiện bị cô lập, bị cán bộ Thôn bao vây để triệt hạ ưu thế chính trị. Ông để cho tôi ở trọn một căn nhà Đông, căn nhà xưa kia dùng làm nơi tiếp

các hương lý, nơi xử kiện và tính toán thuế khóa. Nhờ tính chất “công sở” đó mà căn nhà sáng sủa, bày biện ít đồ đạc. Cửa sổ mở dưới một cây nhàu cành sum sê và màu lá xanh mướt óng ánh như thoa mỡ gây cho tôi một niềm yêu đời can đảm.

Ông Chánh bảo tôi:

– Thầy ở đây chơi, bao lâu cũng được. Chỗ này quê mùa, ăn tiêu ít tốn kém. Chỉ cần có gạo. Và mắm.

– Tôi còn đủ sức để mua được gạo.

– Thầy ăn mỗi tháng cho mạnh nhất là bốn giạ lúa. Nhiều lắm thì sợ tôi không kham nổi chớ bốn giạ thì tôi có thể giúp thầy.

– Cám ơn ông, nhưng xin để tôi tự lo liệu phần gạo mắm.

– Trước ngày Cách mạng thì tha hồ, nhà tôi có thể cung phụng cho vài mươi người một lúc cũng không nao núng. Nhưng bây giờ thì phần lúa giảm tở, phần ruộng bỏ hoang vì nông dân ly khai gia nhập bộ đội thiếu người canh tác. Mắm thì không tốn bao nhiêu. Chúng tôi ở đây cứ mỗi năm vào mùa tháng Ba thì mua mắm của dân biển gánh lên bán. Cho đầy vào mọi tởn mọi vò rồi để dành đó ăn lần, ăn quanh năm. Rau cỏ thì dễ. Miền này nhiều mít nhiều thơm, nhiều nhà xắt trái mít non trộn với gạo để nấu cơm cho đỡ tốn gạo.

– Đó cũng là một cách ăn trở bữa.

– Nhưng ăn mau đói. Người ta thường dùng củ mì hay khoai lang nấu ghé với cơm. Có ăn ghé như vậy một thời gian rồi được ăn bữa cơm mùa nghĩa là cơm nấu toàn gạo, — mới thấy ngon.

– Tôi đã ở Quảng Ngãi một thời gian và tôi đã từng ăn cơm ghé liên miên suốt tháng này sang tháng nọ.

Thật vậy, gian khổ tôi đã từng nên tôi không còn sợ nữa. Không có thứ gian khổ nào đóng vai giọt nước chót làm tràn cái ly. Tôi gởi tiền nhờ ông Chánh mua giùm hai mươi giạ lúa và mặc dù ông nằng nặc từ chối không nhận tiền, tôi cũng nài cho ông phải cầm. Ông đành nói:

– Thôi, cũng như tôi cất giùm tiền cho thầy. Khi nào thầy cần thì tôi sẽ hoàn lại.

Lợi dụng những ngày nghỉ ngơi tôi lôi những quyển sách ra đọc. Buổi trưa được ngủ một giấc ngon lành và chiều lại tôi đi thơ thẩn vào trong xóm.

Những ngôi nhà nằm rải rác trong cái thung lũng hẹp này. Xung quanh núi cao chốn chỗ đứng bao vây, những ngọn núi màu xanh chàm sừng sững bất động. Những thân cây bồ đề cao vút đứng rải rác trên con đường đi làm cho con đường vắng vẻ một cách man rợ nhất là thỉnh thoảng trên những tàng cây cao chót vót đó có những tổ quạ tổ ác là to lót sơ sài bằng những chà cây lồi xồi. Những buổi chiều đi cô đơn như vậy thật buồn. Nhớ quê hương xa cách, nhớ những kỷ niệm của tuổi thơ và âu lo vì tương lai không biết mình sẽ như thế nào. Nhiều hôm tôi cảm thấy đôi chân mỏi rã cơ hồ như không còn mang nổi nỗi buồn quá nặng của tôi, tôi chọn ngồi lên một tảng đá ở vệ đường rồi chăm chăm nhìn về một lùm cây, một bụi cỏ, một con đường mòn vắt vẻo lưng đèo hay chỉ nhìn vu vơ một nền trời óng ánh tựa xa cù.

Một hôm tôi đang ngồi im lìm bất động như vậy trên một tảng đá mặt phẳng và rộng dưới gốc một cây bồ đề cao, tâm tư phiêu diêu bay bổng thì chợt một tiếng gọi “thầy” làm tôi giật nảy mình. Tôi quay lại.

– Thầy ngồi một mình làm gì ở đây?

Thấy tôi ngỡ ngác không nhận ra, người con gái nói tiếp:

– Em là con của bà Chúc Bảy.

Tôi “à” lên một tiếng mừng rỡ:

– Thịnh đấy hả? Bây giờ em lớn trông khác. Má em vẫn mạnh?

– Dạ, cảm ơn thầy. Sao lâu thầy không lại chơi?

Đáng lẽ Thịnh gọi tôi bằng “anh” như những người bạn gái của nàng hay

gọi, những bởi năm trước tôi có dạy kèm giùm cho một người em trai kể của nàng học hè nên nàng xưng hô với tôi lễ độ như vậy.

Thịnh có khuôn mặt thùy mị. Lông mày dài và mọc như được vẽ bằng nét bút. Màu da trắng ngà. Tôi không hiểu tại sao nàng lại có một vẻ đẹp đài các như vậy, khác xa với vẻ cục mịch của mẹ nàng và những nét thô trên khuôn mặt của người em trai. Những sợi tóc mai, những sợi tóc mọc sau ót được vuốt lên, chân tóc làm cho màu ngà của da êm mát như mơn trớn. Tôi nhớ đến những bức họa mỹ nhân Nhật Bản, Trung Hoa. Chân tóc mai và cái ót khêu gợi dịu dàng. Tôi trả lời:

– Định lại mà chưa có dịp.

– Chắc thầy chê nhà em nghèo không muốn tới.

– Đâu có. Nếu xét tài sản thì tôi nghèo hơn cô nhiều, nghèo hơn bất cứ một người nào trong thôn xóm này. Bởi vì ở đây người nào cũng có ít nhất một ngôi nhà dù bằng tranh rạ, một khu vườn nhỏ trong có mọc bụi ớt bụi hành, những cây bồ đề đứng dọc theo con đường đi rẽ vào sân.

– Vậy thì sao thầy lại không tới?

– Để hôm nào tôi tới.

Hôm tới thăm Thịnh thì nhằm lúc mẹ nàng ra đồng vắng. Ngôi nhà nằm giữa một khu vườn trồng đầy những cây xoài, cây mít, cây bưởi. Có cây xoài quì ở trước sân, trái thông xuống ngang tầm tay hái. Tôi nói:

– Cô ở giữa một khung cảnh êm ái hiền hòa như thế này nên tâm hồn của cô lúc nào cũng dịu dàng.

Thịnh cười:

– Thầy tưởng vậy. Em phải đi cuốc cỏ và khi lưỡi cuốc cắt đứt rễ cỏ, bụi cỏ được vun thành từng đồng bỏ chết khô ở bờ ruộng thì lúc ấy chắc chắn là bàn tay em không còn dịu dàng nữa và tâm hồn em cũng không còn hiền hòa nữa.

Tôi hơi lúng túng vì bị lý luận của Thịnh bao vây một cách bất ngờ như vậy. Nhưng quả tình là tôi cảm thấy dễ chịu khi được đối diện với sự thông minh của nàng. Tôi nói:

– Cây cỏ làm hại lúa thì nó xứng đáng phải chịu sự đối xử tàn bạo của lưỡi cuốc.

– Thầy lý luận như người Hoa Kỳ khi họ đem súng ống tiêu diệt dân Da đỏ.

– Tôi không hung bạo như vậy.

– Em xin lỗi, em cũng không định nói thầy như vậy. Tôi ngồi ở cái bàn nước và Thịnh xin phép chạy ra vườn. Căn nhà ngăn nắp và sạch sẽ. Hơn tám năm tôi xa cách nếp sống thị thành, đôi mắt quen nhìn những bức tường vàng màu đất trét nên tôi thấy nó có vẻ đẹp của nó. Nền nhà cũng một màu vàng xám của đất nện. Không có tranh ảnh treo trên tường.

Thịnh đi vào với ba quả cam chín trên tay. Tôi đón nàng bằng một nụ cười:

– Vì tôi mà có thành người tàn bạo.

Nàng cắt cam mời tôi:

– Cả vườn nhà em có cây cam này ngọt nhất.

– Xin cảm tạ lòng ân cần của cô... Hòa năm nay học lớp mấy?

– Dạ, lên lớp Tám. Mẹ em nói thôi học bấy nhiêu đó cũng đủ, nhưng em muốn cho nó học thêm. Ra Bình Định học, tốn kém lắm mà nhà mẹ em không giàu.

Tôi được biết là cả tỉnh Phú Yên có được ba trường Trung học và chỉ dạy đến lớp Bảy. Muốn học lên lớp Tám, lớp Chín thì phải ra Bình Định và sau khi học hết lớp Chín rồi thì dành ngồi đó nghỉ đợi đã. Ít ai có đủ tham vọng và tinh thần mạo hiểm và sức khỏe để trèo đèo lội suối ra mãi Liên khu Tư để học tiếp thêm.

– Phần em học dở dang cũng được bởi em là phụ nữ. Chớ nó là con trai thì không thể bằng lòng với trình độ lớp Bảy.

– Cô học tới đâu rồi nghỉ?

– Em mới học hết lớp Bảy.

– Ngang với bằng Trung học rồi. Cô có thể xin bổ làm cô giáo Tiểu học.

– Em thấy mình còn dốt lắm. Muốn học thêm mà không đủ phương tiện, muốn tự học mà không có sách. Làm cô giáo không được đâu. Cuộc cở và gặt lúa thì được hơn, bởi điều đó không đòi hỏi kiến thức.

– Tôi không tin là cô có thể gặt lúa như một người thôn nữ chính hiệu khác. Cuộc cở thì được. Người ta cầm cái cuốc nhỏ, cán dài, đứng thẳng lưng gãi nhè

nhẹ lười cuốc lên mặt đất là những bụi cỏ đủ đứt rễ rồi.

Thịnh cười:

– Rõ ràng thầy là một người thị thành nên mới có những ý nghĩ thần tiên như vậy. Gặp bụi cỏ gấu, thầy cứ thủ “gãi nhẹ” coi nó có “đủ đứt rễ” không. Vả lại, dù có “gãi nhẹ nhẹ” mà phải gãi hoài từ sáng sớm tới trưa rồi từ trưa tới chiều, gãi dưới ánh nắng mặt trời gay gắt, thì liệu thầy có thấy việc ấy nhẹ nhàng nữa không? Có còn “đứng thẳng lưng” nổi nữa không?

Tôi vừa cắn vào miếng cam vừa nói:

– Tôi chưa thí nghiệm nên chưa trả lời được. Ít nhất cũng cho tôi thí nghiệm một lần.

– Hôm nào thầy thí nghiệm xem thử.

Sau đó chừng nửa tháng, một hôm tôi có việc phải xuống trụ sở Xã kê khai giấy tờ lý lịch. Trên đường về trời nắng chang chang, tôi bất ngờ gặp Thịnh từ xa đang gánh một gánh đọt mía nặng. Thoáng thấy tôi, nàng lúng túng cúi nhìn xuống đất, thoăn thoắt bước đi. Nhưng tôi gọi giật lại: “Cô Thịnh”. Nàng đặt gánh đọt mía xuống đợi tôi.

– Mùa này sắp trồng mía rồi sao? — tôi hỏi.

– Dạ không. Em đi này ngọn để dậm vào vạt mía bị rầy áp.

Da mặt nàng ướm đẫm mồ hôi, những giọt mồ hôi đậu chi chít trên mũi và trên môi. Quần đen xắn lên để lộ nửa ống chân. Cái áo cánh cụt tay có một đường rách nơi vai để lộ mảnh da trắng. Thịnh bắt gặp tôi đang nhìn vào chỗ vai áo rách

của nàng và nàng ngượng đỏ đôi má. Tôi nói:

– Tôi không ngờ cô giỏi giang thảo vát như vậy. Thật khó mà tưởng tượng một cô giáo có thể gánh nặng đường đó.

– Em đâu phải là cô giáo?

– Ý tôi muốn nói đến cái kiến thức của cô.

– Làm việc lâu rồi quen đi.

Tôi không muốn giữ nàng nói chuyện lâu hơn bởi chỗ chúng tôi đứng không có một bóng cây. Vả lại rõ ràng là nàng không được thoải mái khi tôi thấy những ngón tay cứ mân mê tìm cách che giấu chỗ rách nơi vai áo. Tôi chào già từ và hẹn sẽ đến nhà thăm.

Một hôm mẹ nàng hỏi tôi:

– Lâu nay thầy có tin tức gì trong gia đình không?

Tôi đáp:

– Dạ thỉnh thoảng năm, bảy tháng thì có liên lạc được một lần. Kỳ này lâu được tin, cả năm rồi mà không nhận được thư từ và đồ tiếp tế.

– Vậy thầy ở không lấy gì mà tiêu?

– Cháu mới bán cái đồng hồ đeo tay hiệu Printania. Cái đồng hồ đó vợ cháu gửi ra cho kỳ trước.

– Ở đây ai có tiền mà mua nổi?

– Dạ phải nhờ bạn quen đem xuống Tuy Hòa bán.

– Được bao nhiêu?

– Dạ hai trăm năm mươi ngàn đồng.

– Như vậy cũng còn sướng. Nhà nông bán hết hoa lợi một năm chưa có được số tiền đó.

– Nhưng miệng ăn núi lở, ngồi ăn không thì chẳng mấy chốc mà hết veo. Để cháu phải kiếm một nghề lao động.

– Thầy không quen kham khổ, chịu đựng lao động cực nhọc không nổi đâu.

Im lặng giây lâu chợt bà nói:

– Mà sao thầy không làm đơn xin phép hồi cư?

– Cháu cũng đang vận động xin.

Hôm sau gặp tôi, Thịnh không tươi cười chào như thường lệ. Tôi hỏi gì nàng cũng chỉ trả lời vừa đủ. Tôi nói:

– Hôm nay cô có điều gì buồn?

– Dạ không.

– Không buồn sao cô ít nói hơn thường ngày?

– Dạ không.

Tiếng bước chân của chúng tôi sào sạo trên mặt đường sỏi đá gồ ghề. Khi đến ngã rẽ vào nhà nàg, Thịnh chợt đứng lại quay nhìn tôi:

– Chùng nào thầy hồi cư?

Tôi ngạc nhiên hỏi lại:

– Ai bảo với cô?

– Hôm qua thầy nói với mẹ em.

– Đó là tôi mới dự định.

– Thầy nói thầy đã vận động xin hồi cư rồi mà.

– Tôi chỉ mới vận động. Còn được phép hay không thì chưa chắc.

Thịnh dùng mũi díp mân mê một hòn sỏi dưới chân. Nàng không nhìn lên tôi.

– Chắc thầy trông đợi cho mau đến ngày hồi cư...

– Ô... vâng... Không ... nhưng mà...

Quả tình là tôi đã rất lúng túng. Tôi không biết nói dối và thái độ của Thịnh bất ngờ đối với tôi lúc đó, tôi không kịp chuẩn bị. Tôi như một tên Đại đội trưởng bị lọt vào ổ phục kích và thụ địch hai đầu.

*

Tết năm đó Pháp mở chiến dịch lớn tấn công tỉnh Phú Yên cả hai mặt, mặt

đèo Cả và mặt Tây nguyên. Quê hương của Thịnh náo loạn chạy giặc bởi tiếng đại bác của địch ở miệt Suối Cối nổ ì ầm cả ngày đêm. Tôi gửi ba-lô lên vai chạy theo đoàn cán bộ Xã tìm đường lọt ra ngã Phước lãnh để tránh con đường liên tỉnh số Sáu. Ai cũng lo xa rằng địch có thể chốt một mũi dùi thứ ba từ cửa bể Tiên châu tiến lên chiếm Liên tỉnh lộ số Sáu, bao vây bộ đội và cơ quan hành chánh của ta. Nhiều ước đoán còn cho rằng cánh đồng Phú Long rộng và phẳng có thể là nơi bộ đội Pháp sẽ chọn để nhảy dù. Tất cả mọi dự phỏng đều a tòng với nhau để thúc đẩy chúng tôi chạy, càng mau càng tốt. Tôi không kịp giã từ Thịnh và mẹ nàng. Tôi còn lý luận rằng cho dầu có mạo hiểm phí thì giờ đi tới tìm thì cũng không chắc đã gặp. Những người dân trong xóm đều lật đật tản cư vào những khe núi hốc núi, những xóm rải rác nằm

ba nóc gia nằm kẹt trong những thung lũng hẹp.

Từ lần ra đi vội vã đó, tôi cứ từng bước từng bước lầm lũi đi tới, bỏ xa lần sau lưng cái xóm nhỏ hiền hòa của Thịnh. Tôi hồi cư về thành khi chiến dịch Atlante vừa chấm dứt. Tôi gặp lại vợ con. Đứa con ngày mới ra đi còn nằm trong nôi, bây giờ đã học tới lớp Nhì và nó ngỡ không muốn gọi tôi bằng ba bởi nó không tưởng tượng nổi rằng bằng cách nào mà một người quần áo xốc xếch, dáng dấp thiếu nã hơn anh tài xế ở nhà lại có thể là ba nó được. Sau vài tháng nghỉ ngơi và chữa dứt bệnh sốt rét kinh niên, tôi gia nhập vào cuộc sống ô ạt của miền Quốc gia. Những hưởng thụ vật chất và những bận rộn tinh thần đã choán hết thì giờ của tôi khiến tôi ít có dịp để ngoái nhìn lại quá khứ, để tưởng

tượng xem cái xóm nhỏ của Thịnh hiện sinh hoạt thế nào. Chỉ thỉnh thoảng những lúc đi ra ngoại ô, đôi mắt chợt gặp một chòm cây cao có tàng um tùm trên đầu là tôi bồi hồi nhớ đến cảnh cũ. Nhất là khi đôi tai chợt nghe một tiếng chim vang lanh lảnh từ tàng lá cây đó. Những ngày quá khứ của tôi ở xóm Diêu viên như đầy những tiếng chim và đầy sự im lặng cao cả, man rợ.

Có một lần ông Chánh đi vào Sài Gòn đưa một người con bên vợ vào chữa bệnh ở nhà thương Grall. Ông tìm ghé lại thăm tôi. Tôi mừng quá bắt ông ở lại nhà tôi. Qua đi những câu chuyện hàn huyên, tôi vội vàng hỏi thăm tin tức về gia đình Thịnh.

– Thăng Hòa đi tập kết.

– Nó không phải là cán bộ mà.

– Tôi không được rõ. Không thấy nó về và trong xóm xầm xì là nó theo ra Bắc luôn.

– Còn bà già!

– Cũng còn sức khỏe. Làm ruộng làm nương như hồi xưa, cũng một nắng hai sương, có điều khỏi chạy tàu bay như hồi kháng chiến.

Tôi không dám hỏi về Thịnh. Tôi đang hồi hộp đợi chờ. Tôi sợ rằng nếu tôi cất tiếng hỏi thì giọng nói của tôi sẽ không còn bình thường nữa. Tim tôi đang đập rộn ràng và nhất định là nó ảnh hưởng đến nhịp thở và giọng nói. Sự hồi hộp của tôi xuất phát từ những nghi vấn: Không biết Thịnh có còn ở chỗ cũ không? Có còn như xưa không? Có sự thay đổi gì không? Một tháng cách xa đủ để mang lại cho ta một tin bất ngờ.

Một tin buồn. Thế mà Thịnh thì đang ở cái tuổi có nhiều biến cố.

Ông Chánh nhấp chén trà rồi nhìn ra ngoài đường. Nói nhanh đi! Đừng bắt tôi đợi nữa! Cả tâm hồn tôi đang xoay quanh một người, một khuôn mặt, ông không biết sao? Hay là ông đã đoán biết hết rồi? Ừ nhỉ, ông đã sống một thời thanh niên như tôi, ông cũng đã đam mê, đã yêu, đã mơ mộng. Ông định đùa nghịch tôi chăng? Tôi van xin ông đó.

– À, còn con Thịnh...

Tôi giật mình. Cầu cho những tin tức đều tốt lành. Tôi không đủ sức chong mắt nhìn lên mặt ông Chánh nữa. Đôi mắt mỏi mệt.

– Năm ngoái thằng con Xã Lựu đi hỏi nó...

Tôi nín thở.

– . . .nhưng nó không chịu.

Cảm tạ Thượng đế. Thằng con Xã Lựu thì tôi biết. Nó xấu xí như một con dơi.

– Nhà Xã Lựu giàu mà nó là con độc đĩnh. Má con Thịnh thì đã khứng rồi nhưng con nhỏ nhất định không chịu.

– Ép quá rồi cũng phải chịu.

Ông Chánh lắc đầu:

– Dứt khoát rồi. Thằng con Xã Lựu đã xuống Hảo danh cưới con gái Hương kiểng Xân rồi.

Cảm tạ Thượng đế! Tôi không chịu đựng nổi ý nghĩ Thịnh phải sống cạnh một con dơi xấu xí như vậy. Tôi ghê rợn như khi nhìn một con sâu rọm bò trên

những cánh hoa hồng. Sau hai ngày ở chơi, ông Chánh cáo biệt chúng tôi. Tôi mua quà biếu ông, biếu bà Chánh và nhờ ông mang giùm một gói quà tôi gửi biếu mẹ Thịnh và Thịnh. Tôi không viết thư mà chỉ nhắn miệng mời có dịp nào tiện xin vào ghé chơi với chúng tôi. Vợ tôi hỏi số tuổi của Thịnh rồi gửi thêm một hộp lớn trong đựng những xấp hàng may áo dài, gương lược đắt tiền và nhiều lọ nước hoa.

– Ông trao giùm cho cô Thịnh. Nói đây là phần của riêng tôi biếu cô.

Tôi thầm trách sự thật thà của ông Chánh. Đáng lẽ ông thông minh nói sọt bớt năm ba tuổi để vợ tôi nhầm tính thấy rằng khi tôi gặp Thịnh thì nàng mới chỉ là một cô bé. Đằng này rõ ràng là vợ tôi có điều để có thể suy nghĩ. Một cô gái quê có học và bắt tôi phải nhớ, có đủ bản

lĩnh để chê thằng con một ông Xã nhà giàu, thì dù chưa gặp mặt lần nào vợ tôi cũng không thể nghĩ rằng nàng xấu xí và đàn độn.

Mùa hè năm sau, vợ tôi bị chứng hoại huyết phải vào nằm ở dưỡng đường Saint Paul. Nàng từ trần sau ba tháng chống chọi với bệnh. Khoa học chịu bất lực và sự cầu nguyện chỉ là liều thuốc dành cho người sống. Tôi trở lại cuộc đời cô đơn, lần này còn cực nhọc gấp mấy lần những ngày kháng chiến bởi tôi không còn mơ mộng vô tư như xưa nữa. Cố nhiên là sau ngày đoạn tang vợ tôi, các bạn bè và họ hàng giới thiệu cho tôi những người thiếu nữ, những người đàn bà. Riêng phần tôi, những cuộc gặp gỡ ngẫu nhiên cũng nhiều nhưng quả tình là tôi không gặp được người nào tôi có thể thương yêu một cách an ổn. Người phụ nữ thời

nay sống vội vàng như những đồng hồ. Tình cảm xoay chiều, cử chỉ hời hả, tâm trạng bức dọc. Xoay chiều theo màu áo dài của họ thay đổi hàng ngày. Có những người mà sắc đẹp và tính tình làm tôi tin cậy, nhưng hầu như họ đều đã có chồng rồi. Tôi bao giờ cũng là kẻ đến quá chậm hoặc quá sớm. Sớm đối với những cô còn trẻ.

Chiến tranh Nam Bắc bùng nổ trở lại mỗi ngày mỗi ác liệt trong những năm hoang mang dao động đó của tôi. Ấp chiến lược, đồn dân, đồn làng, phục kích, biểu tình tranh đấu, đàn áp, xử tử, treo bản án, trại tập trung, trại cải huấn, trại học tập... liên miên, đồn dập, thường xuyên. Dân quê chạy tán loạn vào thành phố. Không thể căn cước, không thể gia đình, hành quân Cảnh sát hốt chất đầy xe. Bao nhiêu biến cố đồn dập đó có kết

quả là xóa mờ đi trong óc tôi những hình ảnh của vật của người mà tôi đã gặp, đã quen nơi những miền thôn dã xa xôi của tỉnh Phú Yên. Khi óc tôi dựng lên một cảnh thì y như liền đó nó bị bẻ gãy làm đôi làm ba. Con đường cái không thể chạy dài được đúng theo phận sự của nó. Nó phải bị chặt bị đào, bị khoét thành hố thành vũng bởi mìn bởi bom. Vườn tược không còn xanh màu lá, trắng màu hoa và hồng màu trái chín mà chỉ có màu vàng thê lương của cảnh cây chết khô, màu đen của thân cây bị cháy sém. Những ngôi nhà ngã sập xuống hay cháy tan hoang chỉ còn trơ lại những nền cao. Xóm nhỏ của Thịnh chắc cùng chung một số phận. Không biết hai mẹ con hiện xiêu lạc về phương nào.

Trong những hồi cô đơn, tôi hay nghĩ đến Thịnh. Tôi còn nhớ tâm hồn tươi

mát của nàng, yêu lao động và không đòi hỏi quá nhiều ở cuộc đời. Nàng sống hiền hòa thanh thản và tôi muốn đem những tiện nghi hiện tôi có được để chia sẻ cùng nàng. Tôi cảm thấy cuộc đời của tôi sẽ được bình ổn hơn. Tâm hồn trong sáng yêu đời mang lại cho nàng một năng lực tự tại khó lay chuyển. Tôi chưa hề thấy nàng nuôi thành kiến, chạy hùa theo một phong trào hay vội vã đối phó một dư luận. Nàng phản ứng chậm chạp, cử động khoan thai như lúc nào cũng phải nghĩ chín chắn đã rồi mới làm. Sống giữa một vùng rừng núi xa xôi, tôi có cảm tưởng nàng chịu ảnh hưởng cái vóc dáng uy nghi của thiên nhiên hoang dã và nét uy nghi đó in dấu trên mọi cử chỉ nhỏ của nàng. Tôi yêu quý sự nghiêm cẩn trì trọng đó của loài đá tảng, của thân cây rừng hơn là sự bén nhạy linh hoạt của giống lau sậy. Thịnh có cốt

cách của một người chị, của một người mẹ, của một người em. Tôi muốn được hưởng thụ một tình yêu loại đó hơn thứ tình nóng bỏng của một người yêu đơn thuần. Giữa lúc tâm hồn tôi hướng về Thịnh như con tàu trong cơn bão táp hướng về ánh sáng của ngọn hải đăng xa xôi thì

chợt tôi gặp một người đàn bà ở cùng xóm với nàng, bà Mừng.

Tôi hỏi:

– Ông Chánh hiện tản cư về đâu?

– Dạ, dọn vô Tuy Hòa.

– Mẹ con cô Thịnh?

– Dạ, tập trung về Quận.

– Bà có chắc không?

– Dạ chắc chắn.

Tôi tặng bà một số tiền và nhờ bà đem về trao cho Thịnh một gói quà và một bức thư. Tôi căn dặn phải đưa thư đó tận tay Thịnh, bằng mọi cách. Trong thư tôi buồn rầu báo tin cho nàng biết là vợ tôi đã từ trần hơn bốn năm rồi và cuối thư là lời mời mẹ nàng và nàng tìm dịp đi vào thăm tôi. Thư viết với lời lẽ nghiêm trang bởi tôi biết nó sẽ được nhiều người khác đọc trước nàng. Nhưng một tháng rồi hai tháng lặng lẽ trôi qua. Tôi viết tiếp hai cái thư nữa. Vẫn không có hồi âm. Trong khi đó thì tôi không còn gặp ai quen để hỏi xem hiện nàng ở đâu, hiện nàng như thế nào. Cho đến một sáng chủ nhật. Tôi đang ngồi một mình trong phòng thì nghe tiếng chuông reo ở cổng. Nhìn qua cửa sổ thấy một người mặc quân phục đứng thập thò sau cánh

cửa. Tôi đi ra mở cổng. Người quân nhân chào tôi:

– Thưa thầy.

Tôi ngỡ ngàng.

– Thầy không còn nhớ em? Em là Nhẫn, học trò cũ của thầy.

Ký ức của tôi lơ mờ trước cái tên và khuôn mặt đó nhưng tôi tươi cười:

– Xin mời anh vào chơi. Lâu ngày quá.

Người quân nhân đứng nhích sang một bước rồi quay lại giới thiệu người đi với anh ta.

– Dạ, còn đây là vợ em.

Tôi nhìn sang người đàn bà mà lúc nãy ngồi trong phòng nhìn ra tôi không

thấy. Có lẽ lúc đó nàng đứng lấp sau trụ cổng.

Chợt cơ thể tôi phút chốc như rã rời từng mảnh vụn, Thịnh. Nàng đắm đắm nhìn tôi. Đôi con mắt màu đen.

– Mời anh chị vào.

Chân tôi run run và giọng nói cũng run theo. Tôi hướng dẫn hai người vào xa lông. Mời ngồi. Người ở mang nước. Tiếng xe chạy trên con đường trước nhà, những Suzuki, Yamaha, Jeep, GMC... ào ạt, rầm rộ, nhét đầy vào óc tôi, tràn nghẹt đến mang tai. Tôi như người mất cảm giác. Mất thăng bằng.

Áo của Thịnh phơn phớt màu hoa tím. Đôi bàn tay no tròn đặt lên vạt áo. Ngày xưa đôi bàn tay này cắt quả cam. Không phải cho người quân nhân ngồi bên cạnh.

– Em đang dạy ở trường Tiểu học Mỹ Phú thì có lệnh động viên từng phần. Em học lớp hạ sĩ quan bên Đồng Đế.

– Vâng.

– Còn một tháng nữa thì mãn khóa. Khóa sinh sẽ được phân phối về các đơn vị. Em muốn được về Tiểu khu Phú Yên nhưng sợ bộ chỉ huy đưa đến đơn vị khác.

– Chắc họ cố gắng phân phối hợp lý, ai đến từ tỉnh nào thì cho về tỉnh ấy.

– Dạ, nguyên tắc là vậy nhưng mà còn phải tùy nhu cầu. Em nghe thầy quen lớn nhiều nên em nhờ thầy xin giùm. Miễn họ cho em được về Tiểu khu Phú Yên, ở đó em có người quen.

– Tôi sẽ cố gắng xin giùm anh nhưng kết quả thì tôi không dám bảo đảm.

– Dạ, miễn thầy nói giùm cho em một tiếng.

Mục đích chính của cuộc hội kiến đã được rồi, Nhẫn quay sang giới thiệu vợ:

– Thịnh, chắc thầy còn nhớ?

– Vâng.

– Hồi trước Thịnh cũng có học thầy.

– Hình như không.

Nhẫn uống cạn tách nước.

– Em hỏi mãi mới tìm được địa chỉ của thầy. Xa thầy hàng mười mấy năm mà trông thầy không thay đổi bao nhiêu.

– Tôi chắc phải già đi...

– Dạ không bao nhiêu. Gặp thầy em nhận ra được ngay.

Những câu trao đổi đều vô vị. Tâm hồn tôi mục ruỗng, hoang vắng, tiêu điều. Tôi đang sống hai thế giới: thế giới xã giao nhạt nhẽo với Nhẫn và thế giới tâm tình u uất ghen ngào với Thịnh. Nàng vẫn ngồi đó bất động. Tôi cắt đứt sự im lặng.

– Má cô vẫn khỏe?

– Cám ơn thầy. Bây giờ có tuổi cũng siêng đau vặt.

– Vào ở chung với cô hay ở nhà quê?

– Dạ vào ở với chúng em.

– Cô ở nhà lo việc gia đình hay có đi làm?

Nhẫn đỡ lời:

– Dạ nhà em được bổ dụng giáo viên Ấp, niên khóa này. Dạ, dạy lớp Tư.

Chúng em mới cưới nhau năm ngoái.

Tôi thần thờ nhắc lại trong óc: “Mới cưới nhau năm ngoái.”

– Chị cũng dạy ở trường Mỹ Phú?

– Dạ.

Im lặng một giây. Bỗng Thịnh rụt rè hỏi tôi:

– Cô đi đâu vắng?

Có phải là tôi nghe lầm? “Cô” là ai? Tôi đợi Thịnh hỏi tiếp hoặc nhắc lại câu hỏi.

– Thầy cho phép em vào chào cô.

Tôi bàng hoàng. Câu hỏi đi thẳng vào trái tim tôi như một mũi tên. Té ra Thịnh vẫn chưa biết. Cái thư gửi nhờ bà Mừng trao lại? Những bức thư tôi gửi tiếp theo? Thịnh vẫn tưởng rằng...

Nhấn cầm tách nước trên tay không uống vội, đợi tôi trả lời. Tôi cúi nhìn xuống tấm thảm trải chân.

– Nhà tôi mất cách đây sáu năm.

Thịnh đang lơ đãng đưa mắt trên những gáy bìa sách óng ánh màu chữ vàng, chợt quay phắt lại nhìn tôi. Đôi con mắt ngạc nhiên mở rộng.

– Rồi thầy vẫn ở vậy? Nhấn hỏi.

– Vâng. Hãy cứ ở vậy đã.

– Chắc thầy không muốn chú ở vào hoàn cảnh thầy thì thiếu gì người.

– Anh có lòng tốt nói vậy chứ thực tế không dễ có nhiều người như anh nghĩ đâu.

– Thầy ở một mình như thế này tự do hơn.

– Có nhiều thứ tự do. Ở với một người mình yêu thì tuy có thiệt thòi đôi chút về mặt tự do nhưng ngược lại mình có những tiện nghi khác bù đắp. Cố nhiên là phải được ở với một người yêu mình và mình yêu.

– Thầy chưa gặp được một người như vậy sao?

Tôi ghen ngào:

– Hình như tôi có gặp được một người.

– Sao thầy không cưới?

Tôi lắc đầu:

– Nhưng ... rốt cuộc không thành.

Nhấn đứng dậy xin phép đi lại đầu phố mua một xấp giấy quỳn để vắn thuốc.

– Thuốc lá thơm, lạt quá em hút không được. Đi đâu cũng mang theo thuốc lá ở nhà trồng. Mỗi lần đi hội nghị ở lâu là phải xách đem theo cả kí lô.

– Tiêu thụ nhiều vậy?

Nhẫn cười:

– Em hút thuốc lá như đồng bào Thượng. Vô trong này có hồi hết thuốc, bí quá em phải mua thuốc Cẩm Lệ hút đỡ. Đắng, nặng chớ không ngọt giọng như thuốc ngoài em. Vợ em vô thăm kỳ này mới đem cho một kí thuốc xắc nữa đó. À mà quên, xin lỗi thầy, sáng nay thầy có bận phải đi đâu không? Bọn em tới quấy rầy làm tốn thì giờ thầy.

Tôi vừa đứng dậy đưa Nhẫn ra cổng vừa nói:

– Tôi rảnh cả buổi sáng.

Sau khi chỉ đường cho Nhẫn đi tới tiệm thuốc lá gần nhất, tôi trở vào phòng khách. Thịnh không còn ngồi ở ghế mà đang đứng ở bàn viết của tôi. Tôi bước nhẹ lại gần nàng.

– Thịnh, — tôi gọi nhỏ.

Nàng quay lại nhìn tôi. Hai hàng nước mắt chảy dài trên má.

– Cô có nhận một bức thư của tôi nhờ bà Mừng chuyển?

Nàng lắc đầu.

– Sau đó tôi có viết cho cô hai bức thư nữa. Cô cũng không nhận được?

Nàng lắc đầu.

– Lâu lắm, hồi xưa, ông Chánh có trao cho cô hộp quà do nhà tôi gửi biểu

cô? Tôi nhớ dường như đó là hàng áo dài, lọ nước hoa...

Nàng gật đầu.

Sự im lặng bao vây lấy chúng tôi. Những giọt nước mắt kế tiếp nhau chảy, rơi trên mặt bàn. Thịnh mím môi như cố giữ chẹn những tiếng khóc.

– Tôi đã nghĩ đến cô trong những hồi đơn chiếc. Tôi không quên được nét dịu dàng trên gương mặt, trong cử chỉ và nơi tâm hồn cô. Tôi mong thư cô từng ngày từng giờ, tôi mong sự hiện diện của cô, nơi đây. Một năm. Rồi hai năm. Cuối cùng, tôi đã tuyệt trong sự mong chờ. Cô không hề biết tin rằng nhà tôi đã mất?

Nàng lắc đầu.

– Nếu biết tin nhà tôi đã mất thì dù không nhận được thư tôi, cô cũng tìm

vào thăm tôi, phải không? Bởi cô hiểu rằng tôi có nhiều cảm tình với cô. Có phải là cô sẽ vào thăm tôi không?

Nàng lặng lẽ nhìn tôi.

– Có phải vậy không?

Nàng lắc đầu.

– Sao vậy? Cô có điều gì giận tôi chăng? Cô ghét tôi sao? Trong khi tôi vẫn yêu cô âm thầm, yêu cô âm thầm. Tôi nghĩ đến cô như một người đi đường trường giữa trưa nắng nghĩ đến một dòng suối mát. Cô là dòng suối của tôi. Thế mà cô quên tôi, cô... Tại sao cô ghét tôi? Tại sao?

Thịnh ngẩng mặt lên đăm đăm nhìn tôi. Nước mắt đầy cả hai khoé mắt.

– Cô có ghét tôi không?

Nàng im lặng nhìn tôi không nói.

– Thế sao cô không vào?

Nàng lắc đầu và giọng nói nghẹn ngào, đứt quãng:

– Bởi em không có hi vọng... Em ng-
hèo.

Nàng bật lên tiếng khóc.

Vừa lúc ấy tiếng giày của Nhấn gõ vang ở hè đường trước nhà. Tôi đưa Thịnh vào phòng rửa mặt.

✱

Tôi thù hận sự giàu kể từ ngày đó. Tôi sai tháo hết những rèm cửa, cuốn dẹp tấm thảm ở phòng khách, khiêng cất cái tủ gương trong chùng những cổ

ngoạn quý giá đắt tiền. Tôi thù ghét bộ xa lông đồ sộ bọc nỉ đỏ, thù ghét cái giường gọng vàng, thù ghét mọi tiện nghi mà khoa học Tây phương đang ra sức cung phụng tôi. Trong nỗi niềm cô đơn vắng lặng của tâm hồn tôi, chúng không mang lại cho tôi chút an ủi nào mà hiển nhiên chính chúng là nguyên nhân gây ra nỗi cô đơn hiện tại. Tôi muốn đổi hết tất cả để lấy một căn nhà tranh sơ sài có bức tường bằng đất trét màu vàng, có vuông sân nơi đó mọc một cây xoài quý, có người yêu dịu dàng là Thịnh, dòng suối mát của tôi, niềm an ủi của tôi, bàn tay Thiên thần nơi tôi gục văng trán nhầu nát ưu tư.

Tôi đưa ngón tay vận chiếc máy thu thanh. Nhạc rơi thánh thót và tiếp theo là giọng hát Giao Linh:

*“Em biết thân em phận gái nghèo hèn
Mà lỡ yêu thương ai rồi...”*

Điệu nhạc và lời ca tâm thường nhưng phù hợp với hoàn cảnh của chúng tôi. Giọng hát u trầm của Giao Linh hay là tiếng nức nở của Thịnh?

Em không có hy vọng... Em nghèo.

“Em biết thân em phận gái nghèo hèn.”

Giọng hát nức nở hay tiếng kêu tuyệt vọng của Thịnh bên cạnh nắm mộ của tình yêu lỡ làng? Tiếng ca Giao Linh khắc khoải trôi lên, mỗi đêm ở từ phòng trà, từ rạp chiếu bóng, từ chiếc pick-up gia đình, tôi nghe đã nhiều nhưng xúc cảm u hoài theo thì chỉ từ ngày Thịnh cùng chồng tìm đến thăm tôi. Và cũng từ ngày đó, cuộn băng nhựa có giọng hát

Giao Linh lúc nào cũng thường trực ở đầu giường. Những buổi chiều cô đơn, những giấc khuya vắng lặng, tôi ngồi hồi tưởng đến những ngày kháng chiến xa xôi, đến một khuôn mặt, đến một dáng người, đến miếng rách nơi vai áo, đến dòng nước mắt lăn chã rơi trên mặt bàn, trong khi ngón tay tôi vịn nhẹ để tử tử âm thanh của nhạc rơi nhẹ vào không khí, để tiếng hát Giao Linh lại nỉ non thổn thức:

“Cho kẻ yêu anh không tủi phận mình

*Còn lóe trên môi nụ cười... dù rằng
trong giấc mơ thôi.”*

CÙNG MỘT TÁC GIẢ

Đã in

HOÀI CỔ NHÂN

Ban Mai xuất bản 1959

Lá Bối tái bản 1969

LÁ VẼN XANH

Thời Mới xuất bản 1962

VẾT HẪN NĂM THÁNG

Lá Bối xuất bản 1965

CON SUỐI MÙA XUÂN

Lá Bối xuất bản 1966

KHOẢNG MÁT

An Tiêm xuất bản 1966

HOA BƯỚM BƯỚM

Lá Bối xuất bản 1966

NGƯỜI VỀ ĐẦU NON

Tập San VĂN xuất bản 1968

BÊN KIA ĐƯỜNG

Mặt Trời xuất bản 1968

GIÓ CUỐN

Lá Bối xuất bản 1969

NHỮNG GIỌT ĐẮNG

Lá Bối xuất bản 1969

ÁO EM CÀI HOA TRẮNG

Lá Bối xuất bản 1970

TRẬN ĐÒN HÒA GIẢI

Lá Bối xuất bản 1970

NHÁNH RONG PHIÊU BẠT

Lá Bối xuất bản 1970

TRẦM MẶC CÂY RỪNG

Lá Bối xuất bản 1971

Sẽ in

NHƯ CÁNH CHIM BAY

TIẾNG CA LẶNG LẼ

NGÀY VỀ

Nhà Xuất Bản LÁ BỐI

120, Nguyễn Lâm - CHOLON

Sách đã in năm 1970:

* PHONG TRÀO DUY TÂN

nguyễn văn xuân

* XỬ TRẦM HƯƠNG

quách tấn

* HEIDEGGER TRƯỚC SỰ PHÁ
SẢN CỦA TƯ TƯỞNG TÂY PHƯƠNG

lê tôn nghiêm

* LÚA SẠ MIỀN NAM (thơ)

kiên giang

* CẨM CA VIỆT NAM

toan ánh

* HẢI ĐẢO THẦN TIÊN

đặng trần huân (dịch)

* ĐẠO PHẬT NGÀY MAI

nhất hạnh

SỬ KÝ CỦA TƯ MÃ THIÊN

giản chi và nguyên hiến lê

* NHÁNH RONG PHIÊU BẠT

võ hồng

Sách sẽ in:

* CHỨNG ĐẠO CA

huyền giác, trúc thiên (giới thiệu)

* TRIẾT LÝ HIỆN HỮU

jean wahl, hoàng văn giàu (dịch)

* LỊCH SỬ VĂN MINH ẤN ĐỘ

will durant, nguyên hiến lê (dịch)

* TIẾNG PHÈNG LA

xuân tùng

* ANNA KARÉNINE

léon tolstoï, nguyên minh hoàng
(dịch)

Giá bán: \$7.00

